

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

**Sinh viên : Lê Thị Lan**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**KHAI THÁC VĂN HÓA TỘC NGƯỜI H'MONG Ở  
SAPA ĐỂ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

**Sinh viên : Lê Thị Lan**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên:** Lê Thị Lan

**Mã SV:** 1412601089

**Lớp** : VH1802

**Ngành:** Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

**Tên đề tài:** Khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa để phục vụ hoạt động du lịch.

# **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Về lý luận, tổng hợp và khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa để phục vụ du lịch.
- Về thực trạng, tìm hiểu nét văn hóa tộc người H'mong tại Lào Cai , Sapa, trong hoạt động phát triển du lịch.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác văn hóa tộc người H'mong để phục vụ du lịch trong thời gian tới.

## **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Các tài liệu lý luận cơ bản về du lịch
- Các số liệu về kết quả thống kê thực trạng khai thác văn hóa tộc người H'mong trong các năm từ 2010 tới 2018

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

- Tộc người H'mong ở Lào Cai - Sapa

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : Vũ Thị Thanh Hương

**Học hàm, học vị** : ThS

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa để phục vụ hoạt động du lịch

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

Lê Thị Lan

ThS. Vũ Thị Thanh Hương

***Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2019***

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: ThS. Vũ Thị Thanh Hương  
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: Lê Thị Lan Chuyên ngành: Văn hóa du lịch  
Đề tài tốt nghiệp: Khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa để phục vụ hoạt động du lịch

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận**

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2019*  
**Giảng viên hướng dẫn**

ThS. Vũ Thị Thanh Hương

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
1. Lí do chọn đề tài .....	2
<b>Chương 1.....</b>	<b>5</b>
<b>Cơ sở lí luận về Văn Hóa, Du lịch .....</b>	<b>5</b>
1. Khái niệm về văn hóa và văn hóa tộc người.....	5
1.1 Khái niệm về văn hóa.....	5
1.1.2. Định nghĩa văn hóa .....	6
1.1.3. Đặc trưng và chức năng của văn hóa .....	8
1.1.4. Khái niệm về tộc người và văn hóa tộc người.....	9
1.1.4.1. Khái niệm .....	9
• Khái niệm về tộc người:.....	9
4. Các bài học kinh nghiệm trong khai thác văn hóa tộc người trên thế giới và Việt Nam .....	24
Tiểu Kết Chương 1 .....	33
<b>Chương 2.....</b>	<b>34</b>
<b>Thực trạng Văn hóa tộc người H'mong ở Lai Cai Sapa.....</b>	<b>34</b>
2.1. Lịch sử hình thành tộc người H'mong ở Sapa Lào Cai .....	34
2.2 Điều kiện kinh tế - xã hội .....	35
2.2.1. Thực trạng về kinh tế tộc người H'mong.....	35
2.2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng du lịch.....	36
2.2.3. Thực trạng văn hóa, xã hội tộc người H'mông .....	37
2.2.4 Thực trạng hoạt động du lịch ở Sapa.....	39
2.2.4.2 Thực trạng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho du lịch Sa Pa:.....	41
2.3. Văn hóa tộc người H'mong ở Sapa .....	42
2.3.1. Văn Hóa vật thể .....	42
2.3.2 Văn hóa phi vật thể:.....	46
2.3.2.1. Ngôn ngữ - chữ viết:.....	46
2.3.2.2. Phong tục tập quán .....	47
2.3.2.3. Lễ hội.....	56

2.3.2.4 Văn hóa ẩm thực.....	60
2.4 Các loại hình du lịch khai thác văn hóa tộc người H'mong.....	62
Tiêu kết chương 2.....	64
<b>Chương 3.....</b>	<b>65</b>
<b>Một số giải pháp giữ gìn và khai thác hiệu quả những giá trị văn hóa tộc người H'mong ở Sapa, Lào Cai để phục vụ hoạt động du lịch. ....</b>	<b>65</b>
3.1 Định hướng phát triển du lịch ở Sapa đến năm 2020, tầm nhìn 2030.....	65
3.2 Phát triển sản phẩm du lịch của Sapa .....	66
3.1 Giải pháp trực tiếp đến sự phát triển du lịch văn hóa ở Sapa .....	66
3.3.1 Phương pháp tuyên truyền.....	66
3.3.2 Tập trung đào tạo và đầu tư nguồn nhân lực.....	68
3.3.3 Cơ chế chính sách phát triển du lịch Sapa .....	69
3.2 Một số giải pháp đề xuất khai thác hiệu quả văn hóa tộc người H'mong phục vụ du lịch .....	70
3.4.1 Khôi phục làng nghề truyền thống tộc người h'mong ở sapa.....	70
3.4.3 Đa dạng hóa loại hình du lịch tộc người H'mong ở Sapa .....	73
• Du lịch trekking .....	73
3.3 Xây dựng một số chương trình du lịch có khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa, Lào Cai .....	76
Kết luận .....	83
Tài liệu tham khảo.....	84



## LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của quý thầy cô khoa văn hóa du lịch, Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, sau gần ba tháng thực tập em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp “Khai thác văn hóa tộc người H’mong ở Sapa phục vụ hoạt động du lịch”.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngoài sự nỗ lực học hỏi của bản thân còn có sự hướng dẫn tận tình của thầy cô.

Em chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương, người đã hướng dẫn cho em trong suốt thời gian thực tập, để em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một lần nữa em chân thành cảm ơn cô và chúc cô dồi dào sức khỏe.

Xin cảm ơn tất cả các bạn bè, thư viện, doanh nghiệp đã giúp đỡ, dìu dắt em trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận sự góp ý, chỉ bảo thêm của quý thầy cô cùng toàn thể các bạn.

## LỜI MỞ ĐẦU

Ngành Du lịch là một ngành Kinh tế ra đời khá sớm tuy nhiên du lịch cũng là một ngành kinh tế khá non trẻ trong nền kinh tế nước ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trên thực tế nhà nước ta đã và đang phân đầu đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đưa đất nước mình ra khỏi danh sách những nước nghèo nàn lạc hậu, tạo dựng nền tảng vững chắc cho đất nước với một nền công nghiệp hiện đại thì du lịch cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Du lịch là một ngành xuất khẩu tại chỗ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhắc đến du lịch, chúng ta không thể quên Thomas Cook – ông tổ của ngành Du lịch đã đặt nền móng cho sự phát triển các hãng du lịch hiện đại. Du lịch hiện đại phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới sau chiến tranh thế giới II mà đặc biệt là đầu những năm 60 của thế kỷ 20, ở nhiều quốc gia hàng ngàn công ty lữ hành và đại lý du lịch đã hình thành và phát triển. Chẳng hạn, ở Anh có trên 4000 công ty và đại lý du lịch, ở Mỹ có hơn 6000, ở Pháp có khoảng 1000... các công ty này có phạm vi và quy mô hoạt động rất rộng. Tính chất quốc tế của du lịch cũng đòi hỏi sự phối hợp trên quy mô lớn trong việc tổ chức, phục vụ, giải quyết tình huống. Do vậy, không chỉ có công ty lữ hành quốc gia mà cả những công ty lữ hành mang tầm cỡ quốc tế ra đời và phát triển.

Rất nhanh chóng ngành Du lịch phát triển mạnh mẽ từ Châu Âu đến các châu lục khác. Hiện nay, ngành Du lịch cũng phát triển rất mạnh mẽ ở Đông Nam á: Thái Lan, Malaysia, Philipin,... và Việt Nam còn là một quốc gia hứa hẹn nhiều tiềm năng du lịch. Những năm gần đây do điều kiện kinh tế phát triển chất lượng đời sống nhân dân được nâng cao về mọi mặt và xuất hiện nhiều nhu cầu mới: học tập, tiếp cận tri thức mới, vui chơi, giải trí, ... những điều này đã góp phần tạo cho ngành Du lịch những lợi thế để phát triển.

Trong những năm qua nhờ chính sách mở cửa tạo cho Du lịch Việt Nam một diện mạo mới, lượng khách du lịch quốc tế và nội địa tăng lên đáng kể : Theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), trong 9 tháng đầu năm nay, tổng số khách du lịch đến Việt Nam đạt xấp xỉ 11,7 triệu lượt, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2017. Khách du lịch nội địa đạt 62,1 triệu lượt. Tổng thu từ khách du lịch đạt 451,2 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2017. Cũng theo số liệu khảo sát, lượng khách quốc tế đến Việt Nam bằng đường hàng không đạt 84%, số liệu thống kê năm 2017. Trong khi đó, đường bộ và đường thủy

hiện vẫn được các du khách Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản ưa chuộng. Đại diện Tổng cục Du lịch cho biết ngành Du lịch tiếp tục phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế và nội địa, hoàn thành mục tiêu được giao trong năm 2018: Đón, phục vụ khoảng 15,7 triệu lượt khách quốc tế, 80-82 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 620.000 tỷ đồng.

### **1. Lí do chọn đề tài**

Ngày nay du lịch đã thực sự trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Bất chấp cùng sự đổi mới đất nước hơn 20 năm qua ngành du lịch đã có nhiều tiến bộ và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Những chỉ tiêu về lượng khách, thu nhập, tỷ trọng GDP và việc làm đã khẳng định vai trò của ngành Du lịch trong nền kinh tế quốc dân. Việt Nam là một nước nông nghiệp, diện tích đất đai, sông ngòi lớn nên loại hình du lịch sinh thái đang được chú trọng phát triển với nhiều loại sản phẩm khác nhau để tạo nên một sức hút mới cho ngành du lịch.

Trong những năm qua, du lịch Việt Nam đang trên đà phát triển, lượng khách quốc tế đến cũng như khách du lịch nội địa ngày càng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn trên thế giới, nhiều điểm đến trong nước được bình chọn là địa chỉ yêu thích của du khách quốc tế. Du lịch đang ngày càng nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Chất lượng và tính cạnh tranh của du lịch là những vấn đề nhận được nhiều sự chú ý và thảo luận rộng rãi. Một cách tiếp cận đa chiều về đánh giá chất lượng du lịch sẽ góp phần hình thành các giải pháp đúng đắn nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của du lịch Việt Nam

Sapa là thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai, Việt Nam, đây là một điểm du lịch nổi tiếng từ đầu thế kỉ 20 đến nay. Tạo hóa thiên nhiên ưu ái ban tặng Sapa một bức tranh phong cảnh vừa lãng mạn vừa hùng vĩ, bao la với những rặng núi trùng điệp vờn mây đón gió, những thửa ruộng bậc thang ngút tầm mắt, những hàng thông đứng trầm lặng chứng kiến bao câu chuyện từ thuở Đông Dương trong lòng thị trấn,... Khí hậu Sapa quanh năm mát mẻ cùng những dấu ấn bản địa độc đáo – trong đó phải kể đến nhất là văn hóa của hai dân tộc thiểu số lớn tại Sa Pa là người H'mông và người Dao – kết hợp với không gian kiến trúc châu Âu cổ điển. Tất cả các yếu tố trên đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho các du khách muốn khám phá vùng đất này.

Sapa là một tỉnh miền núi phía bắc có nhiều sinh sống ở đây, mỗi dân tộc lại có một nét văn hóa riêng, một vẻ đẹp riêng. Người H'mông là dân tộc sinh sống đông nhất ở Sa Pa, bản làng người H'mông sinh sống đông nhất là Cát Cát – San

Sả Hồ cách thị trấn Sa Pa 2 Km. Người H'mông ở Sapa có nền văn hóa và nhiều đặc điểm rất đặc biệt. Người H'mông có rất nhiều phong tục và nét đặc biệt trong phong tục và đời sống hàng ngày.

Là người học ngành văn hóa du lịch, lên em muốn tìm hiểu sâu hơn về văn hóa tộc người H'mong nói riêng và các dân tộc thiểu số nói chung. Nhận thức được tầm quan trọng của nền văn hóa dân tộc đối với du lịch. Từ nét văn hóa của người H'mong ở Sapa Lào cai cùng với Giảng viên hướng dẫn Cô: Vũ Thanh Hương em đã chọn đề tài luận văn tốt nghiệp cho mình là : “Khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa Lào Cai để phục vụ hoạt động du lịch.”

## **2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài**

- *Mục tiêu:*

+ Tìm hiểu , khai thác văn hóa tộc người H'mong qua đó giữ gìn và phát triển văn hóa đó để phục vụ hoạt động du lịch.

- *Nhiệm vụ:*

+ Nghiên cứu tổng quan về du lịch và văn hóa người H'mong (vị trí địa lí, văn hóa, dân cư ...vv...)

+ Nghiên cứu thực trạng khai thác văn hóa tộc người H'mong phục vụ hoạt động du lịch.

+ Đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm khai thác tốt hơn văn hóa tộc người H'mong phục vụ hoạt động du lịch.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu thực địa
- Phương pháp thu thập thông tin
- Điều tra xã hội học

## **4. Đóng góp mới của đề tài**

Đề tài khóa luận có những đóng góp chủ yếu sau đây:

- Góp phần khai thác các yếu tố văn hóa đã và đang có, giữ gìn và phát triển các nét văn hóa theo hướng đề tài khai thác văn hóa tộc người H'mong để phục vụ hoạt động du lịch.

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển văn hóa dân tộc H'mong, phát hiện được những thế mạnh và những hạn chế cần phải khắc phục.

- Trình bày được thực trạng phát triển văn hóa du lịch ở địa bàn nghiên cứu

- Đề xuất được định hướng và một số giải pháp cụ thể nhằm phát triển mạnh hơn .

### **5. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu của khóa luận được thực hiện tại huyện Sapa, Lào Cai. Đề tài nghiên cứu khai thác văn hóa tộc người H'mong. Khả năng và điều kiện phát triển văn hóa du lịch của tộc người H'mong để phục vụ hoạt động du lịch.

### **6. Cấu trúc khóa luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận phụ lục và tài liệu tham khảo, khóa luận gồm 3 chương như sau:

**Chương 1:** Cơ sở lí luận về Văn Hóa, Du lịch.

**Chương 2:** Khai thác Văn hóa tộc người H'mong ở Lào Cai Sapa.

**Chương 3:** Một số giải pháp giữ gìn và khai thác nét văn hóa tộc người H'mong để phục vụ hoạt động du lịch

# **Chương 1**

## **Cơ sở lí luận về Văn Hóa, Du lịch**

### **1. Khái niệm về văn hóa và văn hóa tộc người**

#### **1.1 Khái niệm về văn hóa**

- Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình, biểu hiện trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình, biểu hiện trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.

- Khi nghiên cứu quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khái quát các hoạt động của xã hội thành hai hóa, đời sống tộc người H' mong

- Đề xuất các phương pháp khai thác, giữ gìn nét văn hóa vốn có của dân tộc H' mong phục vụ du lịch.

- Loại hình hoạt động cơ bản là "sản xuất vật chất" và "sản xuất tinh thần". Do đó, văn hóa bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

- Văn hóa vật chất là năng lực sáng tạo của con người được thể hiện và kết tinh trong sản phẩm vật chất. Văn hóa tinh thần là tổng thể các tư tưởng, lý luận và giá trị được sáng tạo ra trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người. Đó là những giá trị cần thiết cho hoạt động tinh thần, những tiêu chí, nguyên tắc chi phối hoạt động nói chung và hoạt động tinh thần nói riêng, chi phối hoạt động ứng xử, những tri thức, kỹ năng, giá trị khoa học, nghệ thuật được con người sáng tạo và tích lũy trong lịch sử của mình; là nhu cầu tinh thần, thị hiếu của con người và những phương thức thỏa mãn nhu cầu đó.

- Như vậy, nói văn hóa là nói tới con người, nói tới việc phát huy những năng lực thuộc bản chất của con người nhằm hoàn thiện con người. Do đó, văn hóa có mặt trong mọi hoạt động của con người, trên mọi lĩnh vực hoạt động thực tiễn và sinh hoạt tinh thần của xã hội.

- Tuy nhiên, với tư cách là hoạt động tinh thần, thuộc về ý thức của con người nên sự phát triển của văn hóa bao giờ cũng chịu sự quy định của cơ sở kinh tế, chính trị của mỗi chế độ xã hội nhất định. Tách rời khỏi cơ sở kinh tế và chính trị

ấy sẽ không thể hiểu được nội dung, bản chất của văn hóa. Do đó, văn hóa trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng mang tính giai cấp. Đây cũng là quy luật của xã hội có giai cấp, vì rằng phương thức sản xuất tinh thần, văn hóa không thể không phản ánh và không bị chi phối bởi phương thức sản xuất vật chất. Điều kiện sinh hoạt vật chất của mỗi xã hội và của mỗi giai cấp khác nhau, đặc biệt là của giai cấp thống trị, là yếu tố quyết định hình thành các nền văn hóa khác nhau.

- Nói đến văn hóa là nói đến khía cạnh ý thức hệ của văn hóa, tính giai cấp của văn hóa và trên cơ sở đó hiểu rõ sự vận động của văn hóa trong xã hội có giai cấp. Với cách tiếp cận như vậy, có thể quan niệm: nền văn hóa là biểu hiện cho toàn bộ nội dung, tính chất của văn hóa được hình thành và phát triển trên cơ sở kinh tế - chính trị của mỗi thời kỳ lịch sử, trong đó ý thức hệ của giai cấp thống trị chi phối phương hướng phát triển và quyết định hệ thống các chính sách, pháp luật quản lý các hoạt động văn hóa.

- Mọi nền văn hóa trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng có tính giai cấp và gắn với bản chất của giai cấp cầm quyền. Văn hóa luôn có tính kế thừa, sự kế thừa trong văn hóa luôn mang tính giai cấp và được biểu hiện ở nền văn hóa của mỗi thời kỳ lịch sử trên cơ sở kinh tế, chính trị của nó.

- Một nền kinh tế lành mạnh được xây dựng trên những nguyên tắc công bằng, thật sự vì đời sống của người lao động sẽ là điều kiện để xây dựng một nền văn hóa tinh thần lành mạnh, và ngược lại, một nền kinh tế được xây dựng trên cơ sở bất bình đẳng của chế độ tư hữu với sự phân hóa sâu sắc thì sẽ không có được nền văn hóa lành mạnh.

- Nếu kinh tế là cơ sở vật chất của nền văn hóa, thì chính trị là yếu tố quy định khuynh hướng phát triển của một nền văn hóa, tạo nên nội dung ý thức hệ của văn hóa.

- Trong xã hội có giai cấp, các giai cấp thống trị của mỗi thời kỳ lịch sử đều in dấu ấn của nó trong lịch sử phát triển của văn hóa và tạo ra nền văn hóa của xã hội đó.

### 1.1.2. Định nghĩa văn hóa

- Ở Việt Nam, văn hóa cũng được định nghĩa rất khác nhau. Hồ Chí Minh cho rằng “Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặt ăn, ở và các phương

thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”. Với cách hiểu này, văn hóa sẽ bao gồm toàn bộ những gì do con người sáng tạo và phát minh ra. Cũng giống như định nghĩa của Tylor, văn hóa theo cách nói của Hồ Chí Minh sẽ là một “bách khoa toàn thư” về những lĩnh vực liên quan đến đời sống con người. Phạm Văn Đồng cho rằng “Nói tới văn hóa là nói tới một lĩnh vực vô cùng phong phú và rộng lớn, bao gồm tất cả những gì không phải là thiên nhiên mà có liên quan đến con người trong suốt quá trình tồn tại, phát triển, quá trình con người làm nên lịch sử... “văn hóa” bao gồm cả hệ thống giá trị: tư tưởng và tình cảm, đạo đức với phẩm chất, trí tuệ và tài năng, sự nhạy cảm và sự tiếp thu cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ tài sản và bản lĩnh của cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh”. Theo định nghĩa này thì văn hóa là những cái gì đối lập với thiên nhiên và do con người sáng tạo nên từ tư tưởng tình cảm đến ý thức tình cảm và sức đề kháng của mỗi người, mỗi dân tộc. Riêng Nguyễn Đức Từ Chi xem văn hóa từ hai góc độ. Góc độ thứ nhất là góc độ hẹp, mà ông gọi là “góc nhìn báo chí”. Theo góc nhìn này, văn hóa sẽ là kiến thức của con người và xã hội. Nhưng, ông không mẫn mà với cách hiểu này vì hiểu như thế thì người nông dân cày ruộng giỏi nhưng không biết chữ vẫn bị xem là “không có văn hóa” do tiêu chuẩn văn hóa ở đây là tiêu chuẩn kiến thức sách vở. Còn góc nhìn thứ hai là “góc nhìn dân tộc học”. Với góc nhìn này, văn hóa được xem là toàn bộ cuộc sống -cả vật chất, xã hội, tinh thần- của từng cộng đồng; và văn hóa của từng cộng đồng tộc người sẽ khác nhau nếu nó được hình thành ở những tộc người khác nhau trong những môi trường sống khác nhau. Văn hóa sẽ bị chi phối mạnh mẽ bởi sự kiểm soát của xã hội thông qua gia đình và các tổ chức xã hội, trong đó có tôn giáo.

- Trong những năm gần đây, một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam và kể cả ở nước ngoài khi đề cập đến văn hóa, họ thường vận dụng định nghĩa văn hóa do UNESCO đưa ra vào năm 1994. Theo UNESCO, văn hóa được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng thì “Văn hóa là một phức hệ-tổng hợp các đặc trưng diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm... khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng gia đình, xóm làng, vùng, miền, quốc gia, xã hội... Văn hóa không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà còn cả lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống, tín ngưỡng...”; còn hiểu theo nghĩa hẹp thì “Văn hóa là tổng thể những hệ thống biểu trưng chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong cộng đồng, khiến cộng đồng đó có đặc thù riêng”...



- Nhìn chung, các định nghĩa về văn hóa hiện nay rất đa dạng. Mỗi định nghĩa đề cập đến những dạng thức hoặc những lĩnh vực khác nhau trong văn hóa. Như định nghĩa của Tylor và của Hồ Chí Minh thì xem văn hóa là tập hợp những thành tựu mà con người đạt được trong quá trình tồn tại và phát triển, từ tri thức, tôn giáo, đạo đức, ngôn ngữ,... đến âm nhạc, pháp luật... Còn các định nghĩa của F. Boas, Nguyễn Đức Từ Chi, tổ chức UNESCO... thì xem tất cả những lĩnh vực đạt được của con người trong cuộc sống là văn hóa. Chúng tôi dựa trên các định nghĩa đã nêu để xác định một khái niệm văn hóa cho riêng mình nhằm thuận tiện cho việc thu thập và phân tích dữ liệu khi nghiên cứu. Chúng tôi cho rằng, văn hóa là sản phẩm của con người được tạo ra trong quá trình lao động (từ lao động trí óc đến lao động chân tay), được chi phối bởi môi trường (môi tự nhiên và xã hội) xung quanh và tính cách của từng tộc người. Nhờ có văn hóa mà con người trở nên khác biệt so với các loài động vật khác; và do được chi phối bởi môi trường xung quanh và tính cách tộc người nên văn hóa ở mỗi tộc người sẽ có những đặc trưng riêng.

### 1.1.3. Đặc trưng và chức năng của văn hóa

#### • Văn hóa phải có tính hệ thống:

- Đặc trưng này cần để phân biệt hệ thống với tập hợp; nó giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hóa; phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó.

- Nhờ có tính hệ thống mà văn hóa, với tư cách là một thực thể bao trùm mọi hoạt động của văn hóa xã hội, thực hiện được chức năng tổ chức xã hội. Chính văn hóa thường xuyên làm tăng tính ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Nó là nền tảng của xã hội - có lẽ chính vì vậy mà người Việt Nam ta dùng từ chỉ loại “nền” để xác định khái niệm văn hóa (nền văn hóa).

#### • Đặc trưng quan trọng thứ hai của văn hóa là văn hóa có tính giá trị:

- Văn hóa theo nghĩa đen nghĩa là “trở thành đẹp, thành có giá trị”. Tính giá trị cần để phân biệt giá trị với phi giá trị. Nó là thước đo mọi mức độ nhân bản của xã hội và con người.

- Các giá trị văn hóa, theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần); theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ; theo thời gian có thể phân biệt các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Sự phân biệt các giá

trị theo thời gian cho phép ta có được cái nhìn biện chứng và khách quan trong việc đánh giá tính giá trị của sự vật, hiện tượng; tránh được những xu hướng cực đoan- phủ nhận sạch trơn hoặc tán dương hết lời.

- Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị mà văn hóa thực hiện được chức năng quan trọng thứ hai là chức năng điều chỉnh xã hội, giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường, giúp định hướng các chuẩn mực, làm động lực cho sự phát triển của xã hội.

•Đặc trưng thứ ba của văn hóa là tính nhân sinh:

- Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội do con người sáng tạo với các giá trị tự nhiên. Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người. Sự tác động của con người vào tự nhiên có thể mang tính vật chất hoặc tinh thần.

- Do mang tính chất nhân sinh, văn hóa trở thành sợi dây nối liền con người với con người, nó thực hiện chức năng giao tiếp và có tác dụng liên kết họ lại với nhau. Nếu ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hóa là nội dung của nó.

•Văn hóa còn có tính lịch sử:

- Nó cho phép phân biệt văn hóa như sản phẩm của một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ với văn minh như sản phẩm cuối cùng, chỉ ra trình độ phát triển của từng giai đoạn. Tính lịch sử tạo nên văn hóa một bề dày, một chiều sâu; nó buộc văn hóa thường xuyên tự điều chỉnh, tiến hành phân loại và phân bố lại các giá trị. Tính lịch sử được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng con người qua không gian và thời gian, được đúc kết thành những khuôn mẫu xã hội và cố định dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận...

Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị . Mà văn hóa thực hiện được chức năng quan trọng là chức năng điều chỉnh xã hội. Giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường, giúp định hướng các chuẩn mực, làm động lực cho sự phát triển của xã hội.

1.1.4. Khái niệm về tộc người và văn hóa tộc người

1.1.4.1. Khái niệm

• Khái niệm về tộc người:

- Tộc người (Ethnic) là một cộng đồng người hình thành và phát triển trong

lịch sử, trên một lãnh thổ nhất định, có đặc trưng chung ổn định về ngôn ngữ, đặc điểm sinh hoạt văn hoá văn hóa, có mối quan hệ nguồn gốc, có chung ý thức tự giác tộc người và tên tự gọi.

- Theo nghĩa hẹp, tộc người có thể được hiểu là một cộng người có chung tiếng mẹ đẻ. Như vậy, tộc người tương đương với nhóm ngôn ngữ hay với nhóm dân tộc - ngôn ngữ mà các nhà ngôn ngữ học gọi là nhóm nói tiếng mẹ đẻ. Theo nghĩa này, tộc người là dùng để chỉ những tập hợp người khá thuần nhất, sống cạnh nhau và có chung các đặc điểm về văn hoá mà trong đó yếu tố biểu hiện rõ nhất là việc sử dụng một ngôn ngữ. Nhưng, vấn đề đặt ra là, có rất nhiều cá nhân sống đây đó trên thế giới có cùng một ngôn ngữ mẹ đẻ song lại cách xa nhau về nhiều mặt, như về mặt địa lý (giữa các châu lục), về mặt lịch sử (thuộc nhiều quốc gia khác nhau), về mặt chủng tộc (thuộc các nguồn gốc khác nhau)... thì liệu họ có cùng một tộc người kg, hay họ là những tộc người khác nhau có cùng một ngôn ngữ, hay họ là một tộc người được chia ra làm nhiều tộc người nhỏ?...

- Theo nghĩa rộng, tộc người được hiểu là một cộng đồng người liên kết với nhau bởi một phức hợp các tính chất chung về các mặt: nhân chủng, ngôn ngữ, chính trị,... Sự kết hợp các tính chất đó tạo thành một hệ thống riêng, một cấu trúc mang tính văn hoá chủ yếu - một nền văn hoá riêng biệt. Nói một cách ngắn gọn, tộc người là một tập thể hay đúng hơn, là một cộng đồng người, được gắn bó với nhau bởi một nền văn hoá riêng biệt. Theo nghĩa này, các yếu tố trong hệ thống tộc người có thể phát triển không đồng đều ở mỗi thành viên, hay sự vắng mặt của một trong số các yếu tố ở một thành viên cũng không làm cho họ tách khỏi nhóm tộc người của mình.

• Văn hóa tộc người:

- Đặc điểm thứ nhất của văn hoá tộc người là tính khép kín, biệt lập. Tính khép kín là đặc tính chung của các làng tiểu nông. Trước hết về mặt địa lý, các tộc người cư trú rải rác trên sườn núi, giao thông đi lại rất khó khăn nên càng tăng thêm tính biệt lập của tộc người. Tộc người chỉ bao gồm từ một đến vài ba dòng họ, các dòng họ này cư trú thành chòm xóm nên tạo ra sự xé lẻ của tộc đặc biệt, về thành phần tộc người. Tính khép kín của tộc người được đề cao. Kinh tế tộc người là kinh tế tự cung tự cấp. Một tộc người cổ truyền có thể sản xuất ra tất cả các nhu yếu phẩm chỉ trừ muối và sắt. Kinh tế tộc người ít có sự trao đổi, mà lại khép kín trong làng nên nhu cầu giao lưu kinh tế ít có điều kiện phát triển. Do đó quá trình hình thành chợ vùng cao rất khó khăn. Những chợ sầm uất đông, có nhiều sản

phẩm cũng là những chợ ở vùng biên giới (Phong Thổ - Lai Châu và Pha Long - Bắc Hà - Lào Cai). Còn các vùng Tây Bắc chỉ mới thành lập được vài ba chục năm nay.

- Đặc điểm thứ hai của văn hoá tộc người là quản lý làng bằng cơ chế kết hợp giữa mệnh lệnh hành chính của chính quyền với tập quán pháp và hương ước của tộc. Trưởng tộc do dân bầu nhưng phải được thống lý chứng nhận. Trưởng tộc muốn quyết định những điều hệ trọng của làng phải tham khảo ý kiến của các già làng. Như vậy, cơ chế vận hành của làng, quyền lực của chính quyền và tính tự trị của làng. Sự ràng buộc người dân trong làng đều thông qua "luật" và "lệ". Tùy theo từng lĩnh vực, người dân phải thiên về "luật" hoặc "lệ" nhiều hơn. Khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, đi lao dịch kiện cáo... thì người dân phải dựa vào "luật". Nhưng khi lao động công ích, ứng xử giao tiếp hàng ngày, người dân đều dựa vào các chuẩn mực của tập quán pháp và hương ước. Tuy nhiên các làng Hmông thường xa các trung tâm hành chính nên tính tự trị của làng cao. Và nhiều khi "phép vua thua lệ làng".

- Đặc điểm thứ ba của văn hoá tộc người là quan hệ dòng họ, quan hệ huyết thống nổi trội và nhiều khi chi phối quan hệ láng giềng. Sự phân bố các khu xóm, ngõ trong tộc người đều dựa theo nguyên tắc cùng dòng họ, cùng huyết thống. Mỗi dòng họ cư trú một chòm xóm riêng. Hệ thống tín ngưỡng, qui ước của dòng họ khá phong phú. Trong các lễ thức diễn ra ở tộc người, lễ thức cộng đồng dòng họ, gia đình phát triển hơn lễ thức của cộng đồng làng. Mọi ứng xử trong làng bên cạnh vấn đề dựa theo chuẩn mực của cộng đồng làng còn phải dựa theo chuẩn mực của dòng họ. Dư luận của làng nhiều khi không thống nhất mà còn có nhiều luồng đại diện cho các dòng họ khác nhau. Và quan hệ dòng họ còn vượt lên trên phạm vi cộng đồng làng, tạo thành sợi dây vô hình cố kết tộc người. Tuy nhiên, về các qui ước chung của làng xã, mọi thành viên thuộc dòng họ khác nhau trong làng của phải tôn trọng. Có như vậy quan hệ làng mới tồn tại không bị phá vỡ.

- Đặc điểm thứ tư của văn hoá của một tộc người là thiếu tính ổn định. Nếu như các làng cư dân ruộng nước Tày, Thái, Giáy rất ổn định thì trái lại, làng của người Hmông cổ truyền luôn gắn liền với vấn đề du canh du cư. Bình quân một làng Hmông chỉ tồn tại từ 25 đến 30 năm là xảy ra sự chuyển cư một bộ phận dân làng hoặc cả làng. Nguyên nhân chính là do đất canh tác gần làng cạn kiệt, nương rẫy lại rất chật hẹp không đủ nuôi sống điểm dân cư đông đúc. Do đó qui mô của làng chỉ nhỏ, sức ép dân số tăng, tất yếu sẽ dẫn đến du canh. Người H'mông phải

du canh dẫn đến du cư. Tính chất du cư thể hiện đậm nét ở làng Hmông. Đó là hệ thống nhà cửa không kiên cố. Nơi ở mật tập, ít chú ý đến các công trình chung. Hầu hết các gia đình H'mông không có vườn. Kinh tế vườn không phải là ngành kinh tế truyền thống của người H'mông. Do đó địa điểm lập làng chỉ thiên về nơi có khả năng canh tác truyền thống (phát rừng làm nương rẫy), gần nơi canh tác chứ ít chú ý đến vấn đề giao thông. Làng thiếu ổn định nên tạo ra nếp sống giản đơn, tạm bợ đối với người H'mông. Kiến trúc ngôi nhà hầu hết là làm kiểu nhà ngoãm. Chuồng gia súc, gia cầm ở ngay sát nơi ở của người H'mông. Ngay đến nơi sinh hoạt tôn giáo, nơi thờ thần bản mệnh của người Tày, Việt là ngôi Đình. Còn nơi thờ thần "thổ địa" của người H'mông chỉ là tảng đá to, hốc cây trong khu rừng cấm. Ngày lễ "nào xông" của làng được diễn ra trên bãi cỏ trong rừng. Còn ngày hội "Gầu tào" của làng được tổ chức ngay sườn đồi, một khu đất tương đối bằng phẳng. Nhìn chung làng chưa có những kiến trúc công cộng đẹp, có qui mô.

#### 1.1.4.2. Đặc trưng cơ bản của tộc người:

- Để nhận thức chính xác và sâu sắc hơn về tộc người hay nhóm tộc người (group ethnique), điều quan trọng là phải hiểu được những đặc điểm của các yếu tố cấu thành của nó. Về vấn đề này, chúng ta có thể tiếp cận các yếu tố đặc trưng sau:

- *Trước hết là yếu tố nhân chủng.* Đây là yếu tố nền tảng của việc xác định nguồn gốc tộc người. Căn cứ vào yếu tố này chúng ta có thể xác định được các tộc người được sinh ra từ những bộ phận nào của nhân loại; chúng xuất hiện khi nào và hoà nhập vào nhau ra sao... Khi căn cứ vào yếu tố đặc trưng này, điều quan trọng là phải nc các thành phần lịch sử khác nhau của cư dân trong tộc người, chứ không phải chỉ là thu thập và phân tích các dữ liệu nhân chủng trực quan. *Những thành phần cư dân* ít nhiều có tính nguyên gốc, cùng với *những thành phần cư dân* đóng góp về sau làm thành cơ sở cho qt phát triển tộc người. Các phương hướng pha tạp, kết hợp kế cận hay chồng chéo của các thành phần cư dân sẽ soi sáng cho tình trạng hiện tại của tộc người.

- *Yếu tố dân số.* Bất cứ tộc người nào cũng đều được xác định bằng số lượng người mà nó tập hợp. Chính vì vậy, những số liệu thống kê về dân số là đặc biệt quý giá để đo lường cả về mức độ tiến hoá của tộc người. Mặt khác, chúng còn soi sáng cả về quá trình phát sinh, phát triển hay triển vọng của tộc người.

- *Yếu tố ngôn ngữ.* Ngôn ngữ là tiêu chí cơ bản để phân biệt tộc người này với tộc người khác. Nó là sợi dây liên hệ đặc biệt giữa các thành viên của tộc người. Ngôn ngữ vừa là dấu hiệu bên ngoài, vừa là một yếu tố cấu kết bên trong của cộng đồng tộc người. Nó là sở hữu chung, tài sản chung của tộc người, là

phương tiện chuyển tải nền văn hoá của tộc người.

- *Yếu tố lãnh thổ.* Với tư cách là một xã hội toàn vẹn và tự lập, mỗi tộc người đều chiếm một phần lãnh thổ riêng trên bề mặt trái đất. Lãnh thổ là cái khung vật chất mà trong đó tộc người được cố định, thích nghi và cải biến môi trường tự nhiên. Lãnh thổ của các tộc người có sự khác nhau về hình thức và tùy thuộc vào khả năng và cung cách sinh sống của họ.

- *Yếu tố phương thức sản xuất.* Mỗi tộc người đều hình thành trong nó một lối sống nhất định. Lối sống đó phụ thuộc vào môi trường thiên nhiên, phương thức sản xuất của riêng nó. Đó là công nghệ, tri thức, tín ngưỡng,... Phương thức sản xuất có khả năng chấn chỉnh lại lối sống tổng thể. Phương thức sản xuất là cái dễ biến đổi, nhưng là cái làm cho mỗi tộc người mang đặc trưng riêng, làm cho nó trở thành thuần nhất có cấu trúc riêng và phân biệt nó với các tộc người khác.

- *Yếu tố văn hoá và ý thức tộc người.* Tộc người, với tư cách là công đồng người, tồn tại trên lãnh thổ của mình, có những nét độc đáo về văn hoá. Theo nghĩa rộng, văn hoá của tộc người là những cái “phi vật chất” bao gồm những di sản tinh thần của cộng đồng tộc người dưới tất cả các hình thức của nó. Nó dựa trên cái giá đỡ đặc biệt là ngôn ngữ. Bất cứ một thành viên nào của tộc người mà về mặt tinh thần được hình thành trước hết bởi ngôn ngữ thì đều có thể hoàn thiện thế giới quan của mình thông qua sự thanh lọc của văn hoá tộc người. Điều này tạo cho thành viên đó một nhân cách cơ sở mà trong nhiều trường hợp, anh ta không ý thức được. Nó tạo cho anh ta một tập hợp những tri giác, tình cảm và sự nhận biết về giá trị chung của cộng đồng tộc người. Đó chính là *ý thức tộc người*.

- *Yếu tố cơ sở kinh tế tộc người.* Do cùng sinh sống trên một khu vực lãnh thổ đã hình thành nên cách ứng xử giống nhau trong sinh hoạt kinh tế, tạo ra một cơ sở kinh tế chung của tộc người. Từ đó, hình thành và phát triển các mối liên hệ, quan hệ kinh tế nội bộ tộc người. Mối liên hệ kinh tế là một trong những điều kiện để xuất hiện tộc người (cùng với lãnh thổ), là chất keo có kết tộc người. Cơ sở kinh tế là đặc trưng, là nguyên nhân, điều kiện cho phát sinh, tồn tại của các loại hình thị tộc - bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự thay đổi các mối quan hệ và liên hệ kinh tế tộc người làm thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội và ra đời các loại hình cộng đồng tộc người khác nhau.

- *Có các đặc trưng văn hóa tộc người.* Quá trình sinh tồn, ứng xử của con người với tự nhiên và xã hội đã tạo ra các đặc trưng văn hóa riêng của từng tộc người và trở thành bản sắc tộc người. Văn hóa tộc người thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao giờ cũng mang cốt cách, bản sắc riêng, phân biệt với văn

hóa các tộc người khác. Đặc trưng văn hóa truyền từ đời này sang đời khác tạo sự cố kết tộc người, là yếu tố phân biệt tộc người sâu sắc nhất nên văn hóa là *tiêu chí quan trọng nhất* để xác định tộc người.

1.1.4.3. Ngôn ngữ tộc người:

- Có thể ví Việt Nam như hình ảnh thu nhỏ của bức tranh ngôn ngữ ở Đông Nam Á. Bởi lẽ, 54 dân tộc ở Việt Nam thuộc 8 nhóm ngôn ngữ của 5 ngữ hệ khác nhau ở khu vực Đông Nam Á:

• Ngữ hệ Nam Á, với 2 nhóm:

- Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có 4 dân tộc: Việt, Mường, Thổ, Chứt.

- Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me có 21 dân tộc: Khơ-me, Ba-na, Cơ-ho, Xơ-đăng, Hrê, Mnông, Xtiêng, Khơ-mú, Bru-Vân Kiều, Cơ-tu, Ta-ôi, Mạ, Gié-Triêng, Co, Chơ-ro, Xinh-mun, Kháng, Mảng, Rơ-măm, Brâu, Ô-đu.

• Ngữ hệ Nam đảo có 5 dân tộc: Gia-rai, Ê-đê, Chăm, Ra-glai, Chu-ru.

• Ngữ hệ Thái - Ka-đai, với 2 nhóm:

- Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái có 8 dân tộc: Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (nhóm Cao Lan), Giáy, Lào, Lự, Bố Y.

- Nhóm ngôn ngữ Ka-đai có 4 dân tộc: La Chí, La Ha, Cờ Lao, Pu Péo.

• Ngữ hệ Hmông - Dao có 3 dân tộc: Hmông, Dao, Pà Thẻn.

• Ngữ hệ Hán - Tạng, với 2 nhóm:

- Nhóm ngôn ngữ Hán có 3 dân tộc: Hoa, Sán Dìu, Ngái, và nhóm Sán Chỉ (thuộc dân tộc Sán Chay).

- Nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến có 6 dân tộc: Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La.

- Đương nhiên, mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ của mình. Tiếng Việt, chữ Việt được sử dụng phổ thông và là ngôn ngữ chính thức trong lĩnh vực hành chính của quốc gia. Chữ Việt hiện dùng được sáng tạo từ thế kỷ 17, trên cơ sở dùng mẫu tự La-tinh. Bên cạnh đó, gần ba chục dân tộc thiểu số có chữ viết, nhưng khác nhau về nguồn gốc, cơ sở tự dạng, thời gian xuất hiện, tính hoàn thiện và mức độ phổ biến. Nhiều dân tộc mới có chữ viết sớm muộn khác nhau trong thế kỷ 20, cũng dùng hệ thống tự dạng La-tinh, như chữ của các dân tộc Ê-đê, Gia-rai, Hmông, Cơ-tu v.v.. Một số dân tộc đã sử dụng chữ viết từ lâu đời, theo 2 hệ thống văn tự hoàn

toàn khác nhau: Thuộc hệ thống chữ Sanskrit/Pali là chữ Chăm cổ, chữ Thái cổ, chữ Khơ-me, chữ Lào, chữ Lự. Thuộc hệ thống chữ tượng hình là chữ Hán của người Hoa và trong quá khứ người Việt cũng sử dụng qua nhiều triều đại; đồng thời trên cơ sở chữ Hán một số dân tộc đã tạo ra chữ "nôm" cho mình, như: chữ Nôm của người Việt thời xưa, chữ Nôm của các dân tộc Dao, Giáy, Tày, Nùng, Sán Dìu v.v.. Chữ Nôm xưa kia từng được người Việt dùng trong giáo dục, văn học v.v.. Những dân tộc thiểu số có chữ "nôm" thường dùng loại chữ đó để chủ yếu ghi chép các bài lời cúng và viết trên các tranh thờ cúng. Nay vẫn còn nhiều sách cổ viết trên giấy bản hay giấy dó được lưu giữ trong các làng người Dao, Giáy, Tày, Nùng v.v., nhiều sách cổ viết trên lá buong tồn tại ở người Thái, Chăm, Khơ-me. ở Việt Nam còn thấy cả di tích loại chữ sơ khai gồm hàng loạt ký hiệu như kiểu hình vẽ ghi ý của người Pà Thẻn.

#### 1.1.4.4. Các đặc trưng sinh hoạt văn hóa tộc người:

- Văn hóa truyền thống các tộc người là một kho tàng các giá trị làm nên sự đa dạng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Với những phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng và những làn điệu dân ca, những truyện cổ dân gian, nhạc cụ truyền thống hay các trò chơi độc đáo. Nếp sinh hoạt hàng ngày của tộc người cũng chứa đựng nhiều điều thú vị, phản ánh đời sống của con người vùng cao.

- Đồng thời cũng chứa đựng nét văn hóa từ xa xưa truyền lại. phản ánh những nét sinh hoạt của dân tộc độc đáo. Môi trường sống ở các triền núi cao, khí hậu lạnh khắc nghiệt đã ảnh hưởng sâu sắc đến kiến trúc nhà ở của các tộc người. Từ quan niệm sống, môi trường đã hình thành nên nét độc đáo trong văn hóa kiến trúc. Như đối với tộc người H'mông ở Sapa Lào Cai có hai loại nhà là nhà trình tường lợp ngói và nhà gỗ lợp lá, tranh, vách..

#### 1.1.4.5 Điều kiện tự nhiên của Sapa

- Nguồn gốc tên gọi:

- Tên Sa Pa có gốc từ tiếng H'Mông "*Sa Pả*" nghĩa chữ là *Bãi Cát*, là tên của vùng đất này, và nay còn lại một phần nằm ngoài thị trấn Sa Pa là *xã Sa Pả* của huyện Sa Pa. Cùng với các tên đó là loạt tên xã theo tiếng H'Mông như Lao Chải, San Sả Hồ, Sả Pán, Suối Thầu, Tả Giàng Phình,...

- Từ hai chữ "Sa Pả", người phương Tây phát âm không dấu, thành *Sa Pa* và họ đã viết bằng chữ Pháp hai chữ đó thành "Cha Pa" và một thời gian rất dài sau đó



người ta dùng "Cha Pa" như một từ tiếng Việt. Về sau, từ này viết được thống nhất là *Sa Pa*.

- Thị trấn Sa Pa trước đây có một mạch nước đùn lên màu đỏ đục, nên dân địa phương gọi là "hùng hồ", tức "suối đỏ".

- Lịch sử:

- Năm 1897, chính quyền thuộc địa Pháp quyết định mở một cuộc điều tra về người dân tộc thiểu số miền núi vùng cao. Những đoàn điều tra đầu tiên đến Lào Cai vào năm 1898.

- Mùa đông năm 1903, trong khi tiến hành đo đạc xây dựng bản đồ, đoàn thám hiểm của Sở địa lý Đông Dương đã khám phá ra cảnh quan mặt bằng Lò Suối Tùng và làng Sa Pả. Sự kiện này đánh dấu việc ra đời của thị trấn Sa Pa.

- Năm 1905, người Pháp đã thu thập được những thông tin đầu tiên về địa lý, khí hậu, thảm thực vật... Sa Pa bắt đầu được biết tới với không khí mát mẻ, trong lành và cảnh quan đẹp. Năm 1909, một khu điều dưỡng được xây dựng. Năm 1917, một văn phòng du lịch được thành lập ở Sa Pa và một năm sau, người Pháp bắt đầu xây dựng những biệt thự đầu tiên. Năm 1920, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai hoàn thành, Sa Pa được xem như thủ đô mùa hè của Bắc Kỳ. Tổng cộng, người Pháp đã xây dựng ở Sa Pa gần 300 biệt thự.

- Sa Pa bị tàn phá nhiều theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến năm 1947 và trong chiến tranh biên giới Việt - Trung 1979.<sup>[6]</sup> Hàng ngàn ha rừng thông bao phủ thị trấn bị đốt sạch, nhiều toà biệt thự cổ do Pháp xây cũng bị phá huỷ. Vào thập niên 1990, Sa Pa được xây dựng, tái thiết trở lại. Nhiều khách sạn, biệt thự mới được xây dựng. Từ 40 phòng nghỉ vào năm 1990, lên tới 300 vào năm 1995. Năm 2003, Sa Pa có khoảng 60 khách sạn lớn nhỏ với 1.500 phòng. Lượng khách du lịch tới Sa Pa tăng lên từ 2.000 khách vào năm 1991 đến 60.000 khách vào 2002.

- Vị trí địa lý:

- Sa Pa là huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai có diện tích tự nhiên 68.329 ha, chiếm 8,24 % diện tích tự nhiên của tỉnh, nằm trong toạ độ địa lý từ 220 07'04'' đến 220 28'46'' vĩ độ bắc và 1030 43'28'' đến 104004'15'' kinh độ đông. Phía bắc giáp huyện Bát xát, phía nam giáp huyện Văn Bàn, phía đông giáp huyện Bảo

Thắng, phía tây giáp huyện Than Uyên và Tỉnh Lai Châu.

- Huyện Sa Pa có 17 xã và một thị trấn. Thị trấn Sa Pa là trung tâm huyện lỵ nằm cách thị xã Lào Cai 35 km về phía Tây Nam. Nằm trên trục quốc lộ 4D từ Lào Cai đi Lai Châu, Sa Pa là cửa ngõ giữa hai vùng đông bắc và tây bắc.

- Địa hình:

- Sa Pa có địa hình đặc trưng của miền núi phía Bắc, độ dốc lớn, trung bình từ 35 - 40<sup>0</sup>, có nơi có độ dốc trên 45<sup>0</sup>, địa hình hiểm trở và chia cắt phức tạp. Nằm ở phía Đông của dãy Hoàng Liên Sơn, Sa Pa có độ cao trung bình từ 1.200 m đến 1.800 m, địa hình nghiêng và thoải dần theo hướng Tây - Tây Nam đến Đông Bắc. Điểm cao nhất là đỉnh Phan Xi Păng cao 3.143 m và thấp nhất là suối Bo cao 400 m so với mặt biển. Địa hình của Sa Pa chia thành ba dạng đặc trưng sau:

- Tiểu vùng núi cao trên đỉnh: Gồm các xã Tả Giàng Phình, Bản Khoang, Tả Phìn, San Sả Hồ. Diện tích của vùng 16.574 ha, chiếm 24,42 % diện tích tự nhiên của huyện. Độ cao trung bình của khu vực từ 1.400 - 1.700 m, địa hình phân cắt, độ dốc lớn và thung lũng hẹp tạo thành một vùng hiểm trở.

- Tiểu vùng Sa Pa - Sa Pả: Gồm các xã Sa Pả, Trung Chải, Lao Chải, Hào Thào, Tả Van, Sả Pán và Thị trấn Sa Pa có diện tích 20.170 ha, chiếm 29,72 % diện tích của huyện. Đây là tiểu vùng nằm trên bậc thềm thứ hai của đỉnh Phan Xi Păng, độ cao trung bình là 1.500 m, địa hình ít bị phân cắt, phần lớn có kiểu đồi bát úp.

- Tiểu vùng núi phân cắt mạnh: Gồm 7 xã phía Nam của huyện là Bản Phùng, Nậm Sài, Thanh Kim, Suối Thầu, Thanh Phú, Nậm Cang và Bản Hồ có diện tích 31.120 ha, chiếm 45,86 % diện tích của huyện. Đặc trưng của vùng là kiểu địa hình phún xuất núi cao, đỉnh nhọn, sườn dốc, thung lũng hẹp sâu.

- Khí hậu thời tiết:

- Sa Pa nằm sát chí tuyến trong vành đai Á nhiệt đới Bắc bán cầu, có khí hậu ôn đới lạnh với hai mùa điển hình. Mùa hè mát mẻ, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm, mùa đông lạnh giá, ít mưa kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau .

- Do ảnh hưởng của các yếu tố địa hình, địa mạo phức tạp, bị chia cắt mạnh và với vị trí địa lý đặc biệt nên khí hậu Sa Pa có các đặc trưng cơ bản sau :

- *Nhiệt độ*: Nhiệt độ trung bình hàng năm là  $15,4^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ trung bình từ  $18 - 20^{\circ}\text{C}$  vào tháng mùa hè, vào các tháng mùa đông  $10 - 12^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt độ tối cao tuyệt đối  $33^{\circ}\text{C}$  vào tháng 4, ở các vùng thấp. Nhiệt độ xuống thấp nhất từ tháng 2 năm sau, thấp nhất vào tháng 1 là  $0^{\circ}\text{C}$  (cá biệt có những năm xuống tới  $-3,2^{\circ}\text{C}$ ). Tổng tích ôn trong năm từ  $7.500 - 7.800^{\circ}\text{C}$ . Tuy nhiên do đặc điểm địa hình của các khu vực khác nhau nên tạo ra các vùng sinh thái khác nhau và có nhiệt độ khác nhau trong cùng một thời điểm.

- *Năng*: Tổng số giờ nắng trung bình hàng năm của Sa Pa biến động trong khoảng  $1.400 - 1.460$  giờ. Số ngày nắng không đều giữa các tháng, mùa hè số giờ nắng nhiều, tháng 4 hàng năm từ  $180 - 200$  giờ, tháng 10 số giờ nắng ít nhất, khoảng  $30 - 40$  giờ.

- *Độ ẩm*: Độ ẩm không khí tương đối bình quân hàng năm từ  $85 - 90\%$ , độ ẩm thấp nhất vào tháng 4 khoảng  $65\% - 70\%$ . Do sương mù nhiều, càng lên cao càng dày đặc, đặc biệt trong những thung lũng kín và khuất gió khí hậu ẩm ướt hơn các khu vực khác.

- *Lượng mưa*: Tổng lượng mưa bình quân hàng năm khoảng  $2.762\text{ mm}$ , cao nhất  $3.484\text{ mm}$  và phân bố không đều qua các tháng; mưa cũng phụ thuộc vào địa hình từng khu vực, càng lên cao mưa càng lớn. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng  $80\%$  lượng mưa cả năm. Các tháng ít mưa có lượng mưa trung bình từ  $50 - 100\text{ mm/tháng}$ . Mưa đá hay xảy ra vào các tháng 2, 3, 4 và không thường xuyên trong các năm.

- *Gió*: Sa Pa có hai hướng gió chính và được phân bố theo hai mùa, mùa hè có gió Tây và Tây Bắc, mùa đông có gió Bắc và Đông Bắc. Với địa hình đồi núi phức tạp và nằm sâu trong lục địa, Sa Pa ít chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa mà chủ yếu là gió địa hình diễn ra cục bộ theo từng khu vực, tốc độ gió trung bình đạt  $2,2\text{ m/s}$ , mạnh nhất có thể lên tới  $19,7\text{ m/s}$ . Ngoài ra huyện Sa Pa còn chịu ảnh hưởng của gió Ô Quý Hồ (gió địa phương) cũng rất khô nóng, thường xuất hiện vào các tháng 2, 3, 4.

- *Giông*: Hay gặp vào mùa hè, sau mỗi cơn giông thường có mưa to kéo theo lũ nguồn, lũ quét ở những khu vực có địa hình cao, dốc.

- *Sương*: Sương mù thường xuất hiện phổ biến trong năm, đặc biệt vào mùa đông một số nơi có mức độ rất dày. Trong các đợt rét đậm, ở những vùng núi cao và thung lũng kín gió còn có cả sương muối, băng giá, tuyết. mỗi đợt kéo dài  $2 - 3$  ngày, gây ảnh hưởng xấu tới sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Do địa hình cao, chia cắt phức tạp, phía Tây và Tây Nam được dãy Hoàng

Liên Sơn bao bọc, khí hậu Sa Pa có những nét điển hình riêng và phân chia thành hai vùng khí hậu là vùng cao và vùng thấp, tạo nên sự đa dạng về sản xuất nông lâm nghiệp. Khí hậu Sa Pa mát mẻ và trong lành là nơi nghỉ mát lý tưởng của khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên các hiện tượng tuyết rơi, băng giá, mưa đá, sương muối cũng ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

- Thủy văn :

- Sa Pa có mạng lưới sông suối khá dày, bình quân khoảng 0,7 -1,0 km/km<sup>2</sup>, với hai hệ thống suối chính là hệ thống suối Đum và hệ thống suối Bo.

- Hệ thống suối Đum có tổng chiều dài khoảng 50 km, bắt nguồn từ vùng núi cao phía Bắc dãy Hoàng Liên Sơn được phân thành hai nhánh chính và phân bố ở hầu hết các xã phía Bắc và Đông Bắc gồm các xã Sa Pa, Trung Chải, Tả Phìn với tổng diện tích lưu vực khoảng 156 km<sup>2</sup>.

- Hệ thống suối Bo có chiều dài khoảng 80 km, bắt nguồn từ các núi cao phía Nam dãy Hoàng Liên Sơn với diện tích lưu vực khoảng 578 km<sup>2</sup> chạy dọc theo sườn phía Tây và Tây Nam của dãy Hoàng Liên Sơn gồm các xã San Sả Hồ, Lao Chải, Tả Van, Bản Hồ, Nậm Sài, Thanh Phú, Hầu Thào, Thanh Kim và Bản Phùng.

- Các suối hầu hết có lòng hẹp, dốc, thác ghềnh nhiều, lưu lượng nước thất thường và biến đổi theo mùa, mùa mưa thường có lũ lớn với dòng chảy khá mạnh (suối Bo 989 m/s) dễ gây nên các hiện tượng lũ ống, lũ quét, nhất là đối với vùng thấp. Mùa khô các suối thường cạn.

- Dân cư:

- Đây là nơi sinh sống của dân cư 6 dân tộc: Kinh, H'mong, Dao đỏ, Tày, Giáy, Xá Phó.

- Các dân tộc ở Sa Pa đều có những lễ hội văn hóa mang nét đặc trưng:

- Hội *roóng pọc* của người Giáy vào tháng giêng âm lịch.

- Hội *sải sán* (đạp núi) của người H'Mông.

- Lễ *tết nhảy* của người Dao diễn ra vào tháng tết hàng năm.

- Những ngày phiên chợ ở Sa Pa nhộn nhịp vào tối thứ bảy kéo dài đến chủ nhật hàng tuần. Chợ Sa Pa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách từ phương xa tới. Người ta còn gọi nó là "chợ tình Sa Pa" vì ở đây nam nữ thanh niên người dân tộc H'Mông, Dao đỏ có thể nhờ âm thanh của khèn, sáo, đàn môi, kèn lá hay bằng

lời hát để tìm hay gặp gỡ bạn tình.

-

## 1.2. Khái quát chung về du lịch:

### 1.2.1. Định nghĩa về du lịch:

- Tổ chức du lịch thế giới (WTO) *World Tourist Organization* năm 1995 đưa ra thuật ngữ: “*Du lịch là các hoạt động của con người liên quan đến việc dịch chuyển tạm thời của con người đến một điểm đến nào đó bên ngoài nơi mà họ sống và làm việc thường xuyên cho mục đích giải trí, và các mục đích khác.*”

- Luật Du lịch của Việt Nam (2005) định nghĩa: “*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định*”.

- Qua hai khái niệm cơ bản trên có thể hiểu, con người có nhu cầu đi du lịch là để khám phá, tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng,... tại các điểm đến du lịch ngoài nơi cư trú của khách du lịch. Và trong luận văn, tác giả sử dụng định nghĩa về “**du lịch**” theo Luật Du lịch của Việt Nam (2005) để phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

- Du lịch là ngành không khói, ít gây ô nhiễm môi trường, giúp khách du lịch vừa được nghỉ ngơi, giảm stress vừa biết thêm nhiều điều hay mới lạ mà khách chưa biết. Du lịch còn góp phần phát triển kinh tế của đất nước, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động (hướng dẫn viên, các dịch vụ liên quan...).

- Hiện nay ngành du lịch đang phát triển mạnh ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Nhu cầu về du lịch càng tăng thì vấn đề bảo vệ môi trường cần phải được coi trọng. Có một dạng du lịch nữa, đó là du lịch xúc tiến thương mại, vừa đi du lịch vừa kết hợp làm ăn, cũng rất phổ biến tại Việt Nam.

### 1.2.3. Ý nghĩa mà du lịch mang lại:

- Du lịch khám phá “thế giới bên ngoài”: Nếu cả một ngày 24 tiếng đồng hồ, 1 tháng 30 ngày, 1 năm 365 bạn cứ “ru rú” trong nhà, di chuyển đúng 1 hành trình từ nhà đến cơ quan, từ cơ quan về nhà, từ nhà đến trường học, từ trường học về nhà... thì chắc chắn thỉnh thoảng bạn sẽ thấy cuộc sống tẻ nhạt và buồn chán. Và bạn chẳng thể nào hình dung ra, “ngoài kia”, thế giới bên ngoài có gì hay, vui, lạ, đẹp. Nếu bạn đang trong tình trạng như vậy thì hãy tạm ngưng, tạm gác mọi công việc sang một bên và đi du lịch 1 chuyến, để khám phá thế giới bên ngoài “chuyển động đến đâu rồi”.

- Du lịch sẽ làm cho “thế giới nhỏ lại. Mỗi nơi bạn đặt chân đến sẽ chấm 1 điểm mốc trên bản đồ thế giới và bạn sẽ không còn thấy thế giới này quá rộng hay quá bao la. Văn hóa nơi bạn sống và văn hóa nơi bạn đến du lịch khác xa nhau thế nào, nhưng chỉ một-bước-chân, một hành trình bạn cũng có thể khám phá được. Bạn sẽ biết được sơ lược về cảnh quang, con người, cách sống, phong tục, cuộc sống của những nơi mà mình đặt chân đến. Chắc chắn bạn sẽ được mở rộng tầm mắt và hiểu hơn về thế giới mình đang sống. Và lúc đó, sau mỗi hành trình bạn sẽ cảm thấy dường như thế giới đang nhỏ lại từng ngày, sau mỗi chuyến đi du lịch của bạn.

- Du lịch văn hóa là tập hợp các du lịch liên quan đến sự tham gia của người du lịch với nền văn hoá của một quốc gia hoặc vùng, đặc biệt là lối sống của người dân ở những khu vực địa lý, lịch sử của những người đó, nghệ thuật, kiến trúc, , và các yếu tố khác đã giúp hình thành cách sống của họ.

- Du lịch văn hoá bao gồm du lịch ở khu vực thành thị, đặc biệt là các thành phố lịch sử hoặc lớn và các cơ sở văn hoá của họ như bảo tàng và nhà hát. Nó cũng có thể bao gồm du lịch ở nông thôn thể hiện truyền thống của các cộng đồng văn hoá bản xứ (lễ hội, lễ nghi), các giá trị và lối sống của họ, cũng như những hẻm núi như du lịch công nghiệp và du lịch sáng tạo.

- Nói chung người ta thường đồng ý rằng khách du lịch văn hoá chi tiêu đáng kể so với khách du lịch tiêu chuẩn. Hình thức du lịch này cũng ngày càng trở nên phổ biến trên khắp thế giới, và một báo cáo gần đây của OECD đã nhấn mạnh vai trò của du lịch văn hoá trong phát triển khu vực ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

- Du lịch văn hoá được định nghĩa là "sự di chuyển của con người đến các điểm du lịch văn hoá xa nơi thường trú của họ, với mục đích thu thập thông tin và kinh nghiệm mới để đáp ứng nhu cầu văn hoá của họ". ở châu Âu. CABI, Wallingford. Những nhu cầu văn hoá này có thể bao gồm việc củng cố bản sắc văn hoá của một người bằng cách quan sát "những người khác" kỳ lạ. Du lịch văn hoá có một lịch sử lâu dài, và với nguồn gốc của nó trong Grand Tour được cho là hình thức ban đầu của du lịch. Đây cũng là một trong những hình thức du lịch mà hầu hết các nhà hoạch định chính sách dường như đặt cược vào tương lai. Ví dụ, Tổ chức Du lịch Thế giới khẳng định du lịch văn hoá chiếm 37% du lịch toàn cầu, và dự báo rằng nó sẽ tăng trưởng ở mức 15% mỗi năm. Những con số như vậy thường

được trích dẫn trong các nghiên cứu về thị trường du lịch văn hoá (ví dụ Bywater, 1993), nhưng ít khi được ủng hộ với nghiên cứu thực nghiệm.

- Một nghiên cứu gần đây về thói quen tiêu dùng văn hoá của người châu Âu (Ủy ban châu Âu năm 2002) chỉ ra rằng người ta đã đến thăm các viện bảo tàng và phòng triển lãm ở nước ngoài gần như thường xuyên ở nhà. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của du lịch văn hoá như một nguồn tiêu thụ văn hoá. Việc khái quát hoá tiêu dùng văn hoá vào kỳ nghỉ, tuy nhiên, chỉ ra một trong những vấn đề chính của việc xác định du lịch văn hoá. Sự khác biệt giữa các chuyến thăm văn hoá vào kỳ nghỉ (du lịch văn hoá) và các cuộc viếng thăm văn hoá được thực hiện trong thời gian rảnh rỗi ở nhà là gì? Phần lớn các nghiên cứu do Hiệp hội Giải trí Du lịch và Du lịch (ATLAS) thực hiện trên thị trường du lịch văn hoá quốc tế (Richards 1996, 2001) đã làm nổi bật mức độ liên tục cao giữa tiêu dùng văn hoá trong nước và trong kỳ nghỉ.

- Mặc dù những vấn đề này, các nhà hoạch định chính sách, ban quản lý du lịch và các nhà quản lý văn hoá trên thế giới vẫn tiếp tục coi du lịch văn hoá là một nguồn tiềm năng tăng trưởng du lịch quan trọng. Có một nhận thức chung là du lịch văn hoá là một ngành du lịch "tốt" thu hút du khách chi tiêu cao và ít gây thiệt hại cho môi trường hoặc văn hoá địa phương trong khi đóng góp rất nhiều vào nền kinh tế và hỗ trợ văn hoá. Tuy nhiên, các nhà bình luận khác cho rằng du lịch văn hoá có thể gây hại nhiều hơn lợi ích, cho phép du khách văn hoá thâm nhập vào môi trường văn hoá nhạy cảm như là nhân viên bảo vệ trước của du khách.

- Du lịch văn hóa là xu hướng của nhiều nước. Loại hình du lịch này rất phù hợp với bối cảnh của Việt Nam, rất tốt cho hoạt động xóa đói giảm nghèo quốc gia, vì vậy phải được xem là hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam. Khi xác định hướng đi “văn hóa gắn với du lịch”, người làm du lịch phải có một trình độ nhất định, được đào tạo bài bản về văn hóa nghệ thuật, để có thể tạo được những hiệu ứng từ các hoạt động biểu diễn, lưu lại được những giá trị và ấn tượng văn hóa trong lòng du khách, chứ không chỉ khai thác ánh sáng, âm thanh, màu sắc đơn thuần...

### 1.3. Vai trò văn hóa tộc người và vấn đề phát triển du lịch:

- Vai trò văn hóa tộc người:
- Văn hóa tộc người biểu hiện sự phong phú, đa dạng và đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Đây là công lao, kết quả sáng tạo của hơn 50 dân tộc anh em, là sản phẩm tinh thần ra đời từ tình cảm tâm hồn của nhiều cộng đồng cư trú trong những

hoàn cảnh thiên nhiên địa lý khác nhau. Về hoàn cảnh xã hội, Văn hóa tộc người đại diện cho các thời kỳ văn hóa: tiền giai cấp, phong kiến sơ kỳ và phong kiến phát triển.

- Về hệ ngôn ngữ, Văn hóa tộc người đại diện cho các ngữ hệ: Austronesie, Austroasiatique, Tày - Thái,

- Tạng - Miến, H'mông - Dao,...

- Về khu vực văn hóa, Văn hóa tộc người bao gồm cả văn hóa Đông - Nam Á và văn hóa Bắc Á, lại chịu ảnh hưởng của văn hóa Nam Á.

- Do những ưu thế vừa nói trên, Văn hóa tộc người có tác dụng lớn trong việc bồi dưỡng giáo dục con người Việt Nam XHCN.

- Các hệ ngôn ngữ của tộc người nước ta, là hệ ngôn ngữ phổ biến ở các nước Đông - Nam Á, gắn bó với các nền văn hóa của các quốc gia có ngôn ngữ tương ứng trong khu vực, vì vậy, Văn hóa tộc người có vai trò quan trọng trong việc giao lưu văn hóa, tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau, đặc biệt đối với các nước ASEAN.

- Vấn đề phát triển du lịch:

- Trong du lịch luôn đề cao vai trò của người dân bản địa. Người dân phải thực sự là chủ nhân có quyền tham gia các hoạt động du lịch và phải được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Các doanh nghiệp nhà nước chia sẻ quyền lợi cho cộng đồng các tộc người thiểu số thông qua hệ thống các dịch vụ thuộc cộng đồng như nhà nghỉ của người dân (homestay), bán sản phẩm đồ thủ công, cung cấp dịch vụ ăn uống, đi lại...

- Du lịch là sự kết hợp của 4 nhóm nhân tố: Du khách, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, cư dân bản địa, chính quyền cơ sở. Du khách muốn thỏa mãn các nhu cầu du lịch thì phải có các doanh nghiệp cung cấp, có người dân bản địa tham gia, và được chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, định hướng. Người dân muốn thu được nhiều lợi nhuận qua hệ thống dịch vụ đều thành lập ban đại diện của những gia đình tham gia dịch vụ du lịch. Ban đại diện là đầu mối nhằm quản lý các dịch vụ lưu trú, ăn nghỉ, sinh hoạt... Đặc biệt, ban đại diện có quyền thống nhất về giá cả nhằm tránh tình trạng doanh nghiệp bắt chẹt từng hộ gia đình, ép các hộ gia đình giảm giá để thu lợi ích riêng của doanh nghiệp.



- Vấn đề thiết yếu trong du lịch là loại hình du lịch dựa vào tài nguyên của cộng đồng, do cộng đồng chủ động tham gia xây dựng sản phẩm quản lý và vì lợi ích của cộng đồng. Du lịch được xây dựng và phát triển ở vùng người Thái ở bản Lác, huyện Mai Châu (Hòa Bình) vào giữa thập kỷ 90 của thế kỷ 20. Đến năm 2.000, người Tày ở bản Dền, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai cũng triển khai xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. Sau 20 năm phát triển, đến nay, du lịch cộng đồng được xây dựng thành công ở vùng người Thái, người Tày, người Dao, H'mông tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Thái Nguyên...

- Các điểm du lịch cộng đồng, như: bản Cát Cát (Sapa, Lào Cai), bản Lác, bản Văn (huyện Mai Châu, Hòa Bình), bản Áng (huyện Mộc Châu, Sơn La), bản Mẩn, Phiêng Lơi (Điện Biên), Quản Bạ (Hà Giang)...

- Du lịch đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo nguồn sinh kế mới cho người dân vùng cao. Được biết, các điểm du lịch ở Sa Pa (Lào Cai) có tốc độ xóa đói, giảm nghèo nhanh gấp 3 lần so với các thôn, bản không có du lịch. Năm 2015, số hộ nghèo ở huyện Mai Châu (Hòa Bình) chiếm 20%, trong khi ở các điểm du lịch cộng đồng, số hộ nghèo chỉ chiếm từ 4-5%. Nguồn thu của các hộ làm dịch vụ du lịch cao gấp từ 5-10 lần so với các hộ không làm du lịch.

- Du lịch của các tộc người đang trong xu thế chung phải hướng về phát triển du lịch bền vững. Vì vậy, các điểm du lịch không nên chỉ hướng tới việc thu hút quá nhiều khách, dẫn đến tình trạng quá tải. Các ban quản lý du lịch phối hợp với các hãng lữ hành nên tổ chức cho du khách đến tham quan, bình quân mỗi năm mỗi điểm đón từ 1-3 vạn khách. Các điểm du lịch không đón nhiều du khách nhằm đảm bảo môi trường, bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

#### **4. Các bài học kinh nghiệm trong khai thác văn hóa tộc người trên thế giới và Việt Nam**

- Trên thế giới:

Du lịch văn hóa là một khái niệm còn khá mới mẻ đối với Việt Nam song đã có một lịch sử lâu dài trên thế giới. Có rất nhiều quốc gia thế giới khai thác hiệu quả loại hình này trong đó có các quốc gia Đông Nam Á.

❖ Quan trọng hàng đầu khi khai thác văn hóa tộc người là phải tôn trọng, bảo tồn các giá trị văn hóa; tạo được bản sắc riêng của đất nước, địa phương mình:

- **Campuchia:** là một ví dụ điển hình về thành công trong bảo tồn nguyên vẹn giá trị để phát triển du lịch. Xác định thế mạnh quốc gia là văn hóa- lịch sử với các đặc trưng như: văn hóa Angkor, âm thực Khmer, các đền chùa... quốc gia này đã tiến hành bảo tồn các di sản di tích gần như nguyên gốc, gìn giữ được những nét văn hóa đặc trưng, nguyên thủy. Để đảm bảo được điều đó, ngoài việc áp dụng đúng các nguyên tắc, kỹ thuật trong bảo tồn, Campuchia còn có chính sách khá toàn diện, đồng bộ trong việc ưu tiên bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử. Cụ thể khi lượng khách đến Angkor quá đông, quốc gia này đã có biện pháp hạn chế lượng khách du lịch, thời gian tham quan để không làm hư hỏng các di tích. Bên cạnh đó kiến trúc xung quanh các khu vực du lịch văn hóa cũng được quy hoạch, đảm bảo về chiều cao tối đa hay nâng cấp các tuyến đường song vẫn giữ những cây cầu cổ.

- **Tại Thái Lan,** một đất nước vốn nổi tiếng luôn làm hài lòng khách đến và khiến du khách thấy được như đang ở quê hương mình, việc bảo tồn nguyên vẹn các giá trị văn hóa cũng hết sức được coi trọng. Ví dụ: tại Chiang Mai, kinh đô của Vương quốc Lanna trước đây, nơi được biết đến là “Đóa hồng phương Bắc” của Thái, các bản sắc văn hóa cách đây hàng trăm năm còn được lưu giữ khá nguyên vẹn. Đó là việc giữ gìn tiếng địa phương (tiếng Kham Muang được sử dụng song song với tiếng Thái), trang phục truyền thống, làm các mặt hàng thủ công. Hàng trăm ngôi đền, chùa cũng được gìn giữ kiến trúc, cảnh quan, tạo nên nét đặc trưng riêng, không thể trộn lẫn. Đặc biệt, trong năm 2015, Thái Lan đẩy mạnh du lịch văn hóa với trọng tâm là khám phá bản sắc, các giá trị cốt lõi của người Thái. Ở đây du khách được trải nghiệm, tham gia các lớp học nấu ăn, massage theo đúng truyền thống Thái mà du khách sẽ không thể tìm thấy được ở bất cứ một nơi nào khác.

- **Ở Bali:** trở thành điểm đến nổi bật nhất của Indonesia, tiêu biểu cho thành công của du lịch văn hóa là bởi đất nước này luôn tôn trọng lối sống, tập quán, văn hóa của người bản địa và gìn giữ nó, tạo nên một bản sắc riêng.

❖ Thứ hai đó là hoạt động quảng bá du lịch:

- Trong hoạt động này, sự sáng tạo, táo bạo, chuyên nghiệp là chìa khóa của thành công. Chúng ta vẫn thường viện dẫn ngân sách eo hẹp khiến hoạt động quảng bá tại nước mình nói chung, địa phương mình nói riêng không hiệu quả. Quả thực so với con số hàng trăm triệu USD chi cho quảng bá, xúc tiến du lịch hàng năm của Singapore, Thái Lan, Malaysia,... thì chi phí của chúng ta cho công tác này còn quá thấp. Tuy nhiên bài học từ Phillipines cho thấy, nhiều khi không cần chi phí cao cũng có thể thu lại hiệu quả. Đất nước này trước đây vốn biết đến với

lượng khách quốc tế còn thấp, chi phí cho quảng bá du lịch không quá 10 triệu USD. Với khoản kinh phí khiêm tốn, đất nước này đã nghĩ ra một chiến lược quảng bá hiệu quả, ít tốn kém nhờ dựa vào mạng xã hội trong chiến dịch “It’s more fun in Philippines”. Philippines là nước có số lượng tài khoản mạng xã hội lớn (hàng chục triệu tài khoản Facebook, Twitter, Instagram), khả năng sử dụng tiếng Anh tốt và có một lượng lớn người sinh sống ở nước ngoài. Năm bắt đầu này, chiến dịch đã lôi kéo được đông đảo người tham gia đồng thời gọi lên sự tự hào văn hóa trong mỗi người dân để mỗi cá nhân là một đại sứ du lịch. Bằng việc đưa ra slogan và một vài mẫu hình ảnh đăng lên mạng, cho phép người dùng tải về và tự thiết kế theo cách của riêng mình, sau 24h, thông điệp này đã có 10.000 lượt chia sẻ và lượng khách du lịch sau đó tăng lên khoảng 16%.

- Sử dụng truyền thông kỹ thuật số được ghi nhận là xu hướng hiện nay các quốc gia đang hướng tới trong công tác quảng bá. Ngoài chiến dịch của Philippines đề cập ở trên, Thái Lan cũng là đất nước khai thác mạnh các công cụ truyền thông đại chúng. Năm 2015, Thái Lan triển khai chiến dịch quốc gia Discover Thainess, hướng đến để du khách trải nghiệm cuộc sống người dân bản địa, từ đó cảm nhận sự tử tế của người dân, phong tục, văn hóa Thái Lan. Trong chiến dịch này, Thái Lan tổ chức cuộc thi “*One and Only*” (Một và duy nhất) kêu gọi thể hiện những đặc trưng riêng có, độc đáo của người Thái và văn hóa Thái. Chương trình tiến hành đăng tải các clip biểu diễn 5 nội dung: Muay Thái, nói tiếng Thái, làm vòng hoa kiêu Thái, múa truyền thống Thái, ẩm thực Thái để người tham gia chọn 1 trong 5 và làm theo. Những đối tượng thường sử dụng mạng xã hội được khuyến khích tham gia, chia sẻ. Chiến dịch Discover Thainess cũng đã được khởi động truyền thông, quảng bá từ năm 2014. Với một ý tưởng đầy táo bạo, Tổng cục Du lịch Thái Lan đã cho đăng tải clip “*I hate Thailand*” (Tôi ghét Thái Lan) dưới dạng ẩn danh. Sau khi đăng trên Youtube vài ngày lượt xem lên tới hàng triệu. và nhiều ý kiến phản hồi thể hiện sự thích thú với cách làm này.

- Một bài học khác không kém quan trọng là cần xác định thị trường, đối tượng du khách để có đầu tư quảng bá phù hợp. Sau thống kê lượng khách hàng năm, cần thống kê lượng khách chủ yếu đến từ đâu để tiến hành đẩy mạnh đầu tư vào khu vực đó, hay mở các văn phòng đại diện du lịch tại các quốc gia tiềm năng như cách của Thái Lan vẫn làm. Năm 2015, Indonesia cũng chi một nửa ngân sách quảng bá (trong tổng ngân sách 95 triệu USD, với chiến dịch Tuyệt vời Indonesia tập trung quảng bá văn hóa, con người, ẩm thực... đất nước) vào thị trường các nước Đông Nam Á do nhận thấy 40% lượng khách quốc tế của nước này đến từ

đây. Trong khi đó năm 2015, Thái Lan đẩy mạnh quảng bá ở Trung Đông với việc tổ chức sự kiện quảng bá chiến dịch Discover Thainess tại Dubai. Quyết định này được đưa ra sau khi nhận thấy sự tăng trưởng mạnh của lượng khách đến từ Trung Đông và đồng thời đây là đối tượng chi tiêu mạnh nhất khi tới Thái Lan. Cùng với quảng bá, nước này còn nghiên cứu kỹ lưỡng văn hóa, phong tục Hồi giáo để từ đó bổ sung nơi cầu nguyện, thức ăn phù hợp với đạo Hồi, tăng cường đội ngũ trong nghề có thể sử dụng tiếng Ả rập...

- Những yêu cầu về tính sáng tạo, chuyên nghiệp này đưa chúng ta quay lại vấn đề nguồn nhân lực cho du lịch văn hóa. Chỉ khi chúng ta đào tạo, tuyển chọn được đội ngũ làm nghề có kiến thức, kỹ năng, sự sáng tạo mới có hy vọng phát triển du lịch văn hóa hiệu quả. Các quốc gia có du lịch phát triển trong khu vực đều cho thấy khi đưa ra chương trình, chiến dịch du lịch văn hóa nào họ cũng luôn khảo sát thực tế kỹ lưỡng; phân tích thế mạnh, điểm yếu; bàn bạc tìm phương án; tổ chức hội thảo trao đổi về các phương án; tiến hành thử nghiệm và áp dụng nếu hiệu quả.

- Văn hóa, nếu muốn khai thác đưa vào phát triển du lịch luôn đòi hỏi sự hiểu biết, tinh tế nếu không sẽ có tác dụng ngược lại bởi đó là những gì tinh túy, thiêng liêng; là hồn cốt của con người, của dân tộc.

- **Ở Việt Nam:**

Khai thác văn hóa là một lĩnh vực rộng và phức tạp, vì vậy, kinh nghiệm khai thác văn hóa ở các nước trên thế giới rất cần thiết và bổ ích. Vấn đề đặt ra là từ những kinh nghiệm đó chúng ta cần nghiên cứu, lựa chọn những gì phù hợp với thực tiễn đất nước nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách văn hóa trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng và yêu cầu phát triển của nước nhà trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên quan điểm đó, chúng tôi lựa chọn kinh nghiệm của một số nước tiêu biểu trên thế giới để rút ra những bài học cụ thể cho việc khai thác văn hóa tộc người ở Việt Nam.

- **Khai thác văn hóa tộc người Dao ở Sapa phục vụ du lịch**

Ở vùng núi cao, người Dao Sa Pa tỉnh Lào Cai Việt Nam biết phát huy lợi thế di sản văn hoá phong phú, giàu bản sắc trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn. Tìm hiểu quá trình “xây dựng di sản văn hoá trở thành sản phẩm du lịch” của người Dao Sa Pa nhằm mục đích tìm hiểu kinh nghiệm phát huy lợi thế bản sắc văn hoá dân tộc nhằm phát triển sản phẩm du lịch. Đồng thời cũng nghiên cứu mối quan hệ

giữa vấn đề khai thác tài nguyên du lịch với bảo vệ văn hoá truyền thống, xây dựng phương thức phát triển du lịch bền vững

❖ *Người Dao khơi dậy nghề thủ công truyền thống:*

- Người Dao ở Sa Pa có nhiều nghề thủ công truyền thống có giá trị văn hoá cao như nghề chạm khắc bạc, nghề thêu dệt thổ cẩm làm trang phục, nghề rèn đúc, nghề làm đồ mộc...Tuy nhiên, các nghề này chỉ là nghề phụ mang tính chất hỗ trợ cho trồng trọt là chính. Sản phẩm của các nghề thủ công này chưa trở thành sản xuất hàng hoá mà chỉ mang nặng tính tự cung tự cấp, đáp ứng riêng cho nhu cầu của từng gia đình. Nhưng từ khi du lịch phát triển, người Dao ở Sa Pa đã lựa chọn một số nghề để đầu tư tổ chức sản xuất tạo ra sản phẩm cho du lịch. Điển hình là nghề thêu dệt thổ cẩm. Hội phụ nữ các xã Tả Phìn, Suối Thầu, Nậm Cang đã tổ chức các câu lạc bộ sản xuất thổ cẩm. Câu lạc bộ của hội phụ nữ xã Tả Phìn có đến 300 hội viên tham gia. Câu lạc bộ sản xuất thổ cẩm của phụ nữ xã Nậm Cang có gần 100 hội viên tham gia...Các câu lạc bộ này được các tổ chức phi chính phủ tư vấn về mẫu mã sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm bước đầu. Chính quyền địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi cho vay vốn, tổ chức lớp dạy nghề miễn phí cho người dân. Nhờ vậy mỗi người tham gia sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch đều có thu nhập cao. Bình quân mỗi người thu nhập từ 300.000 – 500.000đ/tháng. Có một số hội viên như các chị Lý Mây Chạn, Lý Tả Dừng, Lý Mây Phạm, Chảo Mây Cói...của xã Tả Phìn thu nhập mỗi năm từ 4 – 7 triệu đồng nhờ bán các sản phẩm cho du khách. Một số hội viên vừa sản xuất vừa trực tiếp bán sản phẩm mỗi tháng cũng thu nhập từ 1 – 2 triệu đồng. Đây là mức thu nhập rất cao của một lao động người Dao ở Sa Pa.

- Nguyên tắc sản xuất nghề thủ công cũng như thêu dệt sản phẩm du lịch phải đảm bảo các yếu tố như kế thừa di sản văn hoá truyền thống. Trong nghề thêu dệt thổ cẩm phụ nữ người Dao đều giữ gìn một số hoa văn cổ độc đáo có dấu ấn riêng của văn hoá tộc người. Các họa tiết hoa văn phổ biến là thêu hình cây thông, thêu hình thầy cúng, hình cây đèn trong lễ cấp sắc hoặc dấu ấn về Bàn vương, hình tượng dấu chân của con chó...Người Dao cũng giữ gìn bảng màu truyền thống gồm có 4 màu chủ đạo là vàng, đen, đỏ, trắng. Trong đó, đề cao cách phối màu đối chọi của hoa văn truyền thống như màu đỏ đi liền với màu trắng, màu vàng thêu liền kề với màu trắng, màu trắng trên nền vải chàm đen...Phương pháp sử dụng màu đối chọi như vậy càng làm nổi bật họa tiết hoa văn tạo ra chất rực rỡ và hấp dẫn của hoa văn người Dao. Tuy nhiên, sản phẩm nghề thêu dệt thổ cẩm thì lại sản xuất đa

dạng, phù hợp với nhu cầu của du khách như các sản phẩm làm đệm, gối, túi đeo điện thoại di động, ví, mũ, túi xách tay, ba lô du lịch...

- Trong nghề chạm khắc bạc cũng vậy, người Dao sản xuất đa dạng hoá các sản phẩm như nhẫn, vòng tay, sợi dây chuyền bạc, các hình kỷ niệm bằng bạc...Nhưng mô típ hoa văn chạm khắc trên bạc vẫn là các mô típ hoa văn cổ truyền. Đồng thời một số cơ sở chạm khắc bạc chỉ sản xuất sản phẩm bằng bạc nguyên chất nhằm giữ uy tín của bạc trắng chứ không sản xuất các loại sản phẩm bằng nhôm, hợp kim.

- Người Dao ở Tả Phìn, Nậm Cang Sa Pa trước đây có nghề làm trống, nghề đóng đồ mộc ghép các thùng gỗ đựng nước...Nhưng sản phẩm của đồ mộc chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân. Ngày nay, qua tìm hiểu nhu cầu của du khách thấy nghề làm mộc có thể sản xuất ra nhiều đồ lưu niệm giá trị nên ông Lý Phủ Kinh ở Tả Phìn đã tập hợp một số nghệ nhân thành lập câu lạc bộ sản xuất các loại trống và đồ lưu niệm. Hiện nay, câu lạc bộ sản xuất của ông đã làm ra rất nhiều loại trống khác nhau theo nhu cầu của du khách như các loại trống nhỏ làm đồ lưu niệm, các loại trống trung bình đến các loại trống lớn làm vật trang trí trong các nhà hàng, khách sạn...Sản phẩm của câu lạc bộ đã có thương hiệu, uy tín trên thị trường, được bày bán ở nhiều cửa hàng ở thành phố Lào Cai và huyện Sa Pa và các cửa hàng bán đồ lưu niệm tại Hà Nội, thành phố Hạ Long. Trung bình mỗi một tháng câu lạc bộ sản xuất trống của ông Lý Phủ Kinh sản xuất được từ 20 – 40 chiếc trống trung bình và trống đại và nhiều trống nhỏ làm đồ lưu niệm. Mỗi tháng các nghệ nhân của câu lạc bộ đều có thu nhập từ 1,5 – 2 triệu đồng một người.

- Nhìn chung, các nghề thủ công phục vụ khách du lịch của người Dao Sa Pa đã được khôi phục và phát triển. Nhờ có du lịch nên nghề thủ công truyền thống của người Dao đã trở thành hàng hoá, sản phẩm du lịch chứ không chỉ là những sản phẩm tự cung tự cấp cho gia đình. Tuy nhiên, các sản phẩm nghề thủ công phục vụ du lịch của người Dao dù có đa dạng, phong phú nhưng vẫn đảm bảo các nguyên tắc cụ thể:

- Các sản phẩm thủ công đều kế thừa kỹ thuật, hoạ tiết, thẩm mỹ truyền thống. Đặc biệt, nhiều sản phẩm của nghề thêu dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc đều nhằm chuyển tải bản sắc văn hoá người Dao thông qua các hoạ tiết, các biểu tượng giàu tính thẩm mỹ.

- Các sản phẩm thủ công này đều đảm bảo nguyên tắc sản phẩm bằng thủ công, không sử dụng máy móc, không sử dụng đồ sản xuất công nghiệp làm

nguyên vật liệu. Các sản phẩm thủ dệt thổ cẩm đều thủ bằng tay và dùng vải thô với các khung dệt cổ truyền chứ không dùng sản phẩm dệt của máy móc hiện đại.

- Các sản phẩm thủ công đều đa dạng hoá về mẫu mã, chủng loại đáp ứng với nhu cầu hiện tại của du khách.

- Các sản phẩm thủ công đều gọn nhẹ, dễ chuyên chở và giá thành không quá đắt mục đích nhằm bán được nhiều sản phẩm.

❖ *Khởi dậy dịch vụ tắm lá thuốc:*

- Trước đây người Dao là dân tộc rất giỏi về y học cổ truyền, sử dụng dược liệu chữa bệnh nổi tiếng trong cộng đồng các dân tộc ở Sa Pa. Phụ nữ người Dao đều có kho tàng tri thức về dược học, nhiều người trở thành những người thầy thuốc nổi tiếng. Trong cuộc sống thường ngày của xã hội người Dao cổ truyền, người Dao đã sử dụng tắm lá thuốc để đảm bảo sức khỏe của các thành viên gia đình. Nhưng hiện nay, nhằm đáp ứng nhu cầu du khách, người Dao đã phát huy việc lấy lá chế biến thuốc tắm trở thành hàng hoá phục vụ du lịch. Riêng ở thôn Sả Xéng xã Tả Phìn huyện Sa Pa có 11 hộ kinh doanh nghề tắm lá thuốc. Các thôn Nậm Tông, Nậm Cang, Giàng Tà Chải...đều có các hộ kinh doanh dịch vụ tắm lá thuốc. Bình quân mỗi gia đình mỗi tháng cũng thu nhập được từ 500.000 – 2 triệu đồng từ dịch vụ lấy và chế biến thuốc lá cho du khách tắm.

❖ *Khai thác nhà ở thành nhà nghỉ cộng đồng:*

- Nhà người Dao truyền thống thường chật hẹp và ít có công trình vệ sinh. Nhưng hiện nay, trước nhu cầu du khách thích nghỉ tại bản làng nên nhiều hộ gia đình người Dao đã tu sửa ngôi nhà trở thành nhà nghỉ cộng đồng phục vụ du khách (homestay). Năm 2005, ở xã Tả Phìn huyện Sa Pa chỉ có 2 gia đình tu sửa ngôi nhà của mình thành nhà nghỉ cộng đồng thì đến nay đã có 11 hộ gia đình làm dịch vụ homestay. Ở Nậm Cang, Bản Hồ, Nậm Sài cũng có nhiều hộ xây dựng ngôi nhà mới hoặc tu sửa nhà cũ trở thành nhà nghỉ cộng đồng. Các ngôi nhà này đều giữ kiến trúc, khuôn viên, mặt bằng, kết cấu bên trong giống như ngôi nhà cổ truyền. Nhưng làm thêm 1, 2 gian ở phía trước cửa nhà làm nhà nghỉ cho du khách vì quan niệm các du khách không làm ảnh hưởng đến bàn thờ tổ tiên và sinh hoạt của các thành viên gia đình truyền thống. Các phòng nghỉ đều bố trí như kiểu nhà nghỉ bình dân, có đồ dùng mới, tủ, bàn ghế, ti vi và có công trình vệ sinh khép kín. Tuy nhiên, vật liệu xây dựng đều là những vật liệu truyền thống gỗ, tre, không sử dụng

các vật liệu hiện đại như xi măng, gạch, ngói. Như vậy, người Dao vẫn giữ được kiến trúc và nếp sống truyền thống trong ngôi nhà đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho du khách sử dụng các dịch vụ của kiểu nhà nghỉ (có ti vi, có hệ thống vệ sinh đảm bảo). Nhờ vậy, số du khách nghỉ tại các nhà nghỉ truyền thống của người Dao tăng rất nhanh. Năm 2005 mới có 200 du khách nghỉ tại các nhà nghỉ cộng đồng ở Tả Phìn thì đến năm 2008 đã tăng lên 514 du khách, và năm 2009 là 1.187 du khách đã nghỉ tại 11 nhà nghỉ của người Dao ở thôn Sả Sếng. Ở Nậm Cang, Bản Hồ, Giàng Tả Chải có vị trí xa trung tâm huyện lỵ nên số du khách nghỉ tại các nhà nghỉ cộng đồng đều tăng nhanh. Bình quân mỗi nhà nghỉ ở các vùng này mỗi năm cũng đón từ 300 – 500 lượt du khách.

- Bên cạnh các dịch vụ phục vụ du lịch trên, người Dao ở Sa Pa còn biết phát huy di sản văn hoá truyền thống tạo thành nhiều sản phẩm và các yếu tố của sản phẩm du lịch. Các thôn bản người Dao được chọn làm điểm du lịch đều xây dựng các đội văn nghệ dân gian, khai thác các di sản dân ca dân vũ truyền thống của người Dao xây dựng thành các tiết mục, chương trình văn nghệ. Đội văn nghệ xã Tả Phìn huyện Sa pa đã khai thác các điệu múa chuông, múa kiếm, múa đèn, các điệu nhảy trong lễ “pút tông”, các điệu nhảy “bát quái” để xây dựng các chương trình văn nghệ phục vụ du khách. Đội văn nghệ ở thôn Nậm Cang xã Nậm Cang lại trích đoạn một số nghi thức độc đáo trong lễ “chải miến”, lễ cấp sắc hoặc sử dụng các làn điệu kèn pí lè xây dựng các chương trình văn nghệ. Đội nhạc kèn pí lè đóng vai trò rất quan trọng trong lễ cưới của người Dao truyền thống. Từ nghi thức đi đón dâu, chào đoàn nhà gái, mời thống gia, răn dạy cô dâu, lễ báo tổ tiên...cho đến lễ mời ăn tiệc cưới, mời hát trong đám cưới...đều sử dụng nhạc kèn pí lè. Các đội văn nghệ của người Dao đã phát huy các làn điệu kèn truyền thống trở thành các điệu kèn đón chào du khách, mời tiệc du khách, tặng quà du khách...Nhờ khai thác các chất liệu dân gian truyền thống nên các chương trình biểu diễn nghệ thuật phục vụ du khách đều giàu bản sắc và hấp dẫn. Ở các điểm du lịch của người Dao ở Sa pa đã phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức quảng bá các ngày lễ, các ngày hội, các ngày sinh hoạt cộng đồng cho du khách. Các sinh hoạt này đã được các hãng lữ hành xây dựng thành các sản phẩm du lịch chào bán cho khách quốc tế. Đặc biệt du khách rất thích xem các cảnh hát giao duyên, các lễ cưới, lễ “pút tông”...của người Dao

- Các làng người Dao ở Sa Pa đang xây dựng trở thành những điểm sáng về du lịch cộng đồng. Du lịch cộng đồng đã hình thành và phát triển, mỗi năm đều đón nhiều du khách, góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người



dân. Có được những thành quả như vậy là nhờ người Dao ở Sa Pa đã xây dựng thành công mô hình du lịch cộng đồng có sự liên kết chặt chẽ của “4 nhà”. Nhà nước định hướng và xây dựng chính sách quản lý phát triển du lịch cho toàn vùng. Các gia đình người dân tham gia làm du lịch đều có quyền lợi và nghĩa vụ bảo tồn di sản văn hoá dân tộc. Các nhà doanh nghiệp tăng cường quảng bá đưa du khách đến tham quan. Các nhà tư vấn (nhất là tổ chức phi chính phủ SNV) đã góp phần tư vấn cho người dân các biện pháp phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Đồng thời các điểm du lịch cộng đồng người Dao ở Sa Pa không chỉ coi trọng chất liệu truyền thống để xây dựng các sản phẩm du lịch, mà quan trọng hơn là thực hành các di sản văn hoá ngay tại cộng đồng theo hướng phát triển du lịch bền vững. Bản sắc văn hoá dân tộc trở thành nguồn lực cho du lịch cộng đồng người Dao phát triển. Ngược lại, du lịch càng phát triển thì càng khuyến khích người dân bảo tồn được di sản văn hoá truyền thống của dân tộc mình.

#### **•Phát triển du lịch từ văn hóa tộc người Chăm ở Ninh Thuận:**

- Ninh Thuận là tỉnh có đông người Chăm sinh sống nhất so với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Vì thế, văn hóa Chăm ở đây khá đậm đặc, thể hiện qua chữ viết, trang phục, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, nghề gốm, dệt thổ cẩm. Nghệ thuật dân ca và múa Chăm đã trở thành di sản của văn hóa Việt Nam. Đến nay, người Chăm vẫn giữ các nghi lễ như: lễ Katê, lễ Rija Nugar, lễ Rija Praung, lễ khai nương, lễ xuống gặt, lễ mừng cơm mới... Không gian văn hóa Chăm có sức lôi cuốn đặc biệt, từ phong tục tập quán theo chế độ mẫu hệ, đến những nghi lễ, tín ngưỡng cùng nhiều nghệ thuật dân gian truyền thống khác.

- Về văn hóa phi vật thể, người Chăm ở Ninh Thuận có hơn 100 lễ hội diễn ra quanh năm và vẫn đang được bảo tồn nhờ ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của chính cư dân bản địa. Bên cạnh đó, theo thống kê có khoảng 17.000 bài viết, đầu sách nghiên cứu về văn hóa Chăm ở các lĩnh vực như nhân học, sử học, diễn xướng dân gian, các lễ hội... đã được sưu tầm, nghiên cứu. Tỉnh cũng đã có chủ trương bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống, kết hợp khai thác tiềm năng du lịch làng nghề, khi phê duyệt đề án Chiến lược marketing gốm mỹ nghệ Bàu Trúc giai đoạn 2010 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Hiện làng nghề Bàu Trúc cùng nghệ thuật làm gốm của người Chăm đang được làm hồ sơ trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

- Từ tiềm năng sẵn có, Ninh Thuận đã xây dựng nhiều chương trình du lịch gắn liền với không gian văn hóa Chăm, trong đó có loại hình du lịch homestay. Khách cùng ăn, ở, sinh hoạt với người địa phương, đắm mình trong các chương trình ca múa dân gian, nhạc kịch truyền thống lâu đời của người Chăm, trải nghiệm cách dệt thổ cẩm (Mỹ Nghiệp) và làm gốm (Bàu Trúc) bằng phương pháp thủ công... Loại hình du lịch này được khách du lịch, đặc biệt là khách nước ngoài yêu thích. Ngoài ra, tỉnh còn phối hợp với các tỉnh, thành phố ở miền Trung có di sản văn hóa Chăm như Bình Định, Nha Trang..., xây dựng các chương trình du lịch về thăm làng Chăm, tham gia các lễ hội theo mùa...; kết hợp du lịch văn hóa Chăm với các loại hình du lịch khác nhằm đưa du lịch văn hóa Chăm trở thành một mắt xích quan trọng trong các sản phẩm du lịch ở Ninh Thuận.

- Xác định sự đón tiếp niềm nở, thái độ hiếu khách, phục vụ tận tình của người địa phương sẽ tạo ra ấn tượng tốt đẹp trong lòng khách tham quan, Ninh Thuận đang xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, bảo tồn, hướng dẫn viên có chuyên môn sâu và đam mê văn hóa Chăm, thông thạo ngoại ngữ. Ngoài ra, tỉnh cũng đẩy mạnh nghiên cứu cung và cầu du lịch đối với văn hóa Chăm, nhằm tạo ra các sản phẩm độc đáo, đa dạng và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

### **Tiểu Kết Chương 1**

Ngày nay, du lịch được xem là ngành kinh tế không kém quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Du lịch trở nên phổ biến và là nhu cầu không thể thiếu của con người khi đời sống tinh thần của họ ngày càng phong phú

Văn hóa là cội nguồn, là tương lai của dân tộc, nó xác định chỗ đứng của một quốc gia dân tộc trên thị trường thế giới. Chính vì thế, muốn được thế giới biết đến mình thì một quốc gia cần phải xây dựng cho mình một nền văn hóa tiêu biểu, đậm đà bản sắc dân tộc. Hoạt động du lịch chính là một trong những phương tiện để thực hiện mục đích đó.

Chương 1 là những cơ sở lí luận, những tìm hiểu chung về văn hóa, du lịch và du lịch văn hóa. Trong đó đã tìm hiểu về các khái niệm văn hóa, đặc trưng của văn hóa, khái niệm về du lịch, du lịch văn hóa, mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa. Đây là phần tổng quan về lí luận để đi tới tìm hiểu những vấn đề cụ thể của đề tài.

## **Chương 2**

# **Thực trạng Văn hóa tộc người H'mong ở Lào Cai Sapa**

### **2.1. Lịch sử hình thành tộc người H'mong ở Sapa Lào Cai**

- Dân tộc H'mong sinh sống ở Việt Nam có khoảng 80 vạn người thuộc nhóm ngôn ngữ: Hmông- Dao. Người Hmông (từ Quý Châu- Vân Nam- Quảng Tây- Trung Quốc) thiên di vào Việt Nam cách ngày nay khoảng 300 năm, bằng nhiều đợt, rải rác suốt thời gian dài cho tới cuối thế kỷ XIX. Người Hmông vào Việt Nam là do nguyên nhân: trong lịch sử các triều đại phong kiến Trung Hoa đã gây ra nhiều cuộc chiến tranh tàn bạo và đẫm máu, đàn áp nhiều tộc người (trong đó có dân tộc Hmông), để giành quyền cai trị đất nước, làm người Hmông phải thiên di đi khắp nơi.

- Điểm đầu tiên, họ đặt chân đến là Mèo Vạc trên cao nguyên Đông Văn (Hà Giang), nơi địa đầu Tổ quốc Việt Nam. Vì thế, người Hmông sinh sống ở Việt Nam đều coi cao nguyên Đông Văn là quê hương đất tổ của mình. Người Hmông phân chia thành 4 nhóm: Hmông Hoa (Hmông Lèn), Hmông Đen (Hmông Dú), Hmông Xanh (Hmông Chúa), Hmông Trắng (Hmông Đu). Tuy có 4 nhóm Hmông khác nhau, nhưng về ngôn ngữ và văn hoá cơ bản giống nhau, sự khác nhau giữa các nhóm chủ yếu là dựa trên trang phục phụ nữ.

- Dân tộc Hmông phân bố khắp trên các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An và số ít ở Phú Thọ. Sau ngày giải phóng miền Nam (1975), một bộ phận Người Hmông di cư vào sinh sống ở các tỉnh Tây Nguyên. Người Hmông ở Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ về nguồn gốc, ngôn ngữ, văn hoá với cộng đồng người Mèo ở Lào, người Mông ở Thái Lan, người Miêu ở Trung Quốc và Myanma.

- Tuy cư trú ở độ cao từ 700m đến 1.500m, rải rác khắp nơi trên miền núi phía Bắc Việt Nam và trên Tây Nguyên, nhưng tộc người Hmông vẫn duy trì được bản sắc văn hoá độc đáo của mình trong cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam.

**2.2 Điều kiện kinh tế - xã hội****2.2.1. Thực trạng về kinh tế tộc người H'mông**

- *Trồng trọt*: Đồng bào dân tộc H'mông chủ yếu canh tác trên diện tích lúa nước (ruộng bậc thang 01 vụ), diện tích nương trồng ngô, đỗ. Phỏng vấn tại 1.757 hộ tại 19 xã dân tộc H'mông thực hiện đề tài khoa học năm 2012 cho thấy, đã có 1.740/1.757 hộ đưa giống lúa mới, ngô mới có năng suất cao, có giá trị kinh tế vào sản xuất chiếm 93,34%. Tại 45 thôn bản khảo sát, đã có 42 mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, 1.870 lượt người được tập huấn kỹ thuật về sản xuất; 1.044 lượt hộ được hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm; 4.440 lượt hộ được hỗ trợ vật tư sản xuất nông, lâm nghiệp, khai hoang mới diện tích lúa nước, duy trì và mở rộng diện tích thâm canh lúa, ngô hàng hóa, hình thành vùng thảo quả, chuối, dứa, cây ăn quả, thuốc lá, đậu tương cao sản, chè, sắn; bước đầu một số thôn bản có người Mông sinh sống được quy hoạch trồng cây cao su... Số hộ có nguyện vọng vay vốn hỗ trợ sản xuất ngày càng tăng, đã có 68,86% số hộ sử dụng các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất.

- *Chăn nuôi*: Khảo sát, phỏng vấn ở 1757 hộ (tại 19 xã khảo sát thực hiện đề tài năm 2012) đàn đại gia súc có 10.078 con (trâu 8.282, bò 993, ngựa 803) trung bình mỗi hộ có 1,25 con. Đàn lợn 19.980 con, trung bình mỗi hộ có 2,48 con. Trên 80.000 con gia cầm, trung bình mỗi hộ có khoảng 15 con.

- *Về lâm nghiệp*: Diện tích đất lâm nghiệp và rừng ở Lào Cai chiếm 79,67 % diện tích đất tự nhiên (336.210,6 ha), hơn 80% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, sống nhờ vào nguồn tài nguyên rừng. Thực hiện Chỉ thị 38 của Chính phủ, tỉnh Lào Cai đã rà soát xong và cấm 4.946 m<sup>3</sup> giới các loại rừng theo mục đích sử dụng, qua đó đã chuyển hơn 200 nghìn ha đất lâm nghiệp và rừng phòng hộ ít xung yếu phục vụ phát triển rừng sản xuất. Tính đến 2012, Lào Cai đã cơ bản giao xong 286 nghìn ha đất lâm nghiệp cho hơn 50 nghìn hộ gia đình và 15 tổ chức nhận khoán nuôi bảo vệ và trồng rừng kinh tế. Qua hai năm thực hiện đề án chuyển đổi nương rẫy sang trồng rừng kinh tế, gần 400 hộ nông dân vùng cao, vùng sâu thuộc ba huyện nghèo (diện chương trình 30a và có đồng bào H'mông) là Mường Khương, Bắc Hà và Si Ma Cai đã chuyển đổi được 350 ha nương rẫy sang trồng rừng bằng các loại cây bản địa có khả năng thích nghi cao, ngoài thân gỗ còn cho thu quả, hạt để bán ra thị trường như trám, sơn tra (táo mèo), trâu, tre măng Bát Độ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Thương mại, dịch vụ*: Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch vùng đồng bào dân tộc Mông bước đầu hình thành ở một số địa phương, như Hữu Thào, Lào Chải

(Sa Pa), Bản Phố (Bắc Hà), Sín Chéng (Si Ma Cai). Ở một số xã, như: Bản Lâu (Mường Khương), Phong Niên (Bảo Thắng), Lũng Phình (Bắc Hà), các hộ tự mua, hoặc góp vốn mua ô tô tải làm phương tiện vận tải vật liệu, nông sản cho gia đình và bà con trong vùng. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực tiềm năng chưa được khai thác phát triển ở vùng đồng bào dân tộc H'mông.

### 2.2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng du lịch

Trên phạm vi toàn tỉnh (462 thôn bản có trên 90% dân tộc H'mông) mới có 11,9% thôn bản được đầu tư đường nhựa, 35,28% thôn bản có đường cấp phối, 228 thôn bản làm đường đất, chiếm 49,36%; còn 16 thôn bản chưa có đường liên thôn, đi lại bằng đường mòn chiếm 3,46%. Tại 45 thôn, bản được khảo sát cho thấy, số hộ có xe máy chiếm 72,90%.

Công trình thủy lợi được bê tông hóa, toàn tỉnh đạt tỷ lệ 69,8%, chủ động tưới tiêu được 86,16% diện tích lúa, cơ bản đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và dân sinh. Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hiện nay có 843 km góp phần thực hiện tiêu chí nông thôn mới về thủy lợi, toàn tỉnh có 120 xã/144 xã đạt tiêu chí, còn 110 thôn bản vùng dân tộc H'mông chưa được đầu tư thủy lợi (chiếm 24%). Tại 19 xã được khảo sát đã có 15.870m kênh mương được cứng hóa, chiếm 83,63% góp phần chủ động tưới tiêu, giảm thất thoát nước và công sức nạo vét, tu sửa của nhân dân, hỗ trợ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, ổn định đời sống nhân dân và bước đầu có sản phẩm bán ra thị trường.

Việc phát sóng qua vệ tinh VINASAT1 đã phủ kín 100% địa bàn. Số giờ phát sóng tiếng dân tộc năm 2012 là 1700 giờ; năm 2013 là 2700 giờ. Tỷ lệ hộ dân có thiết bị xem truyền hình 79%; Tỷ lệ hộ dân được xem truyền hình Việt Nam 87%; xem truyền hình Lào Cai 65%; Tỷ lệ hộ dân được nghe đài Tiếng nói Việt Nam 97%, Tỷ lệ hộ dân được nghe phát thanh địa phương 98%. Khảo sát tại 19 xã cho thấy có 3204 hộ dân tộc H'mông được xem truyền hình chiếm 77,50%, 3315 hộ được nghe đài Tiếng nói Việt Nam, đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh chiếm 80,18%. Đến hết năm 2012, toàn tỉnh có 131 xã có điểm bưu điện văn hóa xã, 912 trạm phát sóng di động, 85% thôn bản được phủ sóng điện thoại di động đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại, internet của nhân dân.

Qua kết quả khảo sát tính đến năm 2012, 164 xã, phường, thị trấn toàn tỉnh có điện (đạt tỷ lệ 100%); 1869/2187 thôn bản có điện (đạt tỷ lệ 85,5%); 120.715/138.082 hộ nông thôn được sử dụng điện (đạt tỷ lệ 87,4%). Tại khu vực

nông thôn có 143/143 xã có điện (đạt tỷ lệ 100%); 1344/1671 thôn bản có điện (đạt tỷ lệ 80,4%); 120.715/138.082 hộ được sử dụng điện (đạt tỷ lệ 83,5%). Thời điểm tháng 4/2014, toàn tỉnh còn 261 thôn bản chưa có điện. Số hộ đồng bào H'mông được sử dụng điện lưới là 16.530 hộ chiếm 67,61%.

Những năm gần đây được Nhà nước đầu tư cho nhiều thôn bản người Mông đã có hệ thống nước sinh hoạt bảo đảm vệ sinh, như xây bể nước, lu nước. Năm 2010, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 83,82%, đến năm 2012, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh chỉ đạt 80,14% (Thành thị 87,88%; nông thôn 77,24%). Trong đó, có 16.290 hộ dân tộc H'mông được cấp nước sinh hoạt chiếm 66,62%. Nhiều công trình nước đã được đầu tư hoạt động kém hiệu quả (chỉ huyện Sa Pa tính đến tháng 7/2014, trên địa bàn huyện có 140 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trong đó: 27 công trình hoạt động tốt, 94 công trình hoạt động kém, 19 công trình hỏng hoàn toàn.

Về tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh toàn tỉnh, năm 2010 là 55,88 % (thành thị 75,85%; nông thôn 44,92%); năm 2012 là 55,30% (thành thị 100%; nông thôn 34,49%). Số hộ đồng bào H'mông chưa làm và sử dụng hố xí hợp vệ sinh còn 58,67% (số liệu tại địa bàn khảo sát).

- Theo Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh, đến nay Lào Cai có 867 cơ sở lưu trú với trên 10.000 buồng, công suất sử dụng phòng bình quân đạt khoảng 60%. Toàn tỉnh có trên 500 nhà hàng lớn, nhỏ phục vụ du khách. Hàng loạt khu vui chơi giải trí đã và đang được hình thành như: Cáp treo Fansipan, Hàm Rồng, Cát Cát (Sa Pa), Hồ Na Cồ (Bắc Hà), công viên Nhạc Sơn, các khu tổ hợp dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, tắm thuốc dân tộc, casino, dịch vụ mua bán hàng thổ cẩm,... đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách.

### 2.2.3. Thực trạng văn hóa, xã hội tộc người H'mông

- Về Giáo dục: Tại các xã có đông người H'mông, tỷ lệ huy động học sinh dân tộc Mông đến trường, bậc học mầm non đạt 90%; tiểu học, đạt 98%; THCS, đạt 97%. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc H'mông được triển khai tại một số trường mầm non, tiểu học thuộc 4 huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Sa Pa và Mường Khương. Đội ngũ giáo viên dân tộc H'mông trên địa bàn từng bước được tăng cường. Năm 2003 có 176 giáo viên, (chiếm 1,72%); năm 2012 có 409 giáo viên dân tộc H'mông, chiếm 2,45% tổng số giáo viên toàn ngành. Năm 2003 có 65 giáo viên có trình độ cao đẳng, đại học; năm 2012 có 223 giáo viên có trình độ cao đẳng, đại học và 03 giáo viên có trình độ trên đại học.

- *Lễ hội truyền thống*: Các lễ hội truyền thống của đồng bào H'mông được giữ gìn và phát huy. Đặc biệt lễ hội Gầu tào, hội thi múa khèn, thổi sáo, đàn môi ... được duy trì tổ vào các lễ hội đầu năm ở vùng đồng bào H'mông. Tuy nhiên, một bộ phận giới trẻ, đang mất dần nét văn hóa đặc trưng truyền thống: về trang phục mặc váy áo, cách điệu được may sẵn từ các hoa văn của người Trung Quốc; ở vùng đồng bào theo các tôn giáo việc thờ cúng tổ tiên, hát dân ca, múa khèn, thổi sáo trong các lễ hội dân tộc H'mông gần như không còn.

- *Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa*: Các thôn bản đều triển khai xây dựng hương ước, quy ước xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tại 19 xã được phỏng vấn, khảo sát đã có 2.858 hộ đạt tiêu chí Gia đình văn hóa năm 2012; 2.234 hộ đạt tiêu chí Gia đình văn hóa 3 năm liên tục. Khảo sát tại 45 thôn bản, việc cấp phát báo chí không thu tiền đều thông qua trường thôn. Có 72 hộ có người thường xuyên đọc báo, chiếm 4,09%; 860 hộ có người thỉnh thoảng đọc, chiếm 49%; 825 hộ không quan tâm đến việc đọc báo, chiếm 47%.

- *Về cải tạo tập quán lạc hậu*: Các địa phương thực hiện khá nghiêm túc Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12/10/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII); Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 305/2002/QĐ-UB ngày 26/7/2002 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Qua khảo sát tại 1757 hộ gia đình ở 45 thôn bản, năm 2012 có 320 đám cưới, trong đó thực hiện đúng nếp sống văn hóa đạt 92,21%; còn 25 đám cưới tảo hôn, chiếm 7,79%. Về đám tang, năm 2012 có 95 đám tang, trong đó thực hiện tốt quy định về nếp sống văn hóa 84 đám, chiếm 88,42%. 100% các đám tang của người H'mông tại các thôn bản được khảo sát đã cho người chết vào áo quan để chôn cất, còn một số trường hợp để quá thời gian. Về việc làm và sử dụng các công trình vệ sinh, tại thời điểm khảo sát tại 1.757 hộ, có 40 hộ sử dụng hố xí tự hoại chiếm 2,27%; 686 gia đình sử dụng các loại hố xí khác chiếm 39,04%, còn lại 58,67% hộ gia đình chưa làm và sử dụng hố xí.

- *Mạng lưới y tế*: Đến nay, toàn tỉnh có 7,95 bác sĩ trên một vạn dân; 100% xã, phường có trạm y tế và y sĩ đa khoa, 34/164 trạm y tế có bác sĩ; 95,6% thôn bản có nhân viên y tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Cán bộ y tế người H'mông có 145/3.928 cán bộ, y, bác sĩ toàn ngành, chiếm 3,7%. Tại 45 thôn bản cho thấy, 100% thôn bản có y tế thôn và cộng tác viên dân số, 23/45 thôn bản có bà đỡ thôn bản. Đội ngũ y, bác sĩ còn thiếu về số lượng và chất lượng, nhất là cán bộ y tế dân tộc H'mông (*số Bác sĩ DT H'mông có 17 người tăng 14 người so với năm 2004; y tá, y sĩ, kỹ thuật viên là 128 người tăng 58 người; so với*

cán bộ, y, bác sỹ toàn ngành, cán bộ DT nông có 145/3928, đạt 3,7%). Ở 32 xã có trên 90% dân tộc H'mông có 07 bác sỹ, trong đó có 01 bác sỹ người H'mông. Chính sách thu hút cán bộ y, bác sỹ về Trạm y tế xã vùng đồng bào dân tộc H'mông chưa đảm bảo thu hút, động viên an tâm công tác.

- *Công tác chăm sóc sức khỏe*: Hàng năm 100% đồng bào dân tộc H'mông vùng khó khăn, được cấp bảo hiểm y tế miễn phí; Phụ nữ H'mông sinh đẻ có sự hỗ trợ của y tế, đạt trên 50%. Trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%, nhân dân ốm đau được đưa đến cơ sở y tế khám và điều trị, các hủ tục mê tín, dị đoan trong đau ốm cơ bản được xóa bỏ.

- *Dân số và gia đình*: Công tác dân số gia đình và trẻ em được chú trọng, 100% thôn bản có cộng tác viên dân số, đẩy mạnh truyền thông dân số, thực hiện nhiều biện pháp kế hoạch giảm được tỷ lệ sinh. Quy mô hộ gia đình người Mông trung bình toàn tỉnh là 5,48 người; ở các xã có trên 90% dân tộc H'mông là 5,7 người/hộ; một số xã có quy mô hộ gia đình trung bình cao, như Lao Chải (Sa Pa) 6,27 người/hộ, Sàng Ma Sáo (Bát Xát) 6,19 người/hộ; xã có quy mô hộ gia đình trung bình thấp hơn, như Sín Chéng (Si Ma Cai) có 708 hộ, 3769 khẩu, trung bình 5,32 người/hộ.

- *Về nhà ở*: Khảo sát tại 1.757 hộ gia đình năm 2012, số nhà kiên cố chiếm tỷ lệ 4,44%, nhà cấp IV chiếm 7,05%, nhà gỗ - nhà trình tường 1190 chiếm 63,74%, nhà đơn sơ 357 chiếm 20,32%, (tỷ lệ nhà đơn sơ toàn tỉnh năm 2009 là 18,1%) còn 08 hộ chưa có nhà ở chiếm 0,45% (chủ yếu do tách hộ, chờ làm nhà).

- *Mức sống và thu nhập*: Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào H'mông tuy được cải thiện, nhưng nhìn chung còn thấp kém, tỷ lệ đói, nghèo cao. Thu nhập bình quân đầu người dân tộc H'mông 4,67 triệu đồng/năm, tăng 3 lần so với năm 2004, thấp so với thu nhập bình quân toàn tỉnh 16 triệu đồng. Tỷ lệ đói nghèo, chiếm 39% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh và chiếm 55,95% so với dân số người H'mông (năm 2012). Khảo sát, phỏng vấn tại 1.757 hộ gia đình cho thấy: hộ khá, giàu 16,67%, hộ cận nghèo 25,44%, hộ nghèo 57,88%. Qua đó cho thấy, kết quả giảm nghèo vùng đồng bào H'mông còn chậm và chưa vững chắc.

#### 2.2.4 Thực trạng hoạt động du lịch ở Sapa

##### 2.2.4.1 Thực trạng về thị trường, xúc tiến và quảng bá du lịch

- Công tác xúc tiến, quảng bá được tăng cường mạnh mẽ, đổi mới cả về nội dung và hình thức, quảng bá hình ảnh du lịch SaPa Lào Cai. Ngoài việc tham gia các hội chợ, đón đoàn famtrip và mediatrip đến tìm hiểu sản phẩm, tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch,... những cách thức mới cũng được tiếp cận và áp dụng như



xúc tiến qua các kênh internet, mạng xã hội, thiết lập quan hệ công chúng, việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong xúc tiến quảng bá, liên kết giữa điện ảnh, truyền hình và du lịch đã ngày càng được chú trọng. Thương hiệu du lịch Sa Pa - Lào Cai đã được định vị trong bản đồ du lịch Việt Nam.

- Bởi vậy, chỉ trong 6 năm (2011 - 2016), lượng khách du lịch đến Lào Cai tăng gấp 2,8 lần (năm 2011 đạt gần 969 nghìn lượt khách, đến năm 2016 đạt gần 2,77 triệu lượt khách), tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 31%/ năm. Đã thu hút trên 20.000 tỷ đồng trong lĩnh vực đầu tư du lịch. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch ngày càng sâu rộng, góp phần quan trọng mở rộng thị trường nguồn khách quốc tế cho du lịch Việt Nam. Nguồn nhân lực du lịch đã tăng về số lượng và từng bước được cải thiện về chất lượng.

- Năng lực cạnh tranh của du lịch Sapa vẫn thấp và chuyển biến chưa nhiều, mức tăng hạng cạnh tranh thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp du lịch của Sapa chủ yếu quy mô vừa và nhỏ, chậm đổi mới và thích ứng với nhu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của khách du lịch. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, 40% chưa qua đào tạo chuyên ngành, đặc biệt đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên điếm đến năng lực, trình độ chưa đồng đều. Một số mô hình du lịch cộng đồng tuy hiệu quả nhưng đứng trước nguy cơ thương mại hóa một số dịch vụ, không chú trọng yếu tố văn hóa truyền thống, ẩm thực, văn nghệ vào khai thác phục vụ du lịch, chưa gắn với chia sẻ lợi ích cho cộng đồng. Phát triển hạ tầng giao thông kết nối đến các khu, tuyến, điểm du lịch vẫn còn hạn chế, đặc biệt là hệ thống các trạm dừng chân, bến đỗ xe tại các điểm tham quan chưa phát triển đồng bộ, chưa tạo thuận lợi cho vận chuyển hành khách...

- Để khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển du lịch trong những năm vừa qua; tỉnh Lào Cai tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện các nội dung Chiến lược, Quy hoạch phát triển tổng thể du lịch Việt Nam và của tỉnh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cùng với triển khai đồng bộ các giải pháp của Chương trình hành động số 148-CTr/TU ngày 28/7/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đồng thời tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức, xác định rõ du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và nội dung văn hóa sâu sắc, có khả năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát

triển. Thực hiện hiệu quả các kế hoạch tuyên truyền, xúc tiến quảng bá, hợp tác phát triển du lịch trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, gắn với xây dựng thương hiệu du lịch Lào Cai. Thu hút mạnh mẽ đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển du lịch và dịch vụ du lịch. Phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch đi đôi với bảo vệ tài nguyên du lịch. Thực hiện các giải pháp bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; sưu tầm, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích, danh thắng để phục vụ phát triển du lịch bền vững.

#### 2.2.4.2 Thực trạng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho du lịch Sa Pa:

- Nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Sa Pa đến thời điểm này tổng số mới có khoảng trên 2.500 lao động trực tiếp, trong đó trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ chiếm 20%. Đa số lao động trực tiếp có trình độ trung, sơ cấp, chưa qua đào tạo chuyên ngành du lịch và làm việc theo hợp đồng thời vụ. Trong tổng số khoảng 400 hướng dẫn viên (HDV) du lịch trên địa bàn tỉnh đến nay chỉ có 54 trường hợp có thẻ HDV toàn quốc (chiếm 13,5%).

- Sa Pa đang là 1 trong 4 điểm du lịch phát triển của các tỉnh miền núi phía Bắc. Hàng năm, trung bình Sa Pa đón trên 300.000 lượt khách quốc tế (chủ yếu là khách châu Âu), nên số lượng HDV có thẻ như trên chưa đáp ứng được nhu cầu hướng dẫn khách. Đội ngũ HDV chuyên nghiệp vừa thiếu vừa yếu, đa số các HDV chưa được đào tạo bài bản hoặc đúng chuyên ngành hướng dẫn. Ngay ở Sa Pa điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách, HDV du lịch ở đây chủ yếu là các em đồng bào dân tộc chưa qua đào tạo nghiệp vụ HDV nhưng du khách Tây Âu lại rất thích bởi họ là những người dân bản địa nên rất am hiểu văn hoá truyền thống của địa phương...

- Đến nay ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã cấp 54 thẻ HDV du lịch toàn quốc (trong đó: tiếng Trung Quốc là 32; tiếng Anh là 18 và ngoại ngữ khác là 4); cấp và đổi lại 192 thẻ HDV du lịch địa phương. Trong thời gian tới sẽ ban hành Giấy chứng nhận thuyết minh viên theo Luật Du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn, giới thiệu tiềm năng du lịch của tỉnh cho du khách tại các khu, tuyến, điểm du lịch. Bên cạnh đó, ngành cũng đã thực hiện sự chỉ đạo trong công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch theo định hướng của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010. Từ năm 2006 đến nay ngành du lịch đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ HDV cho 177 học viên (từ các doanh nghiệp lữ hành) bằng nguồn vốn xã hội hoá hoàn toàn, không sử dụng nguồn ngân sách. Trong 3 năm trở lại đây,

kinh phí dành cho công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch đạt 6,742 tỷ đồng, vượt 69% mục tiêu đề ra. Cũng từ năm 2006 đến nay ngành du lịch tổ chức và đào tạo cho 305 lao động nông thôn các nghiệp vụ về du lịch và du lịch cộng đồng tại các xã Tả Van, Tả Phìn, Bản Hồ huyện Sa Pa (theo nguồn vốn từ chương trình đào tạo nghề của tỉnh).

- Bằng những hoạch định chiến lược trong quy hoạch phát triển kinh tế du lịch bền vững của tỉnh. Nhằm chuyên môn hoá công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng ngày càng cao của du lịch. Tỉnh đã thành lập Trường Trung cấp Văn hoá, Nghệ thuật - Du lịch và hình thành Khoa Du lịch - Khách sạn thuộc Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật để từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Theo đó ngành du lịch đẩy mạnh triển khai các khoá đào tạo HDV du lịch giúp người dân địa phương từng bước nâng cao năng lực trong hoạt động du lịch. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ du lịch cho các đơn vị du lịch và các xã như: mở lớp tiếng Anh giao tiếp du lịch; lớp nghiệp vụ bàn, bar; lớp nghiệp vụ buồng; lớp nghiệp vụ lễ hành; lớp nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; lớp tập huấn du lịch cộng đồng... (tại xã Tả Van và Tả Phìn) với hơn 200 lao động.

- Để du lịch Sa Pa hướng tới mục tiêu trở thành một trung tâm du lịch lớn của miền Bắc và của cả nước, ngành du lịch Sa Pa còn rất nhiều việc phải làm, trong đó đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho phát triển du lịch đang là yếu tố quan trọng và cần thiết nhằm phát huy hiệu quả ngày càng cao và đa dạng của du khách, tạo đà thúc đẩy du lịch Sa Pa trở thành ngành kinh tế quan trọng, hướng tới và đảm bảo một ngành du lịch phát triển bền vững, góp phần xây dựng một Sapa ngày càng giàu mạnh.

### **2.3. Văn hóa tộc người H'mong ở Sapa**

#### **2.3.1. Văn Hóa vật thể**

- Kiến trúc:

- Người H'Mông là một trong những tộc người thiểu số có dân số đông ở miền Bắc Việt Nam. Đặc biệt dân cư cư trú tại Sapa là đông nhất.

- Với môi trường sống trên các triền núi cao, khí hậu lạnh, khắc nghiệt...thì ngôi nhà trình tường bằng đất, lợp ngói hay tranh của người H'mông có ưu điểm mát mẻ về mùa hè, giữ ấm về mùa đông, chống thú dữ.

- Người H'mông coi cây cột cái là cột chủ đạo trong nhà, thể hiện sự ngay thẳng, cứng cáp, vững vàng của chủ nhà nên cây cột phải là cây rừng không bị sâu thối cụt ngọn.

- Cây cột này có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người

H'mông. Địa hình cư trú của người dân tộc H'mông, Việt Nam đã ảnh hưởng sâu sắc đến kiến trúc của dân tộc này. Nhà của người H'mông dù to hay nhỏ đều theo một khuôn mẫu, nhà ba gian và hai cửa, một cửa chính, một cửa phụ và phải có hai cửa sổ trở lên.

- Trong 3 gian nhà chính, gian bên trái dùng để đặt bếp lò và chỗ ngủ của vợ chồng chủ nhà. Gian bên phải đặt bếp sưởi và giường khách. Gian giữa rộng hơn để đặt bàn thờ tổ tiên và là nơi tiếp khách, ăn uống của gia đình. Hai gian trái đặt cối xay ngô, giã gạo.

- Nhà của người H'mông bao giờ cũng có sàn gác để cất giữ đồ đạc, lương thực, thực phẩm. Ngô lúa khi mang từ nương về bao giờ cũng được cất lên gác, ngoài ra, sàn gác có còn có thể làm nơi ngủ khi nhà đông khách. Khói bếp sẽ làm khô và giữ cho không bị sâu mọt. Phong tục người H'mông không cho con gái, đàn bà được ngủ trên gác. Khi đàn ông trong nhà đi vắng thì con dâu không được phép lên gác. Nhà của người H'mông không bao giờ làm dính sát vào nhau, cho dù là anh em ruột thịt.

- Khi chọn đất làm nhà, người H'mông lấy 3 hạt gạo hoặc ngô đặt xuống khu đất đã chọn rồi đặt bát hoặc chậu gỗ lên trên, sau đó thắp 3 nén hương khấn thần đất, đốt 3 tờ giấy bản xin thổ công thổ địa cho gia chủ làm nhà. Sáng hôm sau hoặc sau 3 tháng, chủ nhà quay lại xem số hạt ngô đặt dưới đất, nếu thấy vẫn còn nguyên thì coi như đất ở nơi đó tốt, làm nhà được. Còn ngược lại, nếu như số gạo bị sâu, kiến ăn hết nghĩa là đất ở đó xấu không làm nhà được phải tìm địa điểm khác.

- Sau khi chọn được đất tốt người ta tiến hành san nền, kê móng, trình tường nhà. Công việc trình tường được làm khá công phu. Trong quá trình trình tường, người lạ không được đến, nhất là phụ nữ. Khi trình tường người ta đổ đất vào khuôn gỗ và dùng những chiếc vò nện chặt đất. Đất dùng để trình tường được loại bỏ sạch rễ cây, đá to, cỏ rác, cứ như thế khuôn nọ nối tiếp khuôn kia cho đến khi ngôi nhà hoàn thành.

- Trình tường xong, người H'Mông vào rừng chọn cây cột cái đem thẳng từ rừng về, không đặt xuống đất mà đưa lên nóc ngay. Họ coi cây cột cái là cột chủ đạo trong nhà thể hiện sự ngay thẳng cứng cáp vững vàng của chủ nhà, nên cây cột phải là cây rừng không bị sâu hay cụt ngọn. Cây cột này có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tâm linh của họ.

- Cửa chính nhà của người H'mông cũng phải tìm gỗ tốt để làm, nếu là tre nứa thì phải là thân trúc hoặc mai già. Cửa bao giờ cũng mở vào trong chứ không mở ra

ngoài. Người H'mông không sử dụng bản lề, then chốt bằng sắt mà hoàn toàn bằng gỗ, bởi người H'mông coi cửa mở ra đóng vào là lòng bụng con người, trong khi đó bản lề sắt thép là những vật cứng được ví như dao kiếm. Ngoài cửa chính, nhà của người H'mông còn có cửa phụ, là lối để đưa đồ dùng cho người chết vào nhà lúc tang ma. Chỉ khi đưa ra nghĩa địa mới đi qua cửa chính.

- Nhà người H'mông thường được xếp đá xung quanh làm hàng rào che chắn. hàng rào đá xếp xung quanh một nhà hoặc 2,3 nhà có quan hệ anh em nội tộc với nhau, làm thành một khu riêng biệt. Người H'mông cũng làm nhà dựa lưng vào núi, kiêng làm nhà quay lưng ra khe, vực sâu. Bản của người H'mông có từ vài ba nóc nhà trở lên, có bản chỉ có một dòng họ, nhưng không nhiều, còn lại đa số là một bản có nhiều dòng họ sống cùng nhau. Trải qua bao đời, sinh sống bên những sườn núi cao, những ngôi nhà trình tường của người H'mông vẫn giữ nguyên vẻ đẹp cổ xưa, luôn hấp dẫn khách du lịch đến và tìm hiểu phong tục tập quán của một dân tộc vùng cao ở Sapa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Làm nhà được coi là một việc hệ trọng trong đời người H'mông, do vậy ngày về nhà mới là ngày đại sự của gia chủ. Ngày hôm ấy, người ta tổ chức ăn uống vui vẻ, chúc nhau mọi sự tốt lành.

- Cùng với việc làm nhà mới là làm chuồng gia súc. Chuồng gia súc được làm chéch với cửa chính, tùy thuộc vào hướng gió. Để làm chuồng gia súc, người ta cũng phải xem tuổi gia chủ, tính ngày tháng rồi mới làm. Người H'mông rất yêu quý gia súc, có khi còn làm chuồng gia súc tốt hơn làm nhà ở. Khi làm chuồng gia súc người H'mông đều thấp hương cúng ma chuồng, ma trại phù hộ cho gia súc hay ăn chóng lớn, dễ nuôi.

• Trang phục:

Trang phục của các đồng bào dân tộc H'Mông rất sặc sỡ, đa dạng và hội tụ đầy đủ các nét tiêu biểu đặc trưng của họ. Quần áo của người Mông chủ yếu được may bằng vải lanh mà họ tự dệt với những họa tiết và hoa văn đa dạng. Trang phục của người H'mông độc đáo hơn so với nhiều tộc người khác trong khu vực bởi phong cách tạo dáng và trang trí rất công phu, kết hợp với các kỹ thuật nhuộm, vẽ sáp ong, ghép, thêu, dệt hoa với kiểu váy rộng và rất đẹp.

- Trang phục nam: Người H'mông thường mặc áo ngắn cánh tay hoặc dưới thắt lưng, thân hẹp, ống tay hơi rộng. Áo nam của người H'mông có 2 loại: Một loại bó thân xẻ ngực có 2 túi trên 2 túi dưới và một loại năm thân xẻ nách phải dài quá hông. Loại 4 thân thường không được trang trí còn loại 5 thân lại được trang trí những đường văn ngang trên ống tay. Quần nam giới là loại quần què ống rộng

hơn so với các tộc khác ở trong khu vực. Đầu của nam giới thường hay chít khăn còn có nhóm lại đội mũ ở xung quanh có đính những hình tròn bạc chạm khắc hoa văn, và cổ thì có khi mang vòng bạc có khi lại không mang.

- Trang phục phụ nữ H'mông cũng có nhiều nhóm khác nhau, giữa các nhóm cũng có sự khác biệt. Tuy nhiên nhìn chung trang phục của họ thường mặc áo bốn thân, xẻ ngực và không cài nút, gấu áo không khâu hoặc được cho vào trong váy. Ống tay áo thường được trang trí hoa văn những đường vằn ngang từ nách đến cửa tay, đường viền ở cổ và nếp 2 thân trước thường được trang trí bằng viền vải màu khác màu thường là màu đỏ và hoa văn trên nền chàm.

Ngoài ra phụ nữ H'mông ở Sapa còn mặc loại áo xẻ nách phải trang trí cổ, hai vai xuống ngực giữa và cửa ống tay áo còn ở phía sau gáy thường được đính miếng và trang trí hoa văn dày đặc bằng những đường chỉ ngũ sắc. Váy của phụ nữ nơi đây là loại váy kín có nhiều nếp gấp và khi xòe ra thì có hình tròn. Người ta thường dựa vào kiểu váy để phân biệt các nhóm H'mông xanh, đen, trắng hay hóa..

Phụ nữ H'mông thường để tóc dài quấn quanh đầu và có 1 số nhóm đội khăn quấn thành khối cao trên đầu còn đồ trang sức bao gồm khuyên tai, vòng tay, vòng cổ, nhẫn và vòng chân.

- Áo của người H'mông có cổ phía trước hình chữ V được nếp thêm vải màu tùy thích ở phía sau là một bức thêu hình chữ nhật có trang trí rất hài hòa, trang nhã và gắn với đồng bạc, tạo ra những âm thanh vui nhộn cho bộ trang phục. Hai ống tay thường được thêu hoa văn là những đường vằn ngang với đủ màu sắc từ nách đến cửa tay, đây cũng chính là điểm tập trung nhiều hoa văn làm nổi bật chiếc áo của người H'mông.

- Còn váy của phụ nữ H'mông là loại váy mở có nhiều nếp gấp và rộng khi xòe ra thì trông như những cánh hoa. Phần chạp của váy được khâu xếp lại cho vừa một vòng bụng và có hai dây để buộc. Trên nền váy chàm các hoa văn được thêu, in và ghép từng tấm rất ấn tượng và độc đáo. Hoa văn trong trang phục của người H'mông chủ yếu là những hoa văn hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông, hình xoáy ốc và thỉnh thoảng có những mô típ hoa văn được hình thành trên cơ sở sợi ngang của kỹ thuật dệt trên khung cửi và có màu chủ đạo là màu xanh, đen, đỏ, vàng.

- Thất lung một phần không thể không kể đến khi nhắc đến trang phục của người Mông, trong bộ trang phục của các đồng bào người H'mông thì còn có xé và khủ lau, họ quan niệm rằng đeo xé và quấn xà chạp là thể hiện sự ý tứ và kín đáo của người phụ nữ. Phụ nữ người H'mông để tóc dài và quấn vòng quanh đầu rồi đội khăn tạo nên một nét rất riêng và khó nhầm lẫn với các dân tộc khác.

- Cả trang phục của nam và nữ của dân tộc H'mông đều được tạo ra dưới đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ H'mông. Với sự cần cù và trí tưởng tượng phong phú của những người phụ nữ H'mông đã tạo nên những tác phẩm nghệ thuật làm say đắm lòng người, tạo nên những nét độc đáo riêng của người H'mông luôn cuốn hút sự tò mò của du khách.

### 2.3.2 Văn hóa phi vật thể:

#### 2.3.2.1. Ngôn ngữ - chữ viết:

##### • Ngôn ngữ:

- Tiếng H'Mông là một ngôn ngữ nằm trong hệ ngôn ngữ H'Mông-Miền (hay Miêu-Dao). Trên thực tế vấn đề phân loại theo quan hệ họ hàng của ngôn ngữ này đã từng có nhiều ý kiến khá khác nhau. Một số nhà ngôn ngữ học xếp tiếng H'mông thuộc nhánh Miêu-Dao trong ngữ hệ Hán-Tạng.

➤ Hệ ngôn ngữ (*language family*): H'mông-Miền (*Hmong-Mien*)

➤ Nhóm ngôn ngữ: H'Mông (*Hmongic*)

➤ Nhánh: thuộc các phương ngôn Tứ Xuyên - Quý Châu - Vân Nam, còn gọi là nhánh H'Mông phía Tây (*West Hmongic branch*)

➤ Tiểu nhánh: Tứ Xuyên - Quý Châu - Vân Nam

➤ Phương ngữ: H'mông trắng (*White Hmong*)

➤ Trong cuốn từ điển *Bách khoa thư ngôn ngữ* đã phân các ngôn ngữ H'mông-Miền thành hai nhánh chính:

➤ H'mông - gồm có: Dananshan Hmong, Hmong Đông, Hmong Bắc, H'mông Tây, Hmong Daw, Hmong Njua, Miao Đỏ, Pa Heng, Punu

➤ Miền (hay Dao) - gồm có: Ba Pai, Mien, Biao Mien, Iu mien, Mun, She

Tại đây H'mông Leng (H'Mông Lành) được xác định như một tên gọi khác của ngành H'mông Njua (H'Mông Xanh) nằm trong nhánh H'mông.

- Tiếng H'mông là một ngôn ngữ không có chữ viết. Năm 1961 phương án chữ Mông theo tự dạng Latin đã được chính phủ Việt Nam phê chuẩn (cụ thể bộ chữ được xây dựng theo ngữ âm ngành H'mông Lành Sa Pa — Lào Cai) có bổ sung thêm một số âm vị của các ngành H'mông khác, gồm 59 phụ âm 28 vần và 8 thanh. Vào thập niên 1970, phong trào học chữ H'mông phát triển khá mạnh ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam, nơi có nhiều người H'mông sinh sống. Nhưng đến nay với nhiều nguyên nhân khác nhau mà tình hình học chữ Mông đã không còn phát triển như trước kia nữa.

- Chữ viết:

Tại Việt Nam năm 1961 phương án chữ H'mông theo ký tự Latin đã được chính phủ Việt Nam phê chuẩn (cụ thể bộ chữ được xây dựng theo ngữ âm ngành H'Mông Lềnh Sa Pa - Lào Cai) có bổ sung thêm một số âm vị của các ngành H'Mông khác, gồm 59 phụ âm (có 3 âm vị phụ âm của ngành H'mông Đơr và H'Mông Sua), 28 vần và 8 thanh. Vào thập niên 1970, phong trào học chữ H'mông phát triển khá mạnh ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam, nơi có nhiều người H'mông sinh sống.

Đôi Bản mẫu:Cần chú thích. Nhưng đến nay với nhiều nguyên nhân khác nhau mà tình hình học chữ H'mông đã không còn phát triển như trước kia.

### **2.3.2.2. Phong tục tập quán**

- Thờ cúng:

- Thờ cúng tổ tiên, đó là thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc đã chết. Người ta tin rằng tổ tiên đã chết, che chở cho con cháu đang sống làm những nghi lễ cầu xin cho các thành viên thị tộc hay gia đình và tiến hành những nghi thức nhằm thờ phụng tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên thường đặt ở vị trí gian giữa, nhiều dòng họ H'mông không lập bàn thờ tổ tiên riêng. Nơi thờ cúng tổ tiên chỉ là một miếng giấy hình chữ nhật kích thước 20- 30cm. Nơi đặt bàn thờ là linh thiêng, chỉ có chủ gia đình mới được làm chủ lễ cúng mời tổ tiên, chỉ có con trai mới được đến gần bàn thờ. Người H'mông chỉ cúng tổ tiên vào dịp năm mới, lễ cơm mới hoặc khi cần cúng chữa bệnh... đối với hôn cụ, ông, cha ở thế giới bên kia.

- Bên cạnh thờ cúng tổ tiên, người H'mông còn tồn tại một hệ thống ma nhà với những lễ thức cúng bái riêng biệt: "Xử Cả" là ma có vị trí quan trọng trong hệ thống các ma nhà người H'mông, gắn liền với sự giàu có, nhất là tiền bạc. Nơi thờ "Xử Cả" ở tấm ván hậu gian giữa nhà. Chỗ thờ được dán hai miếng giấy bản màu vàng và bạc cắm 3 hoặc 9 lông gà, bôi ít máu gà. Mỗi năm cúng xử cả một lần vào đêm 30 tết, đồ cúng là một con gà trống màu đỏ.

- "Bùa Đáng" (ma lợn) được thờ ở cột chính trong nhà, cột tượng trưng cho sự hưng thịnh và vận mệnh của gia đình. Ma lợn chỉ có chủ gia đình mới được cúng, vật cúng là lợn nái đã đẻ một lứa. Trong đời một người con trai phải làm lễ cúng cột chính 1 hoặc 2 lần, nhằm tưởng nhớ và làm tròn đạo hiếu giữa người còn sống đối với người đã chết. Cúng ma cột chính, theo quan niệm của người H'mông còn



nhằm tạ ơn những người xưa kia đã giúp người Hmông qua hoạn nạn, để tìm chữ viết đã mất.

- "Xia Minh"(ma cửa), có nhiệm vụ ngăn ma ác vào nhà, bảo vệ gia súc, bảo vệ của cải, bảo vệ các hồn, ngăn không cho hồn các thành viên gia đình bỏ đi. Theo quan niệm của đồng bào, ma cửa thường ngự ở miếng vải đỏ dán trước cửa chính. Ma cửa thường được cúng vào dịp tết, khi có người ốm đau hoặc mất tài sản. Lễ vật cúng là con gà trống, khi có điềm xấu chủ nhà phải cúng ma cửa bằng lợn- gọi là lễ cúng lớn.

- "Hú Sinh" (ma bếp) có liên quan đến việc sinh nở của phụ nữ và phù hộ cho việc chăn nuôi gia súc. Do đó kiêng giẫm chân lên bếp lò, kiêng làm hư hại lòng lò bằng đất, không được gõ và đánh vào bếp cám lợn, lúc lợn chữa kiêng không lấy tro trong bếp lò. Muốn nhắc cháo cám ra phải để một hòn đá vào giữa bếp, nếu không làm như vậy, gia súc dễ bị dịch bệnh chết, phụ nữ khó đẻ hoặc đẻ ra quái thai, dị hình.

- "Nhiu Đàng" (ma trâu), trong đời người con trai phải cúng báo hiếu bố mẹ, một lần. Vật cúng là trâu to, lớn, khoẻ mạnh. Lễ cúng tùy từng gia đình, dòng họ qui định, cúng ở trong nhà hay ở vị trí nào đó ngoài trời. Người cúng phải hiểu lai lịch dòng họ.

- Như vậy, thờ cúng tổ tiên ở người H'mông đã được hình thành, quan niệm tổ tiên đã mở rộng đến ba đời- quan niệm này gắn gũi với tâm thức thờ cúng tổ tiên của người Tày, người Dao, người Kinh.

- Người H'mông thờ cúng thần cộng đồng "Giao" (thần thổ địa). Thần thổ địa được thờ ở một gốc cây to, hoặc hòn đá lớn trong một khu rừng cấm. Đồng bào quan niệm thần của "Giao" chi phối cuộc sống của cộng đồng "Giao". Người dân trong "Giao" khoẻ mạnh, mùa màng bội thu, gia súc nhiều, dân số tăng là nhờ thần phù hộ. Hàng năm vào ngày Thìn của tháng hai (hoặc ngày mùng 2 tháng 2) đại diện các gia đình các gia đình trong "Giao" đến khu rừng cấm, nơi thờ thần làm lễ cúng thần, lễ vật cúng là gà, hoặc lợn và rượu. Người đứng đầu "Giao" trình trọng cầu khẩn thần linh phù hộ. Nội dung bài cúng thần tỏ rõ lòng tôn kính nhưng vẫn thân mật và bình đẳng với thần. Quan hệ người dân với thần như trong cộng đồng "Giao" bình đẳng, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Ở đây thần cũng bình đẳng như một thành viên của cộng đồng. Thần chưa có sức mạnh siêu phàm tuyệt đối, chưa đứng

trên cộng đồng. Do đó, cộng đồng dân tộc vật cho thân thì thân phải có nghĩa vụ phù hộ, bảo vệ cộng đồng "Giao".

- Ngoài ra, người H'mông còn có những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng khác như: hôn xác con người (người có ba hồn ở đỉnh đầu, ngực và rốn), một số kiêng cử không ăn vật tổ, ma thuật (ma ngữ hải), kiêng kỵ trong sinh đẻ, trong cưới xin, nghi thức tang ma, lễ Nào xồng, lễ hội Gầu Tào, lễ cầu tự và còn rất nhiều hình thức sinh hoạt tín ngưỡng mang tính chất huyền bí khác.

- Tôn giáo – Tín ngưỡng:

- Ngoài những yếu tố tinh thần truyền thống, người H'mông còn tiếp thu yếu tố văn hoá mới Kitô giáo (đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành). Từ năm 1888, thực dân Pháp chiếm đóng Sa Pa đã có ý định xây dựng các cơ sở truyền giáo. Nhưng mãi tới năm 1921, mới có 5 gia đình H'mông theo đạo và đến những năm 40 của thế kỷ XX, chỉ có 33 hộ gia đình người H'mông ở 11 làng theo đạo. Người H'mông ở Sa Pa theo đạo không chỉ do yêu cầu tín ngưỡng khao khát một niềm tin mà chủ yếu là do sự thúc đẩy của tâm lý thực dụng. Họ cần đi theo chúa không chỉ vì hạnh phúc trên thiên đàng mà vì những vấn đề thiết thân trong cuộc sống đang đặt ra (được cấp ruộng nương, có chỗ dựa mới, bỏ lễ cúng ma đầy tốn kém... Người H'mông coi tôn giáo chỉ là phương tiện nhằm giải quyết những nhu cầu bức xúc của đời sống chứ không quan tâm nhiều về triết lý, về hạnh phúc hư ảo ở thế giới bên kia.

- Như vậy, đời sống sinh hoạt tinh thần của người H'mông đã được pha trộn giữa đạo lí Gia tô vào đạo lí người H'mông, như một yếu tố văn hoá mới gá lắp vào đời sống sinh hoạt tinh thần của họ.

- Các dòng họ của người H'mông:

Người H'mông có nhiều dòng họ: Giàng, Thào, Lù, Vù, Sùng, Mã, Lùng, Hàu, Ly, Vàng, Tầu, Tráng, Hản, Thèn, Cù. Tên của các dòng họ được đặt theo tên con vật, màu sắc, cây cối, đồ vật và một số họ có tính chất chung chung không xác định được nội hàm tên gọi. Các họ lấy tên con vật: Sùng (gấu), Hàu (khỉ, Lò (lừa), Má (ngựa), Giàng (dê), Lùng (rồng); họ lấy tên màu sắc: Hoàng (màu vàng), Lù (màu xanh), Hùng (màu đỏ); họ lấy tên cây: Thào (đào), Lý (mận); họ lấy tên đồ vật: Cù (trống), Thèn (thùng) và một số không xác định được tên họ: Mùa, Châu, Phàng, Tẩn, Tráng, Vàng, Lầu, Vừ... Mỗi họ có những điều kiêng kỵ và những lễ

nghe cúng bái riêng biệt: họ Giàng kiêng ăn quả tim con vật, họ Hồ kiêng ăn thịt khi, họ Lý kiêng ăn lá lách con vật, con dâu dòng họ Lâu kiêng quét dọn bếp. Sự khác nhau giữa các dòng họ trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, ma chay, cúng ma... là ở số lượng bát cúng, cách bày bát, địa điểm cúng, bài cúng, cách thức ăn uống và chia thịt; họ Sùng bày 13 bát và chia thịt từ trái sang phải, họ Giàng bày 33 bát theo đường vòng tròn từ phải qua trái, họ Má bày 19 bát theo đường thẳng. Những người trong cùng một họ là cùng tổ tiên sinh ra phải có nghĩa vụ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống như ma chay, cưới xin, làm nhà mới, ốm đau bệnh tật, sinh đẻ, theo đuổi các vụ kiện cáo. Cho dù ở xa cách nhau bao nhiêu những người cùng họ có thể sinh đẻ và chết trong nhà của nhau mà không sợ tổ tiên trách cứ. Đứng đầu mỗi dòng họ là trưởng tộc, người có đạo đức, uy tín và am hiểu sâu sắc phong tục tập quán của dòng họ, giàu kinh nghiệm tổ chức sản xuất, gánh vác hướng dẫn các gia đình khi có ma chay, cưới xin, giải quyết mâu thuẫn xích mích giữa các thành viên. Người trưởng tộc là người đại diện cho dòng họ giao thiệp với chính quyền và các dòng họ khác, đồng thời còn là người tổ chức các vụ kiện, đi đòi nợ máu xưa kia. Có người tộc trưởng do các thành viên dòng họ bầu ra nhưng cũng có nơi lại do người tộc trưởng cũ tìm chọn và bồi dưỡng. Như vậy, đặc trưng dòng họ người H'mông là sự thống nhất về tư tưởng, thông qua tín ngưỡng với những điều kiêng kị lễ nghi riêng của dòng họ, đã tạo nên sự cố kết lâu bền trong quan hệ giữa các thành viên, còn về mặt xã hội và nhất là kinh tế càng trở nên mờ nhạt.

- Tổ chức gia đình của người H'mong:

- Tổ chức gia đình của người H'mông là gia đình nhỏ phụ hệ (gồm hai thế hệ bố mẹ và con cái sống với nhau). Đứng đầu gia đình là người đàn ông, người đó có nghĩa vụ gánh vác công việc gia đình: đi làm nương rẫy, khấn tổ tiên, đón thầy cúng, thay mặt gia đình tham gia công việc Giao, mà bất cứ phụ nữ nào cũng không có quyền làm thay, làm hộ. Trong gia đình người Hmông người ta quý trọng con trai hơn con gái, vì thế gia đình nào có nhiều con trai là niềm kiêu hãnh trong thôn xóm, bản làng. Nếu trong gia đình có mối bất hoà giữa vợ và chồng, thì con dâu chỉ được lánh nạn sang hàng xóm, không được phép trở về nhà bố mẹ đẻ. Nếu con dâu muốn về thăm bố mẹ đẻ phải xin phép nhà chồng và được chồng đưa về tận nhà mới hợp lệ. Khi vợ chồng li dị, người đàn bà không được trở về sống với bố mẹ đẻ mà đến ở nhờ nhà chú dịch cho tới khi tái giá. Người đàn bà goá không muốn lấy em chồng mà lại lấy người khác thì toàn bộ tài sản phải để lại nhà chồng. Trong gia đình, người con gái tự cho mình là người khách, tự do đi lại và ăn uống

không phải kiêng khem như con dâu trong nhà. Phân chia tài sản, con trai được chia đều nhau, bố mẹ giữ một phần tài sản bằng các con trai, con gái đi lấy chồng được bố mẹ để chia cho của hồi môn. Nhìn chung, cuộc sống gia đình người H'mông tương đối hoà thuận, vợ chồng gắn bó với nhau như hình với bóng, khi đi chợ cũng như đi làm nương rẫy và thăm thân họ hàng bên nội, ngoại, chồng đi trước vợ đi sau. Trong mối quan hệ gia đình, ông cậu và bà cô có vai trò vô cùng quan trọng.

- Người H'mông rất coi trọng dòng họ, họ quan niệm: người cùng dòng họ là những người anh em có cùng tổ tiên, có thể đẻ và chết trong nhà nhau, phải luôn luôn giúp đỡ nhau, cứu mang nhau. Mỗi dòng họ cư trú quây quần thành một cụm, có một trưởng họ đảm nhiệm công việc chung. Phong tục cấm ngặt những người cùng họ lấy nhau. Tình cảm gắn bó giữa những người trong họ sâu sắc. Trưởng họ là người có uy tín, được dòng họ tôn trọng, tin nghe.

•Ngành nghề:

- Có câu “lửa cháy đến đâu người H'mông theo đến đó” hay “người chạy theo nương” để nói về cuộc sống du canh nương rẫy của người H'mông. Sản phẩm nông nghiệp chính là ngô, lúa nương, khoai, mạch ba góc, ý dĩ, lạc, vừng, đậu và các loại rau... ở một vài nơi có ruộng bậc thang. Các loại quả táo, đào, mận, lê cũng rất nổi tiếng và người H'mông còn trồng cả các loại cây thuốc như tam thất, xuyên khung...

- Người H'mông phát triển đa dạng các nghề thủ công như đan lát, rèn, làm yên cương ngựa, đồ gỗ, nhất là các đồ đựng, làm giấy bản, đồ trang sức bằng bạc phục vụ nhu cầu và thị hiếu của họ. Các thợ thủ công H'mông phần lớn là thợ bán chuyên nghiệp, nhưng có thể làm ra những sản phẩm nổi tiếng như lưỡi cày, dao, cuốc, xẻng, nòng súng đạt trình độ kỹ thuật cao. Đặc biệt, nghề dệt vải lanh là một trong những hoạt động sản xuất đặc sắc của người H'mông.

•Phong tục cưới xin:

- Vào mùa xuân, khắp các cung đường Tây Bắc rực rỡ sắc màu thổ cẩm của các thiếu nữ tay trong tay rủ nhau xuống chợ, đi chơi xuân hay tham gia vào lễ cưới ở bản. Người H'mông thường tổ chức lễ cưới hỏi vào dịp này bởi quan niệm mùa xuân là mùa của vạn vật sinh sôi nảy nở, là lúc thời tiết đẹp và tươi sáng nhất.

- Để có những cuộc gặp gỡ, giao duyên và nên vợ nên chồng như vậy, cứ mỗi dịp chợ phiên, nhất là dịp Tết của người H'mông, con trai con gái ở độ tuổi 13-15

lại rủ nhau xuống chợ. Các thiếu nữ thay những bộ quần áo mới, trang điểm cho mình thêm xinh xắn rồi hòa vào không khí tấp nập của chợ phiên để hẹn hò.

- Những chàng trai H'mông ở Lào Cai, hay Hà Giang... thường chọn cô gái to khỏe, bắp chân săn vòng, cặp mông mẩy nhún nhảy trong làn váy theo mỗi bước đi. Theo quan niệm của họ, những người con gái đó vừa biết làm nương, se sợi, dệt mấn và khéo nuôi con.

- Theo phong tục của người H'mông, hôn nhân phải đủ nghi lễ như dạm hỏi, ăn hỏi và lễ đón dâu, tất cả đều được tổ chức vào ngày lành tháng tốt. Lễ dạm hỏi bắt buộc phải có hai ông mối thông thuộc các bài hát nghi lễ cưới xin, kết nối hai nhà để làm thủ tục dạm hỏi và hẹn ngày đón dâu.

- Để chuẩn bị cho đám cưới, gia đình chú rể sẽ mời những người trong dòng họ về cùng bàn bạc và chuẩn bị sắm đồ sính lễ. Ngoài thịt lợn, thịt gà, tiền mặt và một số vật dụng, thuốc Lào và rượu ngô là hai thứ không thể thiếu khi mở đầu câu chuyện. Mâm cỗ cúng gia tiên không thể thiếu xôi ngũ sắc và thịt lợn, thường được chính mẹ chú rể hoặc một người phụ nữ lớn tuổi trong gia đình chuẩn bị.

- Vào ngày trọng đại, người thân và những người tham dự lễ cưới thường mặc trang phục truyền thống đẹp nhất do chính người phụ nữ H'mông thêu và may. Khi họ hàng chú rể đã tụ tập đông đủ, trưởng họ bàn giao đồ lễ cho ông mối và cùng nhau kiểm tra đồ lễ thật chu đáo, phân công công việc, họ cùng nhau uống rượu.

- Đám cưới người H'mông bao giờ cũng có phù rể. Sau khi trưởng họ thấp hương trên bàn thờ tổ tiên, trưởng đoàn (ông mối) sẽ hướng dẫn chú rể cùng phù rể vái lạy tổ tiên trời đất (2 lạy tổ tiên, 2 lạy phía ngoài lạy trời đất) rồi đi một vòng quanh bàn để xin phép. Sau đó, họ chuẩn bị lên đường đi đón dâu.

- Sau khi ông mối hát bài "Xin chiếc ô đen" và nhận từ tay trưởng họ túi vải, ô, đoàn đón dâu sẽ đến cửa nhà gái. Người ta quan niệm ô để che mưa nắng trên đường rước dâu, còn túi để đựng những vật dụng cần thiết của cô dâu khi về nhà chồng.

- Khi đến nhà gái, nếu thấy cửa đóng, ông mối sẽ phải hát bài "Xin mở cửa". Thường thì gia đình cô dâu đã mở cửa sẵn sàng đón khách. Sau đó, họ mời nhau hút thuốc. Lời hát bài "Xin bàn ghế" của ông mối vừa dứt thì bàn rượu được bày ra và gia đình 2 bên cùng nhau uống rượu. Ông mối bàn giao đồ lễ cho nhà gái gồm thịt lợn, thịt gà, rượu ngô, mèn mèn, cơm xôi, tiền mặt...

- Cô dâu lúc này cũng đã chuẩn bị xong bộ trang phục truyền thống do chính tay mình may, ở trong phòng riêng, được mẹ đẻ căn dặn kỹ càng trước khi về nhà chồng. Sau khi nhà trai xin phép, phù dâu sẽ vào buồng và dắt cô dâu ra ngoài.

- Phù rể sẽ cùng chú rể quỳ lạy tổ tiên, vái lạy cha mẹ nhà gái trước khi rước dâu đi. Sau khi hoàn tất các thủ tục, cô dâu được 2 anh em trong gia đình dắt tay ra cửa trao cho người đón dâu. Đoàn rước dâu sẽ phải đi khắp bản làng để mọi người cùng chứng kiến.

- Theo phong tục, khi cô dâu, chú rể đã ra khỏi cửa thì không được quay đầu nhìn lại nhà cha mẹ cô dâu nữa. Đoàn đón dâu đi đến nửa đường phải dừng chân nghỉ lại, bày đồ ăn thức uống ra để ông mối làm lễ mời các vị thần.

- Trước khi vào nhà trai, cả đoàn phải dừng lại trước cửa để bố của chú rể đón cặp vợ chồng. Trên tay ông cầm sẵn một con gà trống để làm phép, đưa sang trái và phải 3 cái để xua đuổi những điềm không may, đón những điều may mắn và làm lễ nhập gia cho cô dâu mới.

- Lúc này, người làm mối sẽ trao cô dâu cho họ nhà trai. Sau khi báo cáo việc đưa đoàn dẫn dâu thành công, họ lại cùng nhau nâng những chén rượu ngô nòng ấm, chúc tụng những lời tốt đẹp, cầu chúc cho đôi trẻ hạnh phúc bền lâu. Cỗ tiệc ở nhà trai lúc này cũng đã được bày sẵn, trưởng họ nhà trai mời tất cả mọi người trong bản, gia đình nhà gái ở lại phá cỗ mừng dâu mới.

• Ma chay:

- Khi con người từ bỏ cõi trần gian để về với tổ tiên, người H'mông gọi là “tùa” hay “ninh tùa” (người chết) là thuận theo quy luật của tự nhiên. Dựa trên đối tượng và nguyên nhân của người chết mà người Mông có những nghi lễ tổ chức tang ma khác nhau. Đối với những đứa trẻ chết dưới ba tháng tuổi thì gia đình không tổ chức lễ tang và khi đưa đi chôn cũng phải đưa qua vách nhà, không được đưa qua cửa nhà. Bố mẹ có thương con đến mấy cũng không được khóc sợ ma nhà, ma cửa biết sẽ quở trách gia đình. Còn những trường hợp chết ngoài nhà như: do tai nạn, tự tử, ngã sông, ngã suối... thì người Mông kiêng không bao giờ mang vào trong nhà tổ chức lễ tang. Gia đình sẽ dựng một chiếc lán ở ngoài bãi làm địa điểm tổ chức lễ tang, vì người Mông quan niệm rằng, những người chết ngoài nhà, phần lớn là do các loại ma ác làm hại, nên khi mang vào nhà sợ con ma này lại theo vào nhà để làm hại những người khác trong gia đình. Những người chết trẻ, chết ngoài

nhà, chết do tai nạn đều được coi là những cái chết không bình thường, bởi vậy mà lễ tang cũng được tổ chức gọn nhẹ hơn các lễ tang của người chết già.

- Theo phong tục truyền thống, lễ tang của người H'mông bao gồm rất nhiều nghi lễ khác nhau. Khi gia đình có người thân qua đời, việc đầu tiên là con cháu sẽ mang súng kíp ra ngoài nhà bắn ba phát để báo hiệu với bà con trong bản biết là gia đình có người qua đời. Con cháu, bà con thôn, bản nghe thấy tiếng súng ở khu vực nào sẽ đổ về gia đình đó để chia buồn, đồng thời xem có việc gì cùng giúp đỡ. Người chết được con cháu lau mặt, mũi, chân tay, thay quần áo mới cho sạch sẽ trước khi về với tổ tiên. Theo tập tục của người H'mông, khi rửa mặt xong, nước rửa mặt cho người chết được đem đổ vào gầm giường nằm của người chết, còn mảnh vải rửa mặt được đem phơi khô để đốt. Sau khi tắm rửa cho người chết xong, họ dùng một chiếc ván gỗ đem thi thể người chết đặt giữa nhà rồi người con trai trưởng nhanh chóng đi mời Dờ mủ (thầy cúng chỉ đường) về làm lễ “khai kέ” đưa đường chỉ lối cho linh hồn người chết về với tổ tiên. Đây là nghi lễ không thể thiếu được trong bất cứ đám tang nào của người h'mông. Gia đình sẽ chuẩn bị một cây nỏ “ninh”, một con dao và một con gà để làm lễ với ý nghĩa con dao là dụng cụ phát đường, cây nỏ là vũ khí để bảo người chết trên đường đi, con gà là người chỉ đường. Thầy Dờ mủ làm lễ xong, tiếng trống, tiếng khèn lại tiếp tục thổi các bài khèn “khai kέ” (chỉ đường) để chỉ đường đưa người chết về với tổ tiên.

- Trước đây, người H'mông thường đưa thi thể người chết lên treo ở gian giữa nhà, hay còn được gọi là đưa lên ngựa “ninh đặng” để thờ linh hồn người chết về với tổ tiên. Ngày nay, phần lớn các dòng họ đã đưa thi thể người chết vào áo quan. Sau khi làm lễ nhập quan, họ hàng anh em, con cháu đến làm lễ phúng viếng. Theo lý của người H'mông, khi bố mẹ qua đời, mỗi người con trai, con gái đều phải cho bố mẹ một bộ quần áo mới, một con lợn làm của cải mang về dưới âm để làm ăn. Người con trai cả bao giờ cũng là người giao lợn cho bố mẹ đầu tiên, tiếp đó là đến các con thứ trong gia đình, rồi sau đó đến lễ phúng viếng lần lượt của những người thân thiết trong gia đình và bà con trong bản. Trong lễ tang của người H'mông, ông cậu và ông anh rể là hai người quan trọng nhất, bởi vậy mà trước khi về chịu tang, ông cậu và anh rể bao giờ cũng phải thuê một người làm chủ hát “chí sùng sinh” để thay mặt gia đình bên ngoài cùng gia đình tổ chức lễ tang cho người chết theo đúng truyền thống. Ngoài ra, phái đoàn nhà cậu còn mang theo một con lợn, một thò thóc, 10 lít rượu, 3 quả trứng luộc, một cây tiền để làm lễ phúng viếng cho người chết mang đi. Còn bà con làng xóm mỗi người đều mang sang một thò thóc, một chai rượu, một bó hương để làm lễ phúng viếng cho người chết. Tùy thuộc vào

điều kiện kinh tế của gia đình mà họ tổ chức lễ tang cho người chết to hay nhỏ.

- Những lễ tang làm to có mổ trâu thường kéo dài từ 3 – 4 ngày với rất nhiều nghi lễ khác nhau như: lễ “treo sáng đù” (giao lễ vật), “Nùng chàn gì” (lễ hỏi đáp), “Tiu rìa kền”, “Gầu trùng”... mọi người thổi khèn, đánh trống hát thâu đêm để tiễn biệt người chết. Đến khi trời gần sáng, con cháu làm lễ đưa người chết ra khỏi nhà và khiêng ra ngoài bãi làm lễ mổ trâu. Trước khi mang thi thể người chết ra khỏi nhà, gia đình phải nhờ một người thầy cúng làm lễ đuổi ma ngựa ra khỏi nhà, với ý nghĩa người chết rồi phải đuổi hồn ra khỏi nhà để sau này con cháu yên ổn làm ăn. Ngoài thầy cúng, gia đình còn phải nhờ hai người thanh niên cầm cành đào, cành mận đập xung quanh nhà với ý nghĩa đuổi ma ra khỏi nhà. Thi thể người chết được khiêng ra ngoài bãi mổ trâu, người con trai cả bao giờ cũng là người dắt trâu ra giao cho người chết.

- Với cái chết của người già, người thân được giữ xác từ 3 đến 5 ngày tùy theo gia đình giàu hay nghèo. Người chết được thay quần áo và bỏ xác vào quan tài trước khi chôn. Đối với những người trẻ khi chết đi, người ta không cho thi thể vào quan tài ngay, mà để nguyên xác chết giữa nhà rồi tổ chức đám tang. Sau đó khiêng ra ngoài rừng, mới bắt đầu đào huyệt và ghép quan tài. Với người không may chết ngoài đường, ngoài rừng người H’ mông đen sẽ dựng lán ngoài sân, ngoài vườn để làm đám tang, tuyệt đối không đem xác vào nhà.

- Mỗi người trong bản đến viếng đám ma đều mang trên lưng một gùi lớn đựng từ 10 đến 20 kg thóc, một bình rượu trắng khoảng 5 đến 10 lít và 50 nghìn tiền mặt đưa cho gia chủ. Nếu đưa 100 nghìn, nhà chủ sẽ trả lại cho khách 50 nghìn chứ không lấy thêm.

- Những người thân, bạn bè đến tiễn đưa người chết, họ bước vào nhà đem theo chai rượu đến trước mặt người chết để làm lễ. Họ rót rượu từ trong bình của mình mời người chết, bằng cách đặt sát vào môi, rồi xoay chén rượu 3 vòng trên mặt. Sau đó họ tung hai tấm thẻ tre nhỏ để biết người chết nhận lễ hay không, tới khi hai mặt tấm thẻ cùng sấp hay cùng ngửa có nghĩa là đã đồng ý, rồi đổ rượu vào chiếc thùng gỗ.

- Trong đám ma của người H’ mông đen ở Sa Pa những người thân vui vẻ nói chuyện và uống rượu suốt những ngày làm đám. Bên cạnh đó là những thợ khèn, thợ trống nhảy múa suốt ngày đêm. Họ liên tục mời nhau uống rượu theo vòng, cứ người này mời người kia cho tới khi mệt và say.



### **2.3.2.3. Lễ hội**

- Hội Gầu Tào là lễ hội quan trọng và đặc sắc của người H'mông. Lễ hội được tổ chức hàng năm vào dịp tết giữa tiết xuân tươi thắm cùng hoa đào, hoa mận nở rộ. Lễ hội mở ra nhằm một trong hai mục đích cầu phúc hoặc cầu mệnh.

- Một gia chủ nào đó không có con, thừa con hoặc sinh con một bề, sẽ làm lễ nhờ thầy cúng bói xin cho mở hội Gầu Tào nhằm cầu mong có con – đó là hội cầu phúc. Một gia chủ khác nếu thường ốm đau bệnh tật, con cái yếu ớt, thậm chí có con bị chết, mùa màng, vật nuôi lụi dần, cũng nhờ thầy cúng bói xin mở hội Gầu Tào – đó là hội cầu mệnh.

- Ngay từ cuối tháng Chạp, khi được thầy cúng bói xin mở hội, gia đình mở hội cầu phúc phải nhờ anh trai, chị dâu (những người có con cả trai, cả gái) chặt cây mai cao to, không cụt ngọn, ngọn dài có lá về dựng nêu. Riêng gia chủ cầu mệnh, mong mọi người trong gia đình được khoẻ mạnh, xin đuổi hết bệnh tật ốm đau, làm ăn tấn tới thì phải cử hai thanh niên khoẻ mạnh trong dòng họ chặt cây mai về dựng nêu. Lễ dựng nêu được tổ chức từ ngày 26 đến 29 tết. Địa điểm trồng cây nêu (cũng là địa điểm mở hội) là một quả đồi gần đường đi, tương đối bằng phẳng, đánh bớt gốc cây, dọn sạch các bụi cây lúp xúp. Cây nêu được chôn ngay trên đỉnh đồi. Nếu lễ hội được chia làm ba năm (tổ chức suốt ba năm liền) thì mỗi năm chỉ dựng một cây nêu bằng cây mai. Nhưng nếu lễ hội chỉ tổ chức gộp một lần thì phải chôn dựng ba cây nêu theo hình tam giác cân ở giữa đỉnh đồi. Trên gần ngọn nêu treo ba miếng vải lạnh màu đen. Ở Sa Pa lại chỉ treo một dải vải đỏ. Phía dưới sợi vải, treo lủng lẳng bầu rượu ngon và một dây tiền giấy bằng giấy bản. Khi dựng xong cây nêu mời tổ tiên các thần phù hộ cho có con, mọi thành viên đều khoẻ mạnh, bình an kế tục việc làm ăn, làm mặ theo dòng họ.

- Khi cây nêu được dựng lên, các làng gần, làng xa biết rằng tết năm nay sẽ mở hội Gầu Tào. Mọi người nô nức chuẩn bị dự hội. Thời gian mở hội thường từ ngày mùng một đến ngày mười lăm tháng giêng. Nếu hội tổ chức ba năm liền thì mỗi năm tổ chức ba ngày liền, hội làm gộp một năm sẽ tổ chức chín ngày. Ở Sa Pa, sáng ngày mồng một tết làm lễ mở hội. Ở Mường Khương mở hội vào ngày mồng ba tết. Sau phần cúng khai hội của thầy cúng, mọi người cùng tham gia các cuộc thi trò chơi.

- Sáng sớm ngày khai hội, mọi người tụ tập đến bãi mở hội. Khắp bãi đã dựng thêm nhiều lều lợp lá cây cho người già ăn uống chúc tụng. Bãi bằng nhất được

dọn ra cho trẻ em đánh quay. Những dây ông hát được chăng lên khắp triền đồi. Nơi bắn nỏ, bắn cung, sân múa khèn, đường đua ngựa cũng được quy định và bài trí đơn giản. Những trò chơi truyền thống còn phải kể đến đu quay, đu dây, đẩy gậy, vắn gậy, uốn dẻo, trồng cây chuối, nhảy xa không lấy đà, đi bằng tay, trò húc nhau, thi vật cánh tay, thi vật ngón tay, đấu vật, v.v... Mỗi sân bãi đều cất cử người quán xử (chủ sự). Gia chủ là người có quyền tối cao thống lĩnh toàn hội. Bên cạnh gia chủ sẽ có hai đến ba trung niên hay ông già thạo đường ăn nói thay mặt cho gia chủ giải quyết mọi sự. Ngoài ra cần có xừ quan (quản lý) chăm lo việc ăn uống, có hầu pầu tờ (quản củi đuốc), hầu pầu giê (trông nom xay giã dần sàng) cùng với xừ quan... Xừ quan, quán xử cùng gia chủ và các bậc triết nhân thánh hiền, thầy mo chữ sau những cuộc đón khách trọng thể, họ công bố mở hội bằng một lễ nhẹ nhàng, rồi đến khai mạc từng đám chơi.

Đám bắn thi cung nỏ quy định tiêu điểm bằng một lá nhỏ, hiện một hột ngô, trước là tĩnh, sau là động, di chuyển nhanh như chim bay hay sóc lặn bụi. Người thiện xạ thắng cuộc sẽ được ban tổ chức thưởng một bầu rượu ngon.

Đám chơi quay thu hút các em nhỏ và cả những người vào tuổi thanh niên... Ở các làng Hmông phía tây sông Hồng (Sa Pa, Bát Xát) các bạn trẻ thường dùng con quay đẽo tròn, phần trên gọt tròn, nhẵn và có núm, phần dưới hơi nhọn, ngay đỉnh nhọn có đóng một chiếc đinh. Chiếc quay nặng từ 0,2 đến 0,5kg. Ở miền Đông sông Hồng, lại dùng quay to, nặng hơn tùy sức lực và ý thích từng người.

- Đánh quay có hai hình thức chủ yếu: Thi quay tít và chơi quay. Đầu tiên các bạn trẻ thường thi quay tít.

Đám múa khèn thật là trịnh trọng, được coi như môn tài tử cao sang nhất. Mọi người vây quanh người múa, buông tay, nghiêng mình kính cẩn chiêm ngưỡng những tài hoa xuất chúng. Người múa đi những đường lượn, đường vòng, nước đi, nước lùi, khi thì như con nai in trên thảm cỏ, khi thì như cơn gió mát lướt nhẹ qua rừng cây, khi thì như con công đứng chụm chân, xoè cánh, khi lăn tròn, khi lộn nhào, khi quay tít trên ngón chân cái, chân vồ nhau hoặc tay nọ vồ chân kia... Những điệu nhảy mang rõ nét võ thuật, những tiếng khèn vẫn không ngừng vang vọng. Kết thúc bài, người múa lại thổi bài mời mọc rồi người khác bước ra sân, ra bái chào, không để cho tiếng khèn bị đứt quãng. Người vừa biểu diễn xong, bước ra khỏi sân bao giờ cũng được đón bằng những chén rượu với một sự trịnh trọng, khâm phục đặc biệt.

Đám hát Gầu plênh, hát tình ca, đối đáp, trao duyên, hát vui hội hè thường có mặt những thanh niên trai gái đang độ thanh xuân. Họ hát để thi thố tài nghệ và cũng

nhân thể tìm hiểu nhau. Những bài hát thường là sáng tác tức thì (Gầu chú zi). Đám hát không thiếu những người đã định nơi chốn bởi vì đã được luật hội cho phép và cấm kỵ không được ghen tuông, ích kỷ; hơn nữa đám hát luôn có người kiểm soát nên ai có vô ý sát lại gần nhau sẽ có ngay chiếc gậy trúc của người kiểm soát trở vào giữa nhắc luật, và hai người phải giãn cách. Song nhiều chiếc gậy mãi xem thối khèn hoặc lử đừ lử đừ với bầu rượu nên có quen nhiệm vụ là điều dễ hiểu. Trong đám hát, những người đã định nơi chốn thường lui tới bên những ống hát. Từ ống mai đầu này tới ống mai đầu kia cách nhau khoảng 100 – 200m là một sợi tơ tằm vàng óng nối liền, mỗi ống bắc trên một cây cao vừa tầm người đứng. Khi người đầu này hát thì người đầu kia áp tai lắng nghe, giọng hát truyền qua nguyên vẹn trên sợi dây.

Những người chơi nhị thổi sáo bịt và sáo lưỡi đồng, gảy đàn môi thì tùy thích nhập đám hoặc chơi riêng một mình. Trên khắp các triền núi, tiếng kèn lá bay bổng vang trời gọi mời nhau. Các cụ bà cũng kéo nhau ra hội, móm mém kể chuyện này chuyện nọ hoặc chăm chú lờn ăn tiếng nói, bước đi đứng, nếp váy áo cho con cháu. Các cụ ông rạng rỡ mặt mày bên những mâm rượu và chủ trì cho những cuộc lễ một cách cung kính.

Tại bãi hội, những đồng lửa được đốt lên, mọi người tiếp tục cuộc vui. Ngày đầu tiên, sau khi làm lễ khai hội, nếu nhà thầy mo ở gần thì mọi người kéo vào nhà thầy làm lễ nhảy (đha thàng). Đám nhảy đồng cũng sẽ tiếp diễn cho đến hết hội. Hình thức, động tác nhảy rất đơn giản, một tốp nam hoặc một tốp nữ, thường là thanh thiếu niên, đứng thành một hàng ngang trước bàn thờ. Cuộc nhảy mở đầu do thầy mo đánh chiêng. Chiêng đánh sau lưng tốp nhảy.

- Nhảy đồng mang đặc tính sa man giáo đường như vô nghĩa song thực chất ý nghĩa của nó là cầu mong sức khỏe, sinh sản, cầu mong được mùa màng tươi tốt, cầu mong đất trời thuận hoà, cầu mong thần linh, ma quái không gây ra những điều oan trái. Nhảy đồng còn tựa như được thôi miên, hồn lìa khỏi xác khiến người ta bay bổng vào cõi mơ.

Hết thời gian hội, gia chủ làm lễ kết thúc, cây nêu được hạ xuống. Thầy mo đốt thẻ giấy, hốt than cho vào gáo nước, vừa đi vừa cầu khẩn. Sau mỗi đoạn khẩn vái, thầy lại hớp một ngụm nước phun ra xung quanh. Gia chủ cầm bầu rượu hạ từ trên cây nêu đi theo sau thầy mo, cũng hảy rượu ra khắp nơi. Mảnh vải đỏ mang về treo trong nhà cầu, mong hồng phúc đời đời. Nếu là hội cầu phúc, ông chủ hội chọn một đôi trai gái, một đôi nam nữ đứng tuổi đông con và họ hàng rước nêu về. Gia chủ gác nêu ở đằng sau nhà hoặc làm giát giường mong sớm có con. Nếu mở hội

cầu mệnh thì rước cây nêu đến gác ở chỗ vách đá khô ráo.

Thông thường, chủ nhà tổ chức lễ hội liên trong ba năm, mỗi năm tổ chức từ ba đến năm ngày. Nếu muốn làm gộp lại một năm thì phải kéo dài ngày hội ra mười, mười hai ngày. Phần lễ, chủ nhà cúng tại bàn thờ tổ tiên (xỉ căn pù giờ) vào chiều ngày 30 Tết và kết thúc vào ngày mùng 3 hoặc 4 Tết. Để tổ chức hội chu đáo, từ ngày 25, 26 Tết (Tết H' mông, tức 25-26 tháng 11 âm lịch), chủ nhà chọn các chàng trai khỏe mạnh, chặt cây tre to cao làm cây nêu. Cây nêu được trồng ở một quả đồi thoải thoải hay ở một bãi đất bằng phẳng, rộng rãi mà gia chủ chọn làm trung tâm lễ hội. Trên ngọn cây nêu treo một bầu rượu, một miếng vải đỏ để kính báo với thần linh. Sự xuất hiện của cây nêu báo hiệu cho cả bản biết năm nay sẽ có gia đình tổ chức lễ hội Gầu Tào. Lễ hội Gầu Tào dù tổ chức ở một gia đình hay ở một số gia đình đều trở thành ngày vui chơi, thu hút sự tham gia của cả bản.

Từ mùng 3-5 Tết, thầy cúng cùng gia đình chọn ngày tốt, giờ tốt để mở hội Sau vài lời tuyên bố lý do mở hội của gia chủ, trai gái Mông trong các bộ y phục dân tộc rực rỡ sắc màu, vòng tay, vòng cổ lấp lánh cùng nhau hát những bài hát chúc tụng, ngợi ca bản mường, những bài hát vui, bài hát giao duyên tình cảm. Tiếp theo đó, hàng trăm người cùng nhau toả đi khắp các núi đồi, đường đi, những đồng ruộng cạn. Họ vui đùa, trò chuyện, chơi các loại nhạc cụ dân tộc như thổi kèn lá, sáo, khèn môi, kéo nhị, múa khèn...; các trò chơi dân gian như đánh quay, đẩy gậy... tạo nên không khí ngày hội hấp dẫn.

Lãng mạn và thơ mộng nhất chính là những đám hát giao duyên của những đôi nam thanh nữ tú trong bản. Giữa bồng bềnh mây ngàn gió núi, các chàng trai áo chàm quần quít bên những cô gái váy áo rực rỡ sắc màu. Họ vừa hát vừa thi thố tài nghệ, vừa ước mong được tìm hiểu nhau để nên vợ nên chồng sau những đêm hội đầu xuân.

Từ giờ phút này cho đến hết vài ba ngày sau tùy theo kế hoạch của gia chủ, các trò vui chơi diễn ra thật sôi nổi dưới sự điều hành của vị cáng xỉ và các chí tảo tạo nên không khí ngày hội vui khỏe hấp dẫn.

Sau ba ngày hoặc năm ngày, chủ nhà làm lễ kết thúc, ông thầy cúng thay mặt gia chủ tạ ơn tổ tiên, trời đất, thần linh, xin quý nhân phù trợ. Thầy mo đốt giấy bản, cây nêu hạ xuống, rượu trong bầu được gia chủ tưới khắp đồi. Miếng vải đỏ được đưa về nhà treo trên cột chính trong nhà hay cửa ra vào nơi trú ngụ của xta mềnh (thần cửa). Nếu là cầu phúc, gia chủ chọn đôi trai gái đông con, con khỏe, khiêng cây nêu về gác lên sàn nhà, nếu là cầu mệnh, cây nêu gác phía sau nhà với hàm ý ngăn cản quý ác.

#### **2.3.2.4 Văn hóa ẩm thực**

- Thắng cố ở Sapa là món ăn truyền thống của người H'mông Đen, dân tộc sống tập trung tại huyện Sapa của tỉnh Lào Cai. Theo thời gian, món ăn này dần được ưa chuộng bởi toàn bộ những người dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc và người Kinh lên đây khai phá. Người Hà Nội tự hào về phở, người Sài Gòn tự hào về cơm tấm bao nhiêu thì người H'mông cũng tự hào bấy nhiêu về món Thắng cố Sapa của mình.

- Trước kia, Thắng cố ở Sapa được làm từ tất cả các nguyên liệu của một con ngựa, không bỏ đi bất cứ thứ gì nếu ăn được. Sau này, Thắng cố được thay đổi nguyên liệu: Người ta có thể dùng thịt ngựa, thịt bò, thịt trâu, thịt dê... và tất cả các lục phủ ngũ tạng còn lại. Nhưng Thắng cố làm từ thịt ngựa vẫn được ưa chuộng nhất.

- Thịt và nội tạng con vật được rửa sạch, luộc chín, ướp trước gia vị. Nồi nước dùng có xương ngựa, nội tạng, tiết cùng các gia vị truyền thống bao gồm thảo quả, hoa hồi, quế chi, sả, gừng và nhiều thứ gia vị bí truyền khác. Đun sôi nước dùng rồi thả thịt và nội tạng được tẩm ướp vào, cứ thế ninh hàng tiếng đồng hồ cho nhừ và ngấm đẫm gia vị. Khi thưởng thức Thắng cố Sapa, thực khách có thể thêm một chút ớt, tiêu hoặc muối.

- Thắng cố có mùi vị đặc trưng, chỉ những người thực sự thích ăn và thấy thú vị mới có thể thưởng thức được nó. Theo lời người H'mông – mẹ đẻ của món thắng cố thì người ăn được thắng cố là những người khéo léo và sành ăn nhất.

- Nồi Thắng Cố ở Sapa nói chung và ở miền núi phía Bắc nói riêng thường rất lớn, đủ cho vài chục người ăn. Những bát Thắng cố được múc ra phục vụ thực khách từ những chảo lớn sóng sánh thịt nạc, thịt mỡ và lục phủ ngũ tạng. Nội tạng ngựa được chế biến sạch có mùi thơm, giòn giòn, quyện với mùi cay nồng của các loại rau nhúng như cải mèo, cải ngồng, cải lầu... chấm với loại nước chấm đặc biệt làm từ ớt Mường Khương. Món ăn nguyên bản này của người dân tộc ở các phiên chợ thường hơi khó ăn. Còn trong các nhà hàng, Thắng cố đã được cải biên đi nhiều để phù hợp với khẩu vị người Kinh.

- Trong các quán Thắng cố ở Sapa, bạn có thể thưởng thức đặc sản này cùng với mèn mèn, bánh ngô nướng và đặc biệt, đừng bỏ qua rượu ngô thơm lừng. Ăn Thắng cố phải nhâm nhi với rượu ngô Bắc Hà hoặc rượu San Lùng, thứ rượu nồng ấm, thơm phức, được kết tinh từ tinh hoa của núi rừng, từ bàn tay tần tảo của

những người phụ nữ vùng cao. Trong không khí se lạnh của Sapa, thực khách sẽ vừa xuyết xoa trước nồi lẩu Thắng cố đậm tình dân tộc, vừa tận hưởng vị cay tê nơi đầu lưỡi của rượu vùng cao để mà thấy yêu hơn vùng núi rừng Tây Bắc thơ mộng. Bạn sẽ nhớ mãi hương vị món Thắng cố ở Sapa khi đã được một lần ăn thử như tâm sự của nhiều du khách khi có dịp quay lại Thành Phố Trong Mây.

✓ Địa chỉ của các quán Thắng cố ở Sa Pa:

- Có nhiều quán Thắng cố trong chợ ẩm thực Sapa, ngay trung tâm thị trấn, đối diện với nhà thờ. Bạn đừng giữ trong mình định kiến là món Thắng cố “mất vệ sinh”. Hãy đến đó, gọi cho mình một nồi Thắng cố Sa Pa được đun trên bếp từ hoặc bếp ga thơm lừng không khác gì nồi lẩu của người Kinh nhưng với hương vị hoàn toàn đặc biệt.

- Giữa không gian ẩm thực, bên nồi lẩu Thắng cố Sa Pa, bạn sẽ được đắm chìm trong hương sắc của núi rừng, trong làn sương mờ ảo, trong giai điệu man mác của tiếng kèn môi, trong sắc màu rực rỡ của những bộ váy áo, trong nụ cười bẽn lẽn của các cô gái dân tộc...Đừng quên nhâm nhi vài ly táo mèo, San Lùng, rượu ngô Bản Phố nhé! Thực vậy, chuyến hành trình của bạn ở xứ sở Sương Mù sẽ hoàn thiện hơn khi được thưởng thức Thắng cố Sa Pa!

- Nếu bạn thích không gian riêng, yên tĩnh...nhà hàng Thắng cố Sa Pa – Nhà Hàng Khám Phá Việt tại địa chỉ: 15 Thạch Sơn, tt. Sa Pa, Sa Pa, Lào Cai, điện thoại: 020 3871 555 là một sự lựa chọn đáng nhớ. Nhà hàng này cũng được biết đến với tên: Thắng cố A Quỳnh.

#### 2.3.2.5 Nghề thủ công:

- Có câu “lửa cháy đến đâu người H’ông theo đến đó” hay “người chạy theo nương” để nói về cuộc sống du canh nương rẫy của người H'ông. Sản phẩm nông nghiệp chính là ngô, lúa nương, khoai, mạch ba góc, ý dĩ, lạc, vừng, đậu và các loại rau... ở một vài nơi có ruộng bậc thang. Các loại quả táo, đào, mận, lê cũng rất nổi tiếng và người H'ông còn trồng cả các loại cây thuốc như tam thất, xuyên khung, đảm sâm...

- Người H'ông phát triển đa dạng các nghề thủ công như đan lát, rèn, làm yên cương ngựa, đồ gỗ, nhất là các đồ đựng, làm giấy bản, đồ trang sức bằng bạc

phục vụ nhu cầu và thị hiếu của họ. Các thợ thủ công H'mông phần lớn là thợ bán chuyên nghiệp, nhưng có thể làm ra những sản phẩm nổi tiếng như lưỡi cày, dao, cuốc, xẻng, nòng súng đạt trình độ kỹ thuật cao. Đặc biệt, nghề dệt vải lanh là một trong những hoạt động sản xuất đặc sắc của người H'mông.

#### **2.4 Các loại hình du lịch khai thác văn hóa tộc người H'mong**

➤ Du lịch cộng đồng:

- Cùng với khai thác giá trị cảnh quan thiên nhiên, tộc người H'mong đang hướng đến việc phát triển du lịch cộng đồng, nhằm phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc.

- H'mong được coi là vùng đất có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, bởi nơi đây không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên mà còn ẩn chứa kho tàng văn hoá truyền thống đặc trưng. Đây được coi là điểm đột phá trong phát triển du lịch của huyện và của tỉnh.

➤ Với mục tiêu đào tạo, nâng cao nhận thức cho người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số ở H'mong trong việc kinh doanh du lịch, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc. Tại 2 thôn Cát Cát và Sín Chải (xã San Sả Hồ) có sự tham gia của 4 hộ dân, đến nay đã nhân rộng ra nhiều xã trong huyện như: Tả Van, Lao Chải, Tả Phìn, Nậm Cang, với sự tham gia của hàng trăm hộ dân làm du lịch. Tiêu biểu như thôn Cát Cát, chỉ từ 3 hộ ban đầu tham gia dự án, đến nay đã có trên 30 hộ kinh doanh du lịch theo hình thức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu ăn, nghỉ, tham quan của khách du lịch, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Điều đặc biệt, dự án được thực hiện đã tạo động lực cho du lịch ở H'mong phát triển bền vững. Không chỉ hướng dẫn đồng bào các hoạt động đón tiếp, bố trí nơi nghỉ cho du khách có nhu cầu tham quan, du lịch khám phá thiên nhiên, phong tục, tập quán sinh hoạt, lao động, sản xuất của những hộ đồng bào dân tộc H'mông ở địa phương, mà dự án còn hướng dẫn người dân làm du lịch một cách bài bản như: vệ sinh nhà cửa sạch sẽ, đón khách, kỹ năng giao tiếp, thành lập các đội văn nghệ ngay tại thôn bản biểu diễn phục vụ khi khách có nhu cầu. Bên cạnh đó, dự án cũng đã khuyến khích các hộ dân trong thôn bảo tồn và phát triển một số ngành nghề truyền thống, như: thêu, dệt thổ cẩm, rèn, đúc, chạm khắc đồ thủ công mỹ nghệ, tạo ra những sản phẩm du lịch đặc sắc. Tại những địa phương này, người dân đã đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú, ăn uống, nhiều ngôi nhà sàn đã trở thành nơi nghỉ lý tưởng của khách du lịch. Mỗi hộ dân như một điểm nhà nghỉ với sắc thái và đặc trưng riêng, tạo cảm hứng mới lạ cho khách du lịch khi nghỉ qua đêm. Một

trong những địa chỉ làm du lịch cộng đồng gây ấn tượng phải kể đến đồng bào thôn Bản Hồ (xã Bản Hồ), ở đây với sự giúp đỡ và hướng dẫn của chính quyền địa phương và các đơn vị chức năng đã có 32 hộ đồng bào người Tày trong xã cải tạo nhà sàn rộng rãi, thoáng mát với đầy đủ tiện nghi, đáp ứng nhu cầu ăn nghỉ của du khách. Theo đó, các nét đẹp truyền thống, như: dệt vải, hát then, đàn tính của đồng bào cũng được khôi phục, thoả mãn nhu cầu tìm hiểu phong tục, tập quán của du khách tham quan. Từ mô hình kinh doanh du lịch cộng đồng, nhiều hộ đã có thêm nguồn thu nhập từ 40 - 50 triệu đồng/năm, góp phần nâng cao đời sống, xoá đói, giảm nghèo.

- So với các loại hình du lịch thì du lịch cộng đồng được coi là thế mạnh tại tộc người H'mong ở Sa Pa, bởi không chỉ khách trong nước mà hầu hết du khách nước ngoài mỗi khi đến Sa Pa đều lựa chọn loại hình du lịch này. Du khách quốc tế đến Sa Pa có nhu cầu đi du lịch đến các bản, làng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, hoạt động du lịch cộng đồng tại các bản làng vẫn chưa khai thác hết tiềm năng thế mạnh, chưa kéo dài được thời gian lưu trú của du khách, do các hoạt động du lịch còn nghèo nàn cả về mặt nội dung và hình thức, cũng như việc tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo mang tính vùng miền. Vì vậy, để khai thác tiềm năng lĩnh vực này, chính quyền người H'mong cần chỉ đạo các xã, các cơ quan chuyên môn, ngoài việc hướng dẫn người dân làm du lịch, tiếp tục tập trung vào bảo tồn, phục dựng những nét đẹp văn hoá truyền thống các dân tộc vùng cao, nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, mang tính đặc trưng, thu hút ngày càng đông du khách tham quan. Bên cạnh đó, đầu tư mở rộng các tua, tuyến du lịch sinh thái, bản làng mới và tập trung vào một số khu vực hạ huyện, như: Thanh Phú, Nậm Sài, Thanh Kim là những khu vực tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, có nhiều nét văn hóa đặc sắc vùng cao.

- Phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên là hướng đi bền vững của du lịch H'mong. Với tiềm năng, thế mạnh của mình, tộc người H'mong có triển vọng phát triển nhiều loại hình du lịch văn hoá chất lượng cao, kết hợp du lịch cộng đồng, sinh thái, nghỉ dưỡng. Đây sẽ là điểm đến lý tưởng cho du khách trong và ngoài nước khi đến SaPa, với nhiều cơ hội lựa chọn các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú và độc đáo tại địa phương.

➤ Du lịch homestay:

- Du lịch Homestay hiểu một cách đơn giản đây là một loại hình du lịch mà du



khách sẽ đến ở trong nhà của người dân bản địa, cùng ăn, cùng sống và sinh hoạt với người dân nơi đây. Du khách sẽ được là một thành viên trong gia đình, được tạo điều kiện để gần gũi cũng như để tìm hiểu những nét văn hóa truyền thống của của tộc người H'mong ở Sapa. Đây là trải nghiệm hết sức phong phú vì họ có những nét văn hóa, truyền thống rất đa dạng.

- Khi du lịch homestay ở H'mong cần hòa nhập với lối sống của gia chủ như ngôn ngữ, thói quen sinh hoạt, đồ ăn,... Ngoài ra nên chủ động tham gia vào các công việc hằng ngày của gia đình như nấu ăn, làm vườn, trồng lúa, lên nương,... Luôn giữ một thái độ tôn trọng với phong tục của từng dân tộc. Khi du lịch homestay ở H'mong sẽ có cơ hội chứng kiến nhiều phong tục, tập quán các dân tộc mà có thể bạn cho là không còn phù hợp với hiện đại. Như tục “võ mông kén vợ” của người H'mông, hay người Mường thì có tục “ngủ thăm”. Với du lịch homestay ở H'mong, cần sinh hoạt theo thói quen của những người trong gia đình gia chủ. Ví dụ như nếu họ có thói quen dậy sớm cũng không nên ngủ quá nhiều.

- Du lịch homestay ở H'mong Sapa tuy không phải là một loại hình du lịch mới nhưng nó vẫn mang sức hút với rất nhiều du khách. Vì với loại hình du lịch này, du khách sẽ có những trải nghiệm độc nhất vô nhị mà không nơi nào có thể mang đến trừ Sapa.

## **Tiểu kết chương 2**

Nước ta có nguồn Tài nguyên phong phú đậm đà bản sắc dân tộc, cùng với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng, là nền tảng cho việc phát triển du lịch và có khả năng thu hút khách du lịch cao.

Ở Chương 2 đã tìm hiểu, và phân tích một số khía cạnh văn hóa của tộc người H'mong. Tuy vậy văn hóa tộc người H'mong ở Sapa phong phú đa dạng nhưng vẫn chưa được khai thác tối đa để phục vụ cho du lịch. Tộc người H'mong có nhiều nét văn hóa đặc sắc: như trang phục, văn hóa, ẩm thực, phong tục tập quán. Trong chương 2 e đã nêu nên nhưng nét văn hóa của người H'mong từ đó đề khai thác phục vụ hoạt động du lịch của nước nhà.

## **Chương 3**

# **Một số giải pháp giữ gìn và khai thác hiệu quả những giá trị văn hóa tộc người H'mong ở Sapa, Lào Cai để phục vụ hoạt động du lịch.**

### **3.1 Định hướng phát triển du lịch ở Sapa đến năm 2020, tầm nhìn 2030**

- Thực hiện Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn Sapa, Lào Cai, gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015- 2020, tầm nhìn 2030 cho thấy du lịch Sapa, Lào Cai đang phát triển theo đúng định hướng, bảo đảm bền vững, có hiệu quả, phù hợp và đóng góp mạnh mẽ trong thực hiện các mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam.

- Xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, đột phá được đặc biệt quan tâm, tỉnh Lào Cai đã ban hành Đề án chuyên đề về phát triển du lịch qua các giai đoạn. Công tác tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch được tỉnh Lào Cai đẩy mạnh: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015- 2020, tầm nhìn 2030; phê duyệt và công bố Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định 1845/QĐ-TTg, ngày 26/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ),... là những định hướng quan trọng để phát triển du lịch Lào Cai. Hiện tại, các cấp, các ngành của tỉnh đang tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch đã được phê duyệt, phân đầu đến hết năm 2018, Sa Pa được công nhận là Khu Du lịch quốc gia.

- Bên cạnh đó, tỉnh Lào Cai đang quyết liệt chỉ đạo triển khai nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch một số huyện, thành phố có tiềm năng phát triển du lịch, như: Thành phố Lào Cai, huyện Bát Xát, huyện Bắc Hà... Đây là những căn cứ quan trọng để hoạch định phát triển du lịch Sapa và thu hút đầu tư trong giai đoạn tới.

- Trong thời gian ngắn, Sapa đã có thêm nhiều điểm đến mới, có nhiều sản phẩm mang tính đặc thù và không ngừng tạo ra các sản phẩm du lịch dựa trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa truyền thống một cách bền vững. Trước hết phải kể đến loại hình du lịch cộng đồng cũng phát triển mạnh tại H'mong Sapa, tạo ra một sản phẩm du lịch độc đáo gắn với đặc trưng văn hóa của tỉnh. Hiện nay, tỉnh Lào Cai đã công nhận chính thức 28 điểm du lịch, 20 tuyến du lịch, 16 điểm du lịch

cộng đồng trên địa bàn các huyện Mường Khương, Si Ma Cai, Bắc Hà và Bát Xát, Sa Pa với gần 200 hộ gia đình có đủ điều kiện được kinh doanh loại hình lưu trú tại gia (homestay). Trong năm 2016 và 2017, nhóm hộ dân có nhà cho khách du lịch thuê (Homestay) tại Tả Van Giáy - Sa Pa được trao giải thưởng Homestay Asean.

### **3.2 Phát triển sản phẩm du lịch của Sapa**

- Sản phẩm du lịch chính của Sa Pa hướng tới là: sản phẩm du lịch đặc thù, du lịch tham quan, du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng. Trong đó, Sa Pa đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù để tận hưởng khí hậu, cảnh sắc thiên nhiên và bản sắc văn hóa của người dân bản địa theo các chương trình du lịch “Sa Pa - xứ sở của các chương trình du lịch đi bộ dã ngoại hấp dẫn” và “Sa Pa - Vùng đất của sự trải nghiệm và tìm hiểu văn hóa truyền thống”; sản phẩm du lịch “Chinh phục đỉnh cao” gắn với đỉnh Fansipan, nóc nhà Đông Dương (huyện Sapa), đỉnh Ky Quan San và đỉnh Nhìu Cù San, thiên đường săn mây của giới trẻ (huyện Bát Xát); du lịch nghỉ dưỡng ngắm tuyết rơi vào mùa đông.

- Sản phẩm du lịch bổ trợ gồm: du lịch tâm linh gắn với hệ thống đền, chùa trong tổ hợp vui chơi giải trí cáp treo Fansipan; các điểm di tích tâm linh trong khu vực; từng bước kết nối với các điểm di tích ở khu vực lân cận; du lịch gắn với các sự kiện, lễ hội văn hóa truyền thống; du lịch thương mại gắn với tham quan, mua sắm tại các trung tâm thương mại, chợ truyền thống; du lịch gắn với các hoạt động thương mại vùng biên hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa nông sản đặc trưng của tỉnh Lào Cai; du lịch nghiên cứu, tìm hiểu sinh thái gắn với giáo dục môi trường; du lịch thể thao mạo hiểm...

- Mục tiêu của Quy hoạch nhằm phấn đấu đến năm 2020, Khu du lịch Sa Pa đáp ứng các tiêu chí và được công nhận là Khu du lịch quốc gia. Trước năm 2030, Khu du lịch quốc gia Sa Pa trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa tầm cỡ quốc gia, quốc tế với hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, chất lượng cao, có thương hiệu, và khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế. Khu du lịch Sa Pa phấn đấu năm 2020 đón khoảng 2,0 triệu lượt khách; đến năm 2030 đón khoảng 5,2 triệu lượt khách.

### **3.1 Giải pháp trực tiếp đến sự phát triển du lịch văn hóa ở Sapa**

#### **3.3.1 Phương pháp tuyên truyền**

- Những năm gần đây, Sapa đang được xác định là một trong những địa chỉ du lịch độc đáo và hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế, với Sa Pa - tiểu An-pơ

của miền nhiệt đới, “cao nguyên trắng” Bắc Hà nổi tiếng với phiên chợ văn hóa. Ngoài ra, bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng 25 dân tộc anh em được đánh giá là nguồn tiềm năng phong phú để Sapaphát triển du lịch. Đó là lý do mà liên tục trong 4 nhiệm kỳ Đại hội gần đây, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đều xác định du lịch là mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế địa phương, từ đó ban hành nhiều chính sách, tập trung các nguồn lực để phát triển ngành kinh tế quan trọng này.

- Theo định hướng đến 2020, Sapasẽ trở thành trọng điểm du lịch của vùng Tây Bắc và phát triển Sa Pa thành khu du lịch quốc gia. Ngoài ra, du lịch cũng được ưu tiên đầu tư, phát triển ở những địa phương khác của Lào Cai, tạo tiền đề đến năm 2030 là ngành kinh tế đột phá, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tính đến hết quý I năm 2018, Lào Cai đón 1,2 triệu lượt khách, doanh thu du lịch đạt 3.493 tỷ đồng. Nhiều điểm đến du lịch trên địa bàn tỉnh Sapaluôn được bình chọn với những thứ hạng cao trên bản đồ du lịch của Việt Nam và Khu vực như: Sa Pa luôn nằm trong Top 10 điểm du lịch hấp dẫn nhất Đông Nam Á.

- Đặc biệt trong nhiều năm qua, bằng nhiều hành động và biện pháp thiết thực, các homestay và du lịch cộng đồng của Sapadã trở thành những điểm đến hấp dẫn, thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế, năm 2017 mô hình du lịch cộng đồng ở Sa Pa đã được giải thưởng ASEAN. Những kết quả trên cho thấy du lịch đã thực sự góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và đưa hình ảnh Sapadến gần hơn nữa với đông đảo du khách trong và ngoài nước, thời gian tới, ngành VHTTDL Lào Cai sẽ đẩy mạnh tăng cường công tác xúc tiến và quảng bá du lịch. Cụ thể, Lào Cai sẽ ban hành kế hoạch truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch đến năm 2020. Hoạt động truyền thông, quảng bá sẽ đẩy mạnh, tăng cường qua nhiều phương pháp đa dạng như: quảng bá trên đài truyền hình, trên báo trung ương, trên website; Phát triển các tiện ích quảng bá du lịch trên các thiết bị cầm tay: Điện thoại di động, máy tính bảng; Tuyên truyền, quảng bá trên hệ thống biển quảng cáo tầm lớn; tổ chức đoàn xúc tiến du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, đoàn cơ quan báo chí truyền thông trong và ngoài nước đến Sapakhảo sát điểm đến, dịch vụ và sản phẩm du lịch; Tổ chức xúc tiến du lịch và giới thiệu điểm đến, tổ chức các gian hàng hội chợ trong và ngoài nước... Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm trọng điểm, hiệu quả thiết thực, xác định rõ đối tượng truyền thông, nhằm thu hút khách du lịch từ các thị trường truyền thống và

mở rộng các thị trường mới tiềm năng, chú trọng thị trường quốc tế và nội địa có khả năng chi trả cao.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch mang tính đồng bộ, thống nhất, thường xuyên, hấp dẫn với đầy mạnh liên kết hợp tác phát triển du lịch. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, thông tin đại chúng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, xúc tiến du lịch, khuyến khích sử dụng mạng xã hội và các trang thông tin điện tử (website): dulichlaocai.vn; sapa-tourism.com. Xây dựng chiến lược, xúc tiến quảng bá thương hiệu du lịch Lào Cai- Fansipan - Sa Pa. Tăng cường liên kết, khai thác tối đa lợi thế tuyến hành lang Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để kết nối du lịch núi với du lịch biển; mở rộng liên kết với các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam để khai thác các loại hình du lịch nghỉ dưỡng núi cao cấp, du lịch biển; tiếp tục chương trình hợp tác 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Giang - Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình để phát triển các sản phẩm du lịch chuyên biệt, phát triển tuyến du lịch ruộng bậc thang

### 3.3.2 Tập trung đào tạo và đầu tư nguồn nhân lực

- Hết năm 2012, toàn tỉnh có 36 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế, nội địa với 161 hướng dẫn viên; 263 thuyết minh viên du lịch được cấp giấy chứng nhận. So với các tỉnh trong khu vực thì con số này không nhỏ. Tuy nhiên, phần lớn số lao động có trình độ sơ cấp, trung cấp, chưa qua đào tạo chuyên ngành du lịch và làm việc theo hợp đồng thời vụ. Lợi thế của du lịch Lào Cai là có lượng hướng dẫn viên du lịch là người địa phương khá đông. Theo một số công ty lữ hành, khách du lịch nước ngoài rất thích hướng dẫn viên là những người địa phương, bởi họ rất nhiệt tình và am hiểu văn hoá truyền thống của địa phương... Đây là nguồn nhân lực chính của ngành du lịch Lào Cai, tạo nét riêng biệt đối với du khách khi tới đây. Tuy nhiên, hướng dẫn viên du lịch địa phương chưa qua đào tạo nghiệp vụ, đa phần mới có giấy chứng nhận thuyết minh viên do Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch cấp, chưa có nhiều kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng xử lý tình huống, nên tính chuyên nghiệp chưa cao. Ngoài ra, trình độ văn hóa của thuyết minh viên du lịch còn hạn chế. Thực tế, nhiều thuyết minh viên du lịch của tỉnh chưa “nói thông, viết thạo” tiếng, chữ phổ thông.

- Vì thế, ngành du lịch tỉnh sẽ tạo việc làm cho khoảng 8.500 lao động, trong đó 2.500 lao động trực tiếp, chiếm 78% tổng số lao động trực tiếp trong các cơ sở. Để đạt được kết quả này, ngoài việc tuyển thêm các lao động tỉnh ngoài có chất lượng, công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch trong tỉnh phải chú trọng nâng

cao chất lượng gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; cần thống kê chính xác cung – cầu tổng thể và các ngành, lĩnh vực cụ thể, yêu cầu về trình độ... để việc đào tạo nhân lực bảo đảm vừa đủ, tránh tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu”.

- Với mục tiêu, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, trong đó xác định yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng, những năm gần đây, ngành du lịch tỉnh luôn quan tâm, chú trọng đến việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tỉnh đã tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực với các tổ chức SNV, EU, ILO, vùng Aquitaine (Cộng hòa Pháp) triển khai nhiều chương trình đào tạo chuyên ngành khách sạn, lễ hành, tiếng Anh, tiếng Pháp. Qua chương trình liên kết đào tạo với tổ chức SNV tại Việt Nam, 186 học viên là người dân tộc thiểu số thuộc huyện Bắc Hà, Sa Pa đã được tham gia các khóa đào tạo kỹ năng thuyết minh du lịch và kinh doanh lưu trú tại gia; đào tạo tiếng Pháp cho 35 học viên và tiếng Anh cho 30 học viên là cán bộ đang công tác tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch trên địa bàn huyện Sa Pa; tổ chức lớp tập huấn về du lịch cộng đồng tại xã A Mú Sung (Bát Xát) và Thanh Kim (Sa Pa). Hai cơ sở đào tạo của tỉnh là Trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật và Du lịch và Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai đã đào tạo được 140 học viên trong lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đã chủ động mời các trường đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động làm việc tại các đơn vị. Năm 2013, có 80 hướng dẫn viên được bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, 256 lượt lao động tại các cơ sở đã được đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng phục vụ.

- Để du lịch Sapa hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm du lịch lớn của miền Bắc và của cả nước, ngành du lịch tỉnh còn rất nhiều việc phải làm, trong đó, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho phát triển du lịch đang là yếu tố quan trọng và cần thiết nhằm phát huy hiệu quả ngày càng cao và đa dạng của du khách, tạo đà thúc đẩy du lịch Sapa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch. Gắn với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch tại chỗ của địa phương với thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao từ các địa phương khác về làm việc tại Sapa.

### 3.3.3 Cơ chế chính sách phát triển du lịch Sapa

Sapa có rất nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển du lịch ở cả ba loại hình: du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch sinh thái, mạo hiểm và du lịch cộng đồng tập trung ở các địa bàn có lợi thế về du lịch, Sa Pa với khí hậu ôn đới, cảnh quan hùng vĩ và đa dạng bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số.

Do đó, Sapa đã quy hoạch các tuyến, điểm du lịch và ưu tiên đầu tư phát triển du lịch tại các địa bàn có lợi thế về du lịch. Du lịch Sapa đang được sự hỗ trợ tích cực của các cơ quan Trung ương cũng như sự ủng hộ, liên kết của tỉnh, thành phố trong cả nước, với mong muốn đưa du lịch dịch vụ thành ngành kinh tế mũi nhọn ở địa phương. Công tác tuyên truyền, vận động người dân xây dựng các tuyến phố tự quản, tuyến phố văn minh, các tiêu chí văn minh đô thị, hạ tầng đô thị được triển khai thực hiện, góp phần để lại ấn tượng đẹp cho du khách trong nước và quốc tế khi đến với Sapa.

Để tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, đưa du lịch Sapa "cất cánh", Phó Thủ tướng đề nghị, trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau: Làm tốt công tác quy hoạch, đầu tư về du lịch, tập trung vào qui hoạch tổng thể, vùng, ngành. Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và phát triển sản nhân lực và sản phẩm du lịch. Thực hiện một số chiến dịch quảng bá và xúc tiến du lịch, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư du lịch.

Theo đó, thời gian tới, thành phố Lào Cai sẽ xây dựng quy hoạch chi tiết về phát triển du lịch, liên kết với các huyện phát triển các tuyến du lịch thành phố Lào Cai - Hà khẩu; thành phố Lào Cai - Sa Pa, thành phố Lào Cai - Bắc Hà; thành phố Lào Cai- Bảo Yên. Cùng với đó, thành phố phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; xây dựng tuyến phố chuyên kinh doanh gắn với hoạt động chợ đêm; đầu tư xây dựng các khu vệ sinh công cộng, các ki-ốt thông tin điện tử tra cứu thông tin phục vụ du khách; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, công ty du lịch phát triển....

Trong phát triển sản phẩm du lịch, Sapa chú trọng xây dựng các điểm du lịch cộng đồng kiểu mẫu và phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của từng địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh kết nối hoạt động du lịch khu vực với các tỉnh vùng Đông Bắc, tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và Lào. Trong “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Sapa giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030”, Sapa phấn đấu đến năm 2020 trở thành một trong những điểm đến du lịch bậc nhất của vùng Tây Bắc, với lượng khách du lịch tới đây lên tới 4,5 triệu lượt khách/năm, nguồn thu từ khách du lịch đạt 18.000 tỷ đồng và là một trung tâm du lịch thiên nhiên và văn hóa miền núi lớn nhất Việt Nam trong tương lai

### **3.2 Một số giải pháp đề xuất khai thác hiệu quả văn hóa tộc người H'mong phục vụ du lịch**

#### **3.4.1 Khôi phục làng nghề truyền thống tộc người h'mong ở sapa**

Bản Cát Cát (huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai) là bản lâu đời của tộc người H'mông, còn lưu giữ nhiều nghề thủ công truyền thống như trồng bông, lanh, dệt vải và chế tác đồ trang sức. Qua những khung dệt, tộc người H'mông tạo nên những tấm thổ cẩm nhiều màu sắc, với các hoa văn mô phỏng cây, lá, hoa, muông thú... Nơi đây còn có nghề chế tác đồ trang sức bằng bạc, đồng đã có từ lâu đời và tạo ra những sản phẩm tinh xảo, gồm đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, dây xà tích, nhẫn... Các sản phẩm nghề thủ công của bản Cát Cát được khách du lịch yêu thích và thường mua về làm kỷ niệm.

Trong khi có nhiều nghề thủ công truyền thống của các dân tộc vẫn được trao truyền đến ngày nay, cũng có rất nhiều làng nghề bị mai một, thậm chí có nguy cơ biến mất, do không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất hàng loạt trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Sapa là một trong những địa phương có những chính sách khá tốt trong việc bảo tồn và giữ gìn nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc. Trong khuôn khổ dự án “Đầu tư bảo tồn làng truyền thống tộc người H'mông” làng Cát Cát, xã San Sả Hồ (Sa Pa), Sa Pa đã tiến hành bảo tồn 4 nghề thủ công truyền thống là: Nghề dệt thổ cẩm, nghề chạm khắc bạc, nghề rèn đúc, nghề mộc, đan lát mây - tre - rơm, giải quyết việc làm, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội lớn cho sự phát triển của địa phương, đặc biệt là trong việc thu hút khách du lịch đến tham quan và tìm hiểu các sản phẩm làng nghề. Khuyến khích phát triển các làng nghề truyền thống: Nghề dệt lanh thổ cẩm nghề chế tác khèn H'mông, nghề rèn, đúc, nghề đan quây tấu ở Mèo Vạc, việc đầu tư phát triển các làng nghề vừa bảo tồn văn hóa vừa tạo ra sinh kế cho người dân. Các đề án về nâng cao hiệu quả công tác quản lý chợ, phát triển kinh tế biên mậu vừa để phát triển thương mại, tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo, đồng thời cũng là để bảo tồn văn hóa; bởi chợ phiên được ví như “Bảo tàng sống” về sinh hoạt văn hóa cộng đồng của tộc người H'mông. Một số chợ phiên đặc trưng thu hút nhiều sự quan tâm, tìm hiểu của du khách như: Chợ trung tâm. Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò của Hội Nghệ nhân dân gian và mở các lớp truyền dạy khèn H'mông cho thế hệ trẻ được xem là cách để “gửi gắm” văn hóa dân tộc mình cho thế hệ mai sau. Việc bảo tồn văn hóa bằng cách khôi phục và phát triển các lễ hội đặc sắc mang đậm nét văn hóa riêng của tộc người H'mông cũng mang lại hiệu quả rõ nét như: Lễ hội võ mông ở Mèo Vạc, Lễ hội Gầu Tào, Lễ hội Chợ tình Khau Vai, Lễ hội khèn H'mông, Ngày hội Văn hóa dân tộc H'mông, Lễ hội hoa Tam giác mạch... gắn với nhiều hoạt động văn hoá độc đáo tại lễ hội như: Thi dệt vải lanh, múa khèn, các trò



chơi gian gian, hát dân ca, dân vũ, thi người đẹp tộc người H'mông trình diễn trang phục dân tộc đẹp; giới thiệu về lễ nghi ăn hỏi, ma chay, kỹ thuật “Cày trên nương đá”, thổ canh hốc đá, xếp tường rào đá; đan quây tấu, kỹ thuật đúc lưỡi cày; ý nghĩa về cây lanh, cây khèn H'mông trong đời sống sinh hoạt, tâm linh và quy trình dệt thành tấm vải lanh hoàn chỉnh, hay chế tác khèn H'mông; đặc biệt là giao lưu ẩm thực với cháo trắng cố nghi ngút khói, chén rượu ngô chén choáng và bát mèn mèn ấm lòng. Việc tổ chức các hoạt động trong các lễ hội không chỉ góp phần giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tộc người H'mông mà còn giáo dục tinh thần đoàn kết, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đồng thời là dịp để các Nghệ nhân, diễn viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, giới thiệu giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống với du khách.

Việc khôi phục và phát triển nghề, làng nghề truyền thống các dân tộc thiểu số là cần thiết và cần có cơ chế chính sách hợp lý. Tuy nhiên, cần phải chú ý rằng, việc phát triển các sản phẩm nghề và làng nghề phải phù hợp với đời sống xã hội, sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, phải có chính sách hỗ trợ gắn liền với tuyên truyền quảng bá sản phẩm, thương hiệu, gắn làng nghề với những địa danh, địa chỉ văn hóa du lịch... giới thiệu rộng rãi và đưa sản phẩm thủ công truyền thống đến khách hàng, du khách trong và ngoài nước, để những nghề và làng nghề trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ được gìn giữ và phát triển, góp phần nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của đồng bào các dân tộc.

3.4.2 Giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch

Trong năm 2017, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh đã phát hành tập gấp, đăng tải video đầy mạnh tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch trên địa bàn tỉnh Sapa, Lào Cai. Phối hợp với Chi nhánh Viettel Lào Cai triển khai 8 điểm camera giám sát tại các điểm du lịch; phối hợp với huyện Sa Pa thí điểm hệ thống app-store du lịch (thông tin hướng dẫn du lịch) và phối hợp với VNPT xây dựng Cổng thông tin du lịch... nhằm tạo thuận lợi cho du khách cũng như quản lý tốt hơn các hoạt động du lịch - dịch vụ. Đặc biệt, ngành Văn hóa-Thể thao &DL chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định trong công tác thẩm định, cấp phép hoạt động du lịch; quản lý lữ hành, hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch. Thực hiện xếp hạng khách sạn theo tiêu chuẩn TCVN 4391:2015. Trong năm 2017, đã thẩm định mới và thẩm định lại trên 100 cơ sở lưu trú; quản lý trên 960 cơ sở lưu trú của toàn tỉnh (gồm các loại hình khách sạn từ 1 sao đến 5 sao cùng hệ thống nhà nghỉ du lịch và loại hình Homestay). Bên cạnh đó là quản lý hoạt động của 39 doanh

nghiệp lữ hành; định kỳ tổ chức sát hạch, cấp giấy chứng nhận cho các thuyết minh viên, cấp thẻ hướng dẫn viên. Tính đến hết năm, đã cấp mới 97 thẻ hướng dẫn viên nội địa và quốc tế; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng, thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước, đặc biệt là dịp diễn ra các sự kiện, lễ hội lớn trên địa bàn.

### 3.4.3 Đa dạng hóa loại hình du lịch tộc người H'mong ở Sapa

- Du lịch trekking

Du lịch trekking chính là đi bộ khám phá, loại hình du lịch này đang phát triển và phổ biến từ rất lâu ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới. Nhưng ở Việt Nam thì đây được xem là loại hình du lịch khá mới mẻ và độc đáo. Và địa điểm du lịch Sa Pa là nơi rất thích hợp cho loại hình du lịch này. Điều đặc biệt của loại hình hoạt động trekking này chính là du khách phải tự mang đồ đạc và đi bộ vào những khu rừng, núi hay bản làng xa. Loại hình này tạo cho con người cảm giác thích chinh phục chính mình.

Du lịch trekking khi đi du lịch ở tộc người H'mong ở Sapa cần tính toán khoảng cách sao cho về đêm có thể đến một bản làng để ngủ nhờ hoặc nhờ người dân trong bản nấu bữa tối.

Việc đi du lịch bằng hình thức trekking là loại hình du lịch bụi khá mạo hiểm vì vậy trên đường di chuyển cần phải quan sát những người xung quanh, tránh để lạc và giữ cự ly nhất định để có thể hỗ trợ nhau dễ dàng nhất là những khúc qua sông, suối và những khu vực đường nguy hiểm.

Nếu muốn hạ lều trong rừng thì phải hạ lúc trời còn sớm, ở bãi đất khô, bằng phẳng và gần nguồn nước để thuận lợi cho việc nấu nướng, trước trại luôn luôn đốt một đồng lửa lớn duy trì suốt đêm. Mỗi lần đến địa phương cần phải nói chuyện với dân bản địa để tìm hiểu về đặc điểm địa hình, thời tiết và một số điều cấm kị trong bản làng.

Vào các bản làng như Cát Cát của tộc người H'mông đen ở địa điểm du lịch Sapa thì du khách không được ngồi gian giữa và vào thăm nhà phải theo sự chỉ dẫn của gia chủ. Theo phong tục của tộc người H'mông, ghé đầu bàn luôn dành cho cha mẹ mặc dù họ đã mất nhưng khách vẫn không được ngồi vào đó.

Nếu muốn ngủ nhờ qua đêm ở bản Cát Cát của tộc người H'mong nhưng nếu bản đang bận cúng thần hay đuổi tà ma, họ không muốn cho người lạ tham dự. Lúc đó trước cổng bản của địa điểm du lịch Sa Pa thường có một chùm lá xanh treo trên cây cột cao dựng nơi trang trọng để ai cũng có thể nhìn thấy.

Du lịch tự túc trong bản không cười đùa huyền ảo phải từ tôn, tôn trọng cảnh quan tĩnh lặng vốn có của bản làng. Với những đứa trẻ nhỏ dù yêu trẻ đến đâu cũng không được xoa đầu bởi theo quan niệm của các đồng bào ở đó cho rằng xoa đầu, hôn đầu trẻ làm cho chúng sợ hãi hay trẻ dễ bị đau ốm.

Một điều đặc biệt tối kỵ nhất đó là không huýt sáo khi dạo chơi ngắm cảnh bản làng. Bởi tiếng huýt sáo theo bà con nơi đây cho rằng đó là âm thanh gọi ma quỷ về bản làng. Trong nhà tộc người H'mông xây dựng có cây cột to chôn sau xuống đất, cao dựng đến nóc nhà được xem là cây cột cái là nơi con ma trú ngụ và du khách không nên treo áo quần hay ngồi dựa vào cây cột “linh hồn” đó. Trong bản làng luôn có một khu vực chung thờ cúng rất linh thiêng: một khu rừng cấm, một gốc cây cổ thụ sum xuê cành lá nhiều năm tuổi, một hòn đá kỹ vĩ thờ thần thánh. Đó là những nơi sạch, đẹp, mát mẻ, song du khách chớ đến đó để dừng chân nghỉ ngơi, tâm tình, ăn uống, nằm ngả hay vứt rác bừa bãi.

Điểm đến của tộc người H'mong Sapa là nơi hội tụ của đất trời, thiên nhiên và khí hậu, là nơi “tụ hội” nhiều danh lam thắng cảnh hùng vĩ và thơ mộng, vì vậy du lịch trekking ở vùng đây là địa điểm du lịch Sa Pa lý tưởng cho những ai muốn khám phá thiên nhiên cũng như những nét văn hóa đặc trưng của đồng bào tộc người H'mong.

- Du lịch sinh thái:

Nằm dưới chân dãy núi Hoàng Liên Sơn, giữa mây ngàn gió núi, bản Cát Cát của tộc người H'mong là điểm du lịch sinh thái lý tưởng cho du khách khi muốn tìm hiểu và khám phá đời sống văn hóa của con người vùng cao Tây Bắc.

Tới đầu bản Cát Cát của tộc người H'mong, bước theo những bậc đá dẫn xuống thung lũng, cảnh sắc làng quê yên bình hiện ra với những mái nhà chằm phá trên những thửa ruộng bậc thang, điểm xuyết những bụi giang, trúc, vầu xanh tốt... Bất gặp những chiếc cối giã gạo không dùng sức người - nước suối chảy đầy máng một đầu chài thì đầu kia bật lên cao, khi nước tràn ra ngoài, đầu chài kia lại hạ xuống, giã vào cối thóc cho ra những hạt gạo trắng tinh.

Điểm nổi bật của tộc người H'mong ở bản Cát Cát là đến đây vào bất kỳ tháng nào trong năm, du khách cũng được hòa mình vào những cánh đồng hoa, hoa hướng dương, hoa hồng ri, hoa cánh bướm... xen lẫn màu xanh của ruộng bậc thang tạo nên bức tranh thiên nhiên thơ mộng.

Bản Cát Cát của tộc người H'mong không chỉ hấp dẫn du khách bởi phong cảnh thiên nhiên hoang sơ, trữ tình mà còn bởi những nét văn hóa truyền thống đặc

sắc, đa dạng của đồng bào tộc người H'mông nơi đây và thực sự thích thú khi cùng hòa mình vào điệu múa điệu dân của những cô gái H'mông xinh đẹp, điệu khèn, tiếng đàn say đắm lòng người hay cùng giao lưu nhảy sạp với những chàng trai, cô gái người H'mông.

Ngoài trồng lúa, tộc người H'mông ở Cát Cát còn phát triển các nghề thủ công truyền thống như trồng lanh dệt vải, đan lát dụng cụ sinh hoạt, chạm trổ bạc và rèn nông cụ. Đến bản Cát Cát, du khách sẽ được tham quan khu trưng bày và bán các sản phẩm thủ công truyền thống của đồng bào tộc người H'mông. Với những nét độc đáo riêng có của một bản vùng cao Tây Bắc, tộc người H'mông lâu nay đã trở thành điểm đến du lịch ấn tượng, không thể bỏ qua của du khách trong và ngoài nước khi đến Sa Pa.

Nhờ phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, đời sống của đồng bào dân tộc địa phương được cải thiện đáng kể, đem lại cho tộc người H'mông một diện mạo mới nhưng không làm mất đi những nét đẹp truyền thống từ bao đời nay.

- Du lịch văn hóa:

Đời sống của cộng đồng các dân tộc được phản ánh sinh động thông qua các nghi lễ về tín ngưỡng, về tâm linh như cầu mong Trời yên, Đất lành; mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, sức khỏe cho con người... và đặc biệt với phần Hội vô cùng phong phú. Vì thế mà khách du lịch luôn thích thú đến với Sapa vào những dịp đầu xuân để được hòa đồng trong mùa lễ hội hội Sải Sán của đồng bào tộc người H'mông ở Cán Cấu (Si Ma Cai). Những vũ điệu độc đáo và huyền bí; những làn điệu dân ca mê đắm lòng người cùng những trò chơi dân gian mang tính nhân văn

Đời sống văn hóa tinh thần phong phú của đồng bào còn được thể hiện ở nghề thủ công, mỹ nghệ, thổ cẩm truyền thống của đồng bào đã đạt đến độ tinh xảo và cuốn hút đến diệu kỳ. Phụ nữ H'mông rất giỏi trong cảm thụ màu sắc, những tấm thổ cẩm của họ bao giờ cũng hội đủ sắc màu của thiên nhiên từ cây thông, đồi núi, hạt ngô, hạt lúa... Tất cả được biểu đạt như chính bức tranh sống động của đời sống đồng bào. Vẻ đẹp vĩnh hằng thì luôn trường tồn với thời gian. Giờ đây những sản phẩm này đã trở thành quà lưu niệm quen thuộc đối với khách du lịch Sapa.

Thấp thoáng sau triền núi triền đồi những ngôi nhà mái chày, lợp ngói nung hoặc gỗ ván, dựa theo sườn núi vẫn thu hút được sự quan tâm của du khách. Đó là những ngôi nhà mang đậm chất văn hoá riêng ở những bản tộc người H'mông. Những giá trị văn hóa còn được lưu giữ ngay trong đời sống sinh hoạt của từng gia đình nơi đây.

### **3.3 Xây dựng một số chương trình du lịch có khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa, Lào Cai**

- **Lịch trình tour bản Cát Cát của tộc người H'mong ở Sapa 1 đêm bằng ô tô**

**6h30:** Hướng dẫn viên sẽ đón bạn tại khách sạn của bạn và bắt đầu đi bộ xuống làng Cát Cát là bản làng của tộc người H'mông, nơi còn lưu giữ nguyên vẹn những phong tục độc đáo của người dân tộc, tiêu biểu như tục kéo vợ.

Hướng dẫn địa phương sẽ chỉ cho bạn những hoạt động đời sống hàng ngày của người dân địa phương, đi thăm thác thủy điện được người Pháp xây dựng năm 1925.

Quãng đường đi bộ khoảng 5 km trong khoảng thời gian 3 giờ

**11.45:** Đoàn trở về thị trấn Sapa hoặc tại khách sạn của bạn. Kết thúc chương trình

#### **Giá:**

<b>Giá trên mỗi người trong nhóm:</b>				
Số người	1 người	2 người	3 - 4 người	5 trở lên
USD	45	25	20	18

#### **Đã bao gồm:**

- Hướng dẫn viên địa phương nói tiếng anh
- Phí vào cửa
- Thuế

#### **Không bao gồm:**

- Nhà nghỉ
- Phương tiện đi lại
- Các chi phí cá nhân khác

- **Lịch trình tour Sapa 2 ngày 1 đêm bằng ô tô**

Ngày 01: Hải Phòng- Sapa -Hàm Rồng (Ăn trưa,Tối)

06h30 - 07h00 HDV đón quý khách tại khách sạn lên xe khởi hành đi Sapa theo tuyến cao tốc Hải Phòng đi Lào Cai.

12h30 Quý khách có mặt tại Sapa, HDV đưa quý khách về khách sạn nhận phòng, nghỉ ngơi, ăn trưa

14h00: HDV đưa quý khách đến thăm khu du lịch Hàm Rồng,

Tối: sau bữa tối du khách tự do dạo chơi thị trấn sapa, khám phá chợ đêm vào các ngày cuối tuần ,hoặc thưởng thức các món nướng tại khu phố đồ nướng, nghỉ đêm tại khách sạn.

**Ngày 02: Du lịch Sapa - bản Cát Cát (Ăn sáng, trưa)**

Sáng: sau bữa sáng HDV đưa Quý khách đến với bản Cát cát của đồng bào tộc người H' mông, nơi quý khách có thể hòa mình vào với thiên nhiên, thăm những danh lam thắng cảnh như Nhà Máy Thủy Điện do người pháp xây dựng và những năm 1929, ngắm nhìn con suối Mường Hoa và những thửa ruộng bậc thang , ghé thăm những ngôi nhà trình tường lợp bằng gỗ Pơ mu của tộc người H'mông, chụp hình lưu niệm tại thác Tiên Sa.

Trưa: Sau khi khám phá bản du lịch Cát Cát quý khách về khách sạn, trả phòng, ăn trưa, sau ăn trưa quý khách nghỉ ngơi.

Chiều: Quý khách xuống chợ Sapa mua quà lưu niệm cho chuyến du lịch Sapa,

16h00 Quý khách lên xe trở về Hải Phòng, quý khách nghỉ ngơi ăn tối trên đường.

21h00 Xe đưa Quý khách về đến Hải Phòng, kết thúc hành trình du lịch Sapa 2 ngày 1 đêm bằng ô tô

**Giá tour Sapa 2 ngày 1 đêm bằng ô tô:**

Khách sạn 2 sao:

**Giá Du lịch Sapa 2 ngày bao gồm:**

1. Xe đưa đón Hải Phòng - Sapa – Hải Phòng

2. Phòng nghỉ khách sạn 02 khách / 01 phòng (Trường hợp lẻ khách nghỉ 3 khách / 01 phòng 3 giường)
3. Ăn các bữa theo chi tiết đã ghi trong chương trình
4. Vé thắng cảnh vào cửa một lần tại các điểm du lịch trong chương trình
5. HDV theo chương trình tour ghép hàng ngày
6. Bảo hiểm du lịch trọn gói 20.000.000đ
7. Nước chai: 01 chai 500ml / 01 khách / 01 ngày

Giá tour đi Sapa 2 ngày 1 đêm không bao gồm:

Nghỉ phòng đơn, thuế VAT, Chi phí đồ uống, điện thoại, giặt là và các chi phí cá nhân khác, tiền tips cho HDV và lái xe

Giá trẻ em:

1. Trẻ em dưới 5 tuổi miễn phí (điều kiện phải dùng chung dịch vụ cùng người đi kèm, cha mẹ...)
2. Trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 11 tuổi tính 75% chi phí tour người lớn
3. Trẻ em từ 11 tuổi trở lên bằng giá tour người lớn.

**• Du Lịch Sapa – Cát Cát – Phan Xi Păng – 2 Ngày 1 Đêm**

*Lịch trình tour*

Ngày 01: Hải Phòng - Sapa – Cát Cát ( Ăn bữa: Trưa + Tối )  
Sáng: 06h00 ô tô và HDV đón quý khách tại điểm hẹn trong nội thành, TP. Hải Phòng. Sau đó bắt đầu hành trình khởi hành đi Sapa - Một thị trấn vùng cao của tỉnh Lào Cai nơi tập chung sinh sống của của đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống... Trên đường đi (theo đường cao tốc Hải Phòng - Lào Cai khoảng 06 tiếng). Quý khách tự do nghỉ ngơi hoặc ngắm cảnh hùng vĩ của núi rừng phía bắc. 10h00 đoàn đến Yên Bái, quý khách nghỉ dừng chân đôi chút, sau đó tiếp tục hành trình đi Sapa, trên đường đi quý khách có cơ hội ngắm nhìn những thửa ruộng bậc thang lấp lánh trong ánh nắng ban mai hay mịt mờ trong sương phủ. Chiều: Hướng dẫn viên sẽ đưa quý khách đi bộ bắt đầu hành trình khám phá bản làng Cát Cát - Shin Chải của tộc người H'Mông - do người Pháp phát hiện và chọn nơi đây làm khu nghỉ dưỡng cho các quan chức từ đầu thế kỷ XX. Đến với bản Cát Cát, du khách sẽ được tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán độc đáo của người dân nơi đây với nghề truyền thống như dệt vải, chạm trổ bạc, rèn nông cụ, tục kéo vạ,... thăm quan trạm thủy điện Cát Cát, thác nước Cát Cát, thưởng thức

các tiết mục ca múa nhạc dân tộc, vui chơi và chụp hình lưu niệm sau đó quay trở về khách sạn.

Tối: Đoàn dùng bữa tối tại nhà hàng. Sau bữa tối, Quý khách tự do khám phá dạo chơi khám phá vẻ quyến rũ của Sapa trong đêm, thưởng thức ngô nướng, trứng nướng trong sương gió núi rừng bên bếp than hồng. Tự do mua sắm đồ lưu niệm. Đặc biệt vào tối thứ bảy Quý khách có thể tham dự phiên Chợ Tình Sapa - một nét văn hóa truyền thống của đồng bào các tộc người H'mông, Dao ở vùng cao Lào Cai nói riêng và vùng Tây Bắc nước ta nói chung từ xa xưa. Nghỉ đêm tại khách sạn.

Ngày 02: Leo Phanxipang–Hải Phòng ( Ăn bữa: Sáng + Trưa )

Sáng: Quý khách dậy sớm, ngắm cảnh bình minh trên dãy Hoàng Liên Sơn và cảm nhận không khí trong lành và mát mẻ... 07h00 quý khách dùng bữa điểm tâm sáng tại nhà hàng. Xe đón đoàn và đưa quý khách đi nhà Ga cáp treo để làm thủ tục lên cáp treo và làm thủ tục lên cáp treo trên đường đi quý khách ngắm cảnh núi rừng Sapa hùng vĩ ... Sau khi kết thúc đi cáp treo đoàn tiếp tục leo bộ thêm 400 bậc thang nữa sẽ đến đỉnh Phanxipang - nóc nhà Đông Dương với độ cao 4.143 mét ... từ đây quý khách ngắm nhìn toàn cảnh ngoạn mục của núi rừng Tây Bắc...

Trưa: Đoàn khởi hành về khách sạn làm thủ tục trả phòng và dùng bữa trưa tại nhà hàng của khách sạn.

16h00 ô tô đón đoàn và đưa về lại Hải phòng, trên đường về, quý khách tiếp tục có cơ hội ngắm cảnh đẹp huyền diệu của núi rừng tây bắc buổi chiều tà với những đám mây hững hờ trôi... Đoàn tự do nghỉ ngơi trên xe. 22h00 ô tô đưa đoàn về đến Hà Nội, kết thúc hành trình và hẹn gặp lại quý khách.

Giá tour bao gồm

Ô tô đời mới – máy lạnh đưa đón đoàn theo hành trình

Trà, café, kẹo tiếp đón tại văn phòng.

Miễn phí trên xe: wifi, nước, trà, khăn ướt,..

01 đêm nghỉ tại khách sạn tại trung tâm thị trấn Sapa

Khách sạn tiêu chuẩn 3\* - Ăn sáng Buffet

02 người/01 phòng nếu lẻ nam hoặc nữ thì ghép 3 người

Ăn các bữa theo hành trình ( mức ăn: theo tiêu chuẩn )

Vé cáp treo khứ hồi đỉnh Phanxipang (600.000 VND)

Hướng dẫn viên suốt tuyến, nhiệt tình, kinh nghiệm.

Vé thăm quan bản Cát Cát - Shin Chải

Bảo hiểm du lịch với mức bồi thường tối đa 30.000.000VND/trường hợp.



Giá tour không bao gồm

Bữa tối ngày cuối cùng ( Quý khách tự túc )

Thuế VAT (10%)

Các chi phí cá nhân khác (điện thoại, giặt là, đồ uống trong bữa ăn,...)

Tiền tip cho nhà xe và hướng dẫn (tùy ý khách sau khi đi tour)

Ghi chú

Trẻ em dưới 5 tuổi miễn phí giá tour, bố mẹ tự lo cho bé, trẻ em 5 - 9 tuổi tính 50% giá tour (ngủ chung phòng với bố mẹ), trẻ em 10 tuổi trở lên tính như người lớn.

Bữa tối ngày cuối cùng không bao gồm ( chi phí quý khách tự túc )

Chương trình có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.

- **Tour ghép Hải Phòng – Sapa – Cát Cát – Hàm Rồng ( 3 ngày 3 đêm)**

*Lịch trình tour*

Ngày 01: Lào Cai- Sapa- Cát Cát

05h30: Tới Lào Cai, xe đón quý khách tại ga Lào Cai đi Sapa. Trên đường quý khách sẽ được chiêm ngưỡng cảnh núi non hùng vĩ của dãy Hoàng Liên Sơn, ngắm nhìn vẻ đẹp của những thửa ruộng bậc thang trên các sườn núi – vẻ đẹp đặc trưng của miền núi Tây Bắc Việt Nam.

07h00: Quý khách gửi đồ tại quầy lễ tân và ăn sáng tại khách sạn. Sau đó Quý khách tự do tham quan và chụp ảnh tại thị trấn.

12h00: Nhận phòng nghỉ ngơi ăn trưa tại khách sạn.

Buổi chiều: Quý khách đi thăm bản Cát Cát của tộc người H'mông, Thác thủy điện được người Pháp xây dựng năm 1925. Ăn tối và nghỉ đêm tại Sa Pa. Đặc biệt vào tối thứ bảy Quý khách có thể tham dự phiên Chợ Tình– một trong những nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc vùng cao phía bắc Việt Nam.

Ngày 02: Hàm Rồng – Hà Nội

Ăn sáng tại khách sạn.

Quý khách thăm quan đỉnh Hàm Rồng gồm có: Vườn Lan 1 – 2, vườn Lê, vườn Táo Mèo, Vườn hoa Trung Tâm, Hòn Đá Gãy, Cổng Trời, Đâu Rồng, Hòn Cá Sấu, Khu Thiên Thạch Lâm, Hòn Phật Bà, Sân Mây, tháp truyền hình..., Quý khách tham quan khu du lịch Hàm Rồng ngắm nhìn toàn cảnh Sa Pa từ trên cao, thăm tháp truyền hình. Quay trở về khách sạn ăn trưa.

12h00: Trả phòng khách sạn và tự do mua sắm đặc sản Sapa cho đến giờ về (táo mèo, mút hoa quả các loại, rượu San Lùng, rượu Bắc Hà, các loại thảo dược miền núi...)

Xe đưa Quý khách trở lại Lào Cai.

Ăn tối tại nhà hàng.

19h00: Rời Lào Cai về Hà Nội, Quý khách ngủ đêm trên tàu.

Ngày 03: Hà Nội- Hải Phòng

05h30: Về đến Hà Nội, Quý khách chuyên tàu sớm về Hải Phòng.

09h30: Về đến Hải Phòng, kết thúc chương trình tour ghép Hải Phòng – Sapa – Cát Cát – Hàm Rồng (Tour ghép khách lẻ 3 ngày 3 đêm).

**• Tour du lịch Hải Phòng – Sapa(3 Ngày 2 Đêm)**

*Lịch trình tour*

Ngày 1: Hải Phòng - Sapa

Sáng: Xe đón Quý khách tại điểm hẹn khởi hành đi SaPa. Ăn sáng và trưa trên đường đi. Trên đường ghé thăm và làm lễ viếng tại đền ông Hoàng Bảy. Tới SaPa nhận phòng nghỉ ngơi, ăn tối.

Tối: quý khách tự do tham quan chợ Tình của người dân tộc thiểu số ( chỉ có vào tối thứ bảy).

Ngày 2: Tham quan Sapa

Sau bữa sáng xe đưa quý khách thăm quan khu du lịch hàm Rồng với: Sân Mây, Cổng Trời, các Vườn Lan, vườn Hoa Sapa, đỉnh Hàm Rồng, thưởng thức các chương trình văn nghệ tại khu du lịch...Ăn trưa tại khách sạn.

Chiều đoàn thăm quan bản Cát Cát của tộc người H'mong tìm hiểu về phong tục tập quán và các nghề thủ công truyền thống của người bản địa, lễ hội, thăm thác Cát Cát... Ăn tối nghỉ đêm tại khách sạn.

Ngày 3: SaPa – Hải Phòng

Sáng: Dùng bữa sáng, trả phòng khách sạn. Quý khách thăm quan Thác Bạc, tự do mua sắm đồ lưu niệm.

Xe đưa đoàn về Hải Phòng. Dùng bữa trưa trên đường đi. Kết thúc chương trình tour du lịch SaPa khởi hành từ Hải Phòng.

Giá chương trình du lịch SaPa đã bao gồm:

- Phương tiện vận chuyển: Xe du lịch đời mới, lái xe kinh nghiệm, vui vẻ suốt hành trình từ Hải Phòng đến SaPa
- Ăn chính 05 bữa x 180.000đ/suất. Ăn phụ 03bữa x 40.000đ/suất.
- Vé vào cửa theo chương trình.
- Nghỉ 02 đêm (nghỉ 04 người phòng 02 giường 1,2m. K/s tiêu chuẩn 2\*\* 3\*\*\*).

- Bảo hiểm du lịch, nước uống trên xe (01chai/ngày/khách), hướng dẫn viên nhiệt tình, vui vẻ suốt hành trình.

Giá chương trình du lịch SaPa không bao gồm:

- Hoá đơn VAT, điện thoại, phòng nghỉ đơn, giặt là, chi phí cá nhân khách tự sử dụng,...

### **Tiểu kết chương 3**

Với nguồn tài nguyên và du lịch phong phú như cảnh quan thiên nhiên, lễ hội, văn hóa của các dân tộc thiểu số Sapa đã tạo lên các sản phẩm du lịch có khả năng thu hút khách du lịch cao. Trong đó nổi bật là giá trị văn hóa tộc người H'mong, đã và đang được khai thác nhưng vẫn chưa khai thác được tối đa cái giá trị văn hóa để phục vụ du lịch.

Chính vì thế, cần có những biện pháp khai thác hiệu quả các yếu tố văn hóa tộc người H'mong để phục vụ hoạt động du lịch. Từ đó em đã đề xuất một số giải pháp khai thác như: Đầu tư phát triển nguồn nhân lực ở tộc người H'mong, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, xúc tiến hoạt động quảng bá tuyên truyền...và đưa ra một số chương trình du lịch trong đó có khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa nhằm phát triển du lịch.

## **Kết luận**

Văn hóa du lịch, là những yếu tố văn hóa truyền thống là mục tiêu và là điều kiện để khẳng định rằng văn hóa chính là nội dung bản sắc để du lịch Việt Nam để có thể tạo nên những nét văn hóa và đa dạng các sản phẩm du lịch mang tính độc đáo và đặc sắc để thu hút khách du lịch tới Việt Nam.

Hiện nay các văn hóa ở Sapa nói chung và tộc người H'mong ở Sapa nói riêng đã được khai thác các tiềm năng về văn hóa nhưng chưa thực sự khai thác hết được các tiềm năng. Qua đó, đề tài: “ Khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa để phục vụ hoạt động du lịch” đã đưa ra được các vấn đề:

Đưa ra khái niệm về văn hóa và văn hóa tộc người, đặc trưng cơ bản về tộc người.

Khóa luận nêu ra khái quát về Sapa, vai trò của văn hóa tộc người và vấn đề phát triển du lịch, các bài học kinh nghiệm trong khai thác văn hóa tộc người trên thế giới và Việt Nam.

Quan trọng hơn khóa luận đã khai thác Văn hóa tộc người H'mong ở Lào Cai Sapa nhằm phát triển hoạt động du lịch. Lịch sử hình thành tộc người H'mong ở Sapa Lào Cai, điều kiện kinh tế xã hội. Thực trạng về kinh tế tộc người H'mong, thực trạng cơ sở hạ tầng du lịch, thực trạng văn hóa, xã hội tộc người H'mong. Khai thác những nét độc đáo trong văn hóa tộc người H'mong ở Sapa: văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, ngôn ngữ- Chữ viết, phong tục tập quán, lễ hội, văn hóa ẩm thực, nghề thủ công, các loại hình du lịch

Bên cạnh đó, để khai thác được tất cả các văn hóa tộc người H'mong ở Sapa khóa luận có đưa ra một số giải pháp giữ gìn và khai thác nét văn hóa tộc người H'mong để phục vụ hoạt động du lịch: định hướng phát triển du lịch ở Sapa đến năm 2020, tầm nhìn 2030, giải pháp trực tiếp đến việc phát triển du lịch văn hóa ở Sapa. Biện pháp khai thác các yếu tố văn hóa tộc người H'mong ở Sapa và đưa ra một số chương trình du lịch có khai thác văn hóa tộc người H'mong Sapa

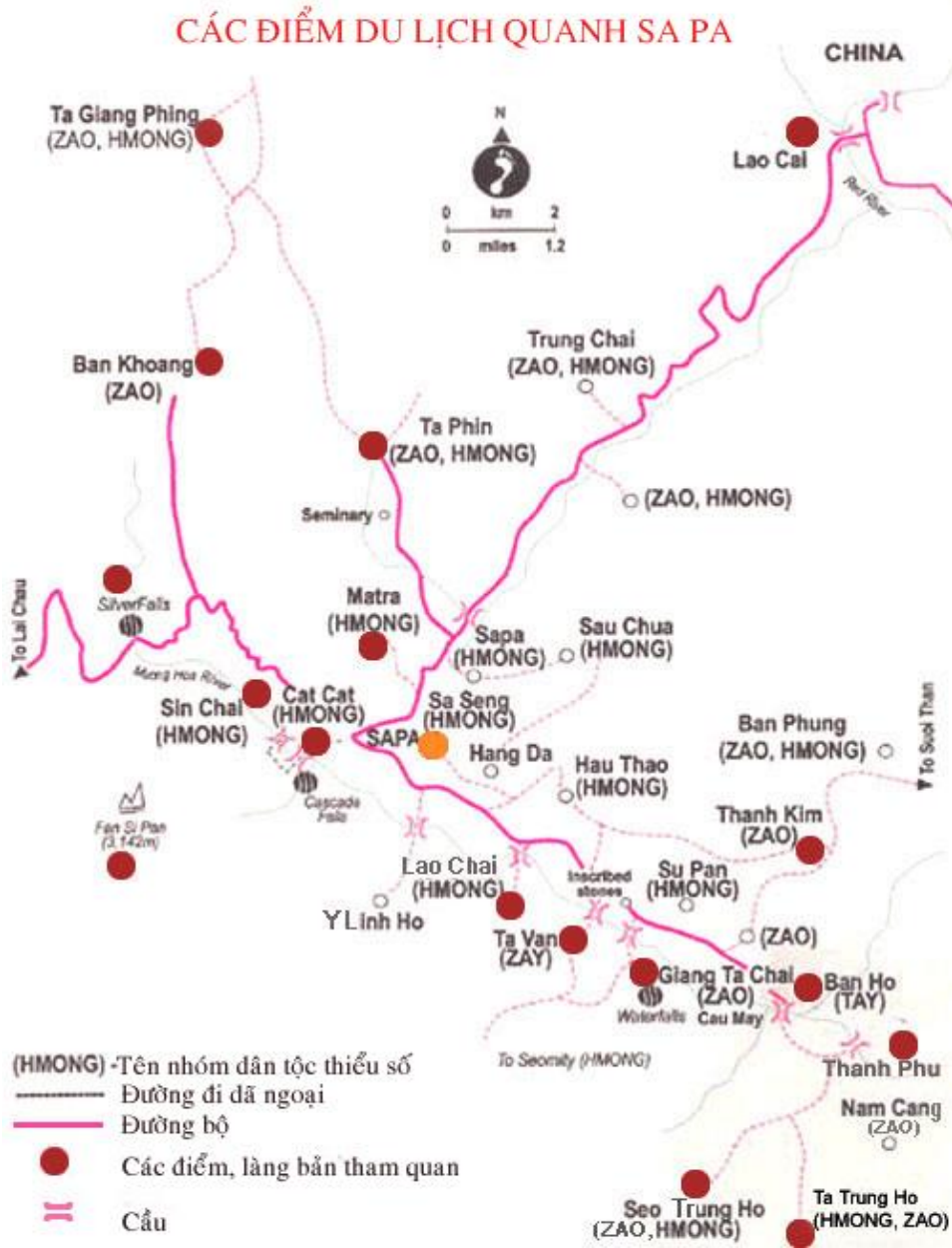
Khóa luận của em được thực hiện với mong muốn đóng góp ý kiến của mình trong việc khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sapa phục vụ hoạt động du lịch. Bài làm của em dựa trên cơ sở kiến thức đã được học ở trường. Các tài liệu thu thập được qua sách báo và các kiến thức quan sát thực tế. Với những kiến thức kinh nghiệm còn hạn chế lên em mong bài khóa luận của em có được những đóng góp thực tế của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

## **Tài liệu tham khảo**

1. “Khai thác di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch tại Việt Nam” (viết chung), *Tạp chí Du lịch*, số 12/2011
2. Đề tài Phát triển nguồn nhân lực cho Du lịch Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế
3. Tìm hiểu làng nghề thủ công điêu khắc cổ truyền, tác giả: Chu Quang Trứ. Nhà Xuất bản: Mỹ thuật.
4. Văn hóa Nam Bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á, tác giả: Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á. Nhà Xuất bản: Đại học Quốc gia TP. HCM. Năm XB: 2000
5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DÂN TỘC VÀ PHÁT TRIỂN
6. Một số vấn đề về dân tộc và phát triển, tác giả: PGS. TS. Lê Ngọc Thắng. Nhà Xuất bản: Chính trị Quốc gia
7. Lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ, tác giả: Tiên Văn Triệu, Lâm Quang Vinh. Nhà xuất bản: Khoa học Xã hội - Sự thật. Năm XB: 2015.

## **Phụ lục**

Bản đồ du lịch Huyện Sapa





Sapa





Chợ Sapa



Chợ tình Sapa



Thắng cố



Hội Gầu Tào



Trang phục nữ tộc người H'mong



Trang phục nam tộc người H'mong